



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH
KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO
KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024





MỤC LỤC

TÓM TẮT	8
LỜI CẢM ƠN	11
A. GIỚI THIỆU	12
I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI	12
II. ESG TẠI VIỆT NAM	13
III. MỤC TIÊU	14
B. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	15
I. THIẾT KẾ KHẢO SÁT VÀ BỘ CÂU HỎI	15
1. Thiết kế bộ câu hỏi khảo sát	15
2. Thời gian thực hiện khảo sát	16
3. Đối tượng khảo sát	16
4. Hình thức khảo sát	16
II. KHẢO SÁT DIỆN RỘNG	17
III. KHẢO SÁT CHUYÊN SÂU	19
IV. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	19
C. THỰC TRẠNG THỰC HÀNH ESG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM	21
I. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VỀ ESG VÀ LUẬT HIỆN HÀNH	21
1. Đánh giá mức độ nhận thức về ESG	21
2. Đánh giá nhận thức về quy định, chính sách của nhà nước liên quan đến ESG	26



II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH CHUNG	27
THEO TỪNG TRỤ CỘT MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, VÀ QUẢN TRỊ	
1. Trụ cột Môi trường	27
2. Trụ cột Xã hội	31
3. Trụ cột Quản trị	23
III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH CHI TIẾT QUA CÂU HỎI KHẢO SÁT	40
1. Chính sách quản lý, giám sát và đánh giá tác động môi trường	40
2. Báo cáo và công bố thông tin về công tác quản lý môi trường	41
3. Nhân sự phụ trách về môi trường	42
4. Chế độ phúc lợi cho người lao động	43
5. Tổ chức các hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương	44
6. Quy trình đánh giá nhằm đảm bảo sản phẩm, dịch vụ an toàn cho khách hàng	45
7. Chính sách phát triển bền vững	46
8. Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội	47
9. Các bộ phận về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương	48
IV. PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ THỰC HÀNH ESG CỦA DOANH NGHIỆP	49
V. RÀO CẢN TRONG THỰC HÀNH ESG CỦA DOANH NGHIỆP	52
1. Nhận thức của doanh nghiệp về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ESG	52
2. Khó khăn của doanh nghiệp khi muốn thực hành ESG	53
VI. KHUYẾN NGHỊ TỪ DOANH NGHIỆP	58
D. KẾT LUẬN	61
E. PHỤ LỤC	63



DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ VÀ HỘP DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU

BẢNG

	16
Bảng 1: Cấu trúc bộ câu hỏi khảo sát	19
Bảng 2: Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát chuyên sâu	20
Bảng 3: Nhóm lĩnh vực và tỷ trọng theo khung Môi trường, Xã hội, và Quản trị	

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh nghiệp theo vùng kinh tế (%)	17
Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh nghiệp theo quy mô (%)	17
Biểu đồ 3: Cơ cấu doanh nghiệp theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính (%)	18
Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh nghiệp theo loại hình kinh doanh (%)	18
Biểu đồ 5: Mức độ nhận thức và thực hành ESG của các doanh nghiệp (%)	21
Biểu đồ 6: Mức độ nhận thức và thực hành ESG theo từng lĩnh vực của các doanh nghiệp tham gia khảo sát - Tỷ lệ các doanh nghiệp phản hồi chưa từng tiếp cận khái niệm ESG (%)	22
Biểu đồ 7: Thực trạng thực hành ESG của các doanh nghiệp xét theo quy mô (%)	23
Biểu đồ 8: Mức độ nhận thức và thực hành ESG theo vùng (%)	25
Biểu đồ 9: Mức độ nhận thức về quy định, chính sách của nhà nước liên quan đến ESG (%)	26
Biểu đồ 10: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột môi trường theo quy mô (%)	28
Biểu đồ 11: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Môi trường theo vùng (%)	28
Biểu đồ 12: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Môi trường theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)	29
Biểu đồ 13: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Môi trường theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)	30
Biểu đồ 14: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo quy mô (%)	32
Biểu đồ 15: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo vùng (%)	33
Biểu đồ 16: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)	34
Biểu đồ 17: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột xã hội theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)	35



Biểu đồ 18: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Quản trị theo quy mô (%)	36
Biểu đồ 19: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Quản trị theo vùng (%)	37
Biểu đồ 20: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)	38
Biểu đồ 21: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Quản trị theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)	39
Biểu đồ 22: Mức độ tuân thủ chính sách quản lý, giám sát và đánh giá tác động môi trường theo vùng của các doanh nghiệp tham gia khảo sát (%)	41
Biểu đồ 23: Cơ chế báo cáo và công bố thông tin về công tác quản lý môi trường (%)	42
Biểu đồ 24: Phân bổ nhân sự về môi trường (%)	43
Biểu đồ 25: Cung cấp chế độ phúc lợi cho người lao động của doanh nghiệp (%)	43
Biểu đồ 26: Cơ cấu tổ chức các hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương (%)	44
Biểu đồ 27: Cơ chế ban hành Quy trình đánh giá sản phẩm, dịch vụ an toàn cho khách hàng (%)	45
Biểu đồ 28: Cơ chế ban hành chính sách phát triển bền vững (%)	46
Biểu đồ 29: Cơ chế thực hiện Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội (%)	47
Biểu đồ 30: Cơ chế thành lập các bộ phận về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương (%)	48
Biểu đồ 31: Phân loại mức độ thực hành ESG trên cả nước (%)	49
Biểu đồ 32: Phân loại mức độ thực hành ESG theo quy mô doanh nghiệp (%)	50
Biểu đồ 33: Phân loại mức độ thực hành ESG theo vùng (%)	50
Biểu đồ 34: Phân loại mức độ thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)	51
Biểu đồ 35: Phân loại mức độ thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)	51
Biểu đồ 36: Nhận thức của doanh nghiệp về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ESG theo quy mô doanh nghiệp (%)	52
Biểu đồ 37: Rào cản của doanh nghiệp trên cả nước khi muốn thực hành ESG (%)	53
Biểu đồ 38: Khó khăn của doanh nghiệp khi muốn thực hành ESG theo quy mô doanh nghiệp (%)	53
Biểu đồ 39: Khó khăn của doanh nghiệp khi muốn thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)	55
Biểu đồ 40: Khó khăn của doanh nghiệp khi muốn thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)	55
Biểu đồ 41: Khuyến nghị từ doanh nghiệp Việt Nam (%)	58
Biểu đồ 42: Khuyến nghị từ doanh nghiệp theo quy mô (%)	59
Biểu đồ 43: Đề xuất về chính sách, hỗ trợ từ doanh nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long (%)	60
Biểu đồ 44: Cơ cấu thực hiện kiểm toán các báo cáo môi trường trong 12 tháng gần nhất	89
Biểu đồ 45: Cơ cấu doanh nghiệp tổ chức tập huấn nội bộ về chính sách môi trường	90



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Biểu đồ 46: Phân bổ nhân sự về các vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	91
Biểu đồ 47: Cơ chế tổ chức tập huấn nội bộ về các chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong 12 tháng gần nhất	91
Biểu đồ 48: Cơ chế triển khai các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động	92
Biểu đồ 49: Cơ chế đào tạo cho người lao động hiểu về quyền lợi của mình khi làm việc tại doanh nghiệp	92
Biểu đồ 50: Cơ chế thông báo đầy đủ và đúng thông tin về sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng	93
Biểu đồ 51: Cơ chế ban hành quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp và việc tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị hoặc HĐQT hoặc Ban Giám đốc trong 12 tháng gần nhất	94
Biểu đồ 52: Cơ chế ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức	94
Biểu đồ 53: Cơ chế tiếp nhận tố giác, khiếu nại, góp ý và giải quyết tố giác, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp	95

HỢP

Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 1: Công ty Cổ phần HHP GLOBAL	22
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 2: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	23
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 3: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản phẩm thiên nhiên Trà My	24
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 4: Hợp tác xã Nông nghiệp Tà Đảnh	25
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 5: Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	27
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 6: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Hiệp	29
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 7: Công ty Cổ phần Việt Nam Food	30
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 8: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trà Vinh Farm	32
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 9: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	33
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 10: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Maries	34
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 11: Hợp tác xã hệ sinh thái du lịch Suối Giàng	35
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 12: Công ty Cổ phần LiveSpo Toàn cầu	37
Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 13: Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Sài Gòn Secoin	38



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT



ASEAN Taxonomy	Danh mục phân loại xanh ASEAN
CSDDD	Chỉ thị Thẩm định Tính bền vững của Doanh nghiệp
CSRD	Chỉ thị Báo cáo Phát triển bền vững của Doanh nghiệp
ESG	Môi trường, Xã hội, Quản trị
EU Taxonomy	Danh mục phân loại xanh của châu Âu
EU	Liên minh châu Âu
FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HĐTV	Hội đồng Thành viên
IPSC	Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam
ISSB	Ủy ban Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế
MTV	Một thành viên
NI100	100 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất
NFRD	Chỉ thị Báo cáo Phi Tài chính
SEC	Ủy ban Giao dịch và Chứng khoán Hoa Kỳ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VD	Vi dụ



TÓM TẮT

Phát triển bền vững đang trở thành xu hướng toàn cầu với yêu cầu ngày càng gia tăng từ các bên liên quan như nhà đầu tư, đối tác quốc tế và người tiêu dùng. Cùng với xu hướng này, các tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội, và Quản trị (ESG) đóng vai trò trọng tâm giúp doanh nghiệp tích hợp các yếu tố bền vững vào hoạt động kinh doanh của mình. Các nền kinh tế lớn như châu Âu và Mỹ đã và đang đưa ra các quy định chặt chẽ về ESG, thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm môi trường - xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, việc tuân thủ ESG không chỉ tạo ra lợi thế cạnh tranh mà còn là để duy trì quan hệ đối tác và thu hút đầu tư.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ vốn chiếm 97% nền kinh tế, vẫn gặp khó khăn trong việc thực hành ESG do thiếu hụt kiến thức và nguồn lực. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang thiếu các dữ liệu toàn diện về việc thực hành ESG, dẫn đến các trở ngại cho việc thấu hiểu tình hình thực tế và xây dựng các chính sách hỗ trợ phù hợp.

Trong bối cảnh này, Cục Phát triển Doanh nghiệp (AED), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), thông qua Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ đã tiến hành khảo sát và đánh giá sơ bộ về mức độ nhận thức và thực hành ESG của các doanh nghiệp Việt Nam. Báo cáo chỉ ra các thực hành tốt và chưa tốt ở từng khía cạnh ESG, đồng thời đề xuất nhân rộng thực hành tốt và khuyến khích cải thiện những điểm chưa đạt để hướng đến kinh doanh bền vững. Đặc biệt, khảo sát đặt trọng điểm là các doanh nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nơi đối mặt nhiều khó khăn và dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu.

Khảo sát tập trung vào 4 mục tiêu chính: (1) Đánh giá nhận thức về ESG, (2) Phân tích thực trạng thực hành ESG, (3) Xác định rào cản mà doanh nghiệp gặp phải khi tiếp cận thực hành ESG và (4) Tổng hợp các khuyến nghị từ doanh nghiệp nhằm cải thiện thực hành ESG. Kết quả sẽ giúp các doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững, quản trị rủi ro và nắm bắt cơ hội từ ESG, đồng thời cung cấp thông tin quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách và tổ chức hỗ trợ để phát triển các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thực hành ESG hiệu quả hơn.

Báo cáo được thực hiện thông qua việc khảo sát diện rộng 1.019 doanh nghiệp và khảo sát chuyên sâu 13 doanh nghiệp tiêu biểu trong một số khía cạnh cơ bản của thực hành ESG, có liên quan chặt chẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bộ câu hỏi khảo sát gồm 36 câu hỏi dành cho toàn bộ 1.019 doanh nghiệp tham gia và 98 câu hỏi dành riêng cho 13 doanh nghiệp tham gia khảo sát chuyên sâu. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa theo



“Công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp theo khung ESG” (Công cụ đánh giá ESG) do Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát triển trong khuôn khổ dự án USAID IPSC.

Dữ liệu về mức độ thực hành, khó khăn và khuyến nghị của doanh nghiệp được phân tích theo cấp độ cả nước, vùng kinh tế trọng điểm, quy mô doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh. Nhóm thực hiện cũng tiến hành phân loại mức độ thực hành ESG của doanh nghiệp dựa trên hướng dẫn của bộ Công cụ đánh giá ESG. Tỷ trọng riêng biệt cho 2 nhóm lĩnh vực Sản xuất và Phi sản xuất được áp dụng nhằm so sánh các doanh nghiệp một cách khách quan nhất, phản ánh đúng mức độ quan trọng của từng trụ cột Môi trường, Xã hội, và Quản trị đối với lĩnh vực cụ thể. Với điểm số phần trăm đã áp dụng tỷ trọng trên thang 100%, mức độ thực hành ESG của doanh nghiệp được phân loại như sau:

- Từ 80% trở lên: Hạng A
- Từ 50-80%: Hạng B
- Từ 50% trở xuống: Hạng C

Một số kết quả nổi bật của khảo sát như sau:

Về mặt nhận thức, ESG vẫn là một khái niệm mới, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Trong 1.019 doanh nghiệp tham gia khảo sát, có đến 39% chưa từng nghe nói đến ESG và 62% hiện chưa nắm rõ các quy định và chính sách của Việt Nam liên quan đến ESG như Quyết định số 167/QĐ-TTg, Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT, Thông tư số 96/2020/TT-BTC, v.v. Các doanh nghiệp lớn vượt trội hơn hẳn trong việc tiếp cận thông tin, xây dựng các chiến lược và thực hiện các hoạt động liên quan đến ESG. Tuy nhiên, 26-30% doanh nghiệp ở từng quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ cũng đang có những bước đi đầu tiên trong việc tìm hiểu và áp dụng các tiêu chí ESG.

Về mặt thực hành chung, qua điểm trung bình của các doanh nghiệp, doanh nghiệp Việt Nam hiện đang thực hiện tốt nhất ở trụ cột Xã hội, tiếp theo là Quản trị, và cuối cùng là Môi trường, với mức thực hành lần lượt là 68%, 63% và 52%. Ở cả 3 trụ cột, mức độ thực hành tỷ lệ thuận với quy mô doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp lớn với nguồn lực mạnh có khả năng tuân thủ và áp dụng các quy chuẩn ESG tốt nhất, còn các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ cần nhiều hỗ trợ để tiếp cận và nâng cao hiệu quả thực hành ESG. Kết quả nổi bật theo vùng và lĩnh vực của từng trụ cột như sau:

- Trụ cột Môi trường: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc dẫn đầu cả nước, nổi bật với hoạt động báo cáo và công bố thông tin tới các ban quản lý nhà nước. Trong nhóm lĩnh vực Sản xuất, các doanh nghiệp Quản lý chất thải thực hành tốt nhất (71%), trong khi Xây dựng còn gặp nhiều hạn chế (45%). Trong nhóm lĩnh vực Phi sản xuất, lĩnh vực Khác, bao gồm các công ty tài chính, bảo hiểm và bất động sản, hiện đang dẫn đầu với mức thực hành 51%.
- Trụ cột Xã hội: Vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng có mức thực hành xã hội tốt nhất, với nhiều doanh nghiệp cung cấp chế độ phúc lợi cho người lao động vượt mức quy định của pháp luật. Trong nhóm lĩnh vực Sản xuất, Năng lượng và Quản lý chất thải đang thực hiện tốt ở mức 77% và 76%. Ngược lại, Xây dựng xếp cuối nhóm với mức thực hành 63%. Trong nhóm lĩnh vực Phi sản xuất, Giáo dục và đào tạo có mức thực hành tốt nhất, đạt 74%.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

- Trụ cột Quản trị: Vùng Đông Nam Bộ dẫn đầu trong trụ cột Quản trị với tỷ lệ thực hành cao ở các lĩnh vực Năng lượng (75%) và Quản lý chất thải (70%). Xây dựng tiếp tục xếp cuối trong nhóm lĩnh vực Sản xuất với mức thực hành 58%. Trong nhóm Phi sản xuất, các doanh nghiệp tài chính, bảo hiểm và bất động sản vẫn đang dẫn đầu với tỷ lệ 77%.

Về tổng quan phân loại mức thực hành ESG của doanh nghiệp, 14% doanh nghiệp tham gia khảo sát đạt hạng A với mức điểm trên 80%, là các doanh nghiệp tiên phong trong thực hành ESG. Ngược lại, có đến 25% doanh nghiệp đạt hạng C khi hầu hết không triển khai hoặc có ít các hoạt động/giải pháp liên quan đến ESG. Còn lại, 61% doanh nghiệp đạt hạng B, tuy vẫn cần cải thiện về thực hành, nhưng có tiềm năng và cơ hội thực hành ESG tốt nếu các khó khăn và hạn chế đặc thù cho doanh nghiệp được giải quyết.

Về khó khăn trong việc thực hành ESG, ba khó khăn lớn nhất doanh nghiệp gặp phải là (1) Không có hoặc thiếu thông tin về ESG, (2) Thiếu các chương trình về giới thiệu và đào tạo ESG, (3) Chưa có chính sách cụ thể từ Chính phủ về ESG. Bên cạnh đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng gặp những khó khăn đặc thù như tác động của biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, hạn mặn và sụt lún, thiếu nguồn nhân sự khi lao động di chuyển lên thành phố lớn, và khó khăn về cơ sở hạ tầng do hệ thống kênh rạch phức tạp cản trở giao thông và vận chuyển hàng hóa.

Theo các khuyến nghị từ doanh nghiệp, **ba quan tâm lớn nhất của doanh nghiệp** bao gồm: (1) Văn bản cụ thể hướng dẫn cho các doanh nghiệp thực hành ESG, (2) Được tiếp cận đến các khoản vay xanh từ Chính phủ hoặc tổ chức, và (3) Được giảm hay miễn thuế cho các doanh nghiệp cam kết thực hành ESG với những mục tiêu cụ thể. Điều này cho thấy thông tin và nguồn lực tài chính đang là những hỗ trợ cần thiết để doanh nghiệp tiếp cận và thực hành ESG một cách toàn diện.

Trong đó, tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, 87% doanh nghiệp đề xuất Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về thực hành ESG, và 60% doanh nghiệp mong muốn được xem xét miễn giảm thuế. Đáng chú ý, các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng cũng nhận được sự quan tâm đáng kể từ 56% doanh nghiệp. Ngoài ra, phần khảo sát chuyên sâu ghi nhận thêm các đề xuất về triển khai các dự án chuyển đổi xanh, năng lượng sạch, các hỗ trợ về kiểm kê khí nhà kính, hay các chương trình trao đổi học hỏi kinh nghiệm quốc tế.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thông qua Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC). Nội dung của tài liệu này không phản ánh quan điểm của Chính phủ Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) hay Chính phủ Hoa Kỳ.

An aerial photograph of a tropical landscape. A central river flows through the scene, flanked by rows of palm trees. On either side of the river are large, rectangular plots of vibrant green rice fields. The background is filled with dense, dark green forest. The lighting is bright, suggesting a sunny day.

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này được thực hiện bởi Cục Phát triển Doanh nghiệp (AED), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), thông qua Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ Bộ Kế hoạch và Đầu tư là chủ dự án. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới 1.019 doanh nghiệp đã tham gia khảo sát và các tổ chức, ban quản lý khu công nghiệp, liên minh hợp tác xã và hiệp hội doanh nghiệp đã hỗ trợ đóng góp trong quá trình thực hiện báo cáo này.



A. GIỚI THIỆU

I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI

Phát triển bền vững đang trở thành xu hướng toàn cầu, thay thế dần mô hình phát triển tuyến tính vốn chỉ tập trung vào lợi nhuận. Xu hướng này tạo ra nhu cầu cấp thiết về việc chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng bền vững hơn, đặc biệt là trong khu vực tư nhân. Để đáp ứng nhu cầu này, ESG (Môi trường, Xã hội, và Quản trị) được coi là một công cụ tiềm năng giúp doanh nghiệp tích hợp các yếu tố bền vững vào hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình.

ESG là bộ khung tiêu chuẩn để đánh giá mức độ bền vững và tác động của doanh nghiệp trên ba trụ cột: Môi trường, Xã hội, và Quản trị. Xuất hiện lần đầu trong báo cáo năm 2004¹ của Liên Hợp Quốc và được tích hợp trong Nguyên tắc Đầu tư Trách nhiệm (PRI) năm 2006, ESG bổ sung cho các phân tích tài chính truyền thống, giúp nhà đầu tư đánh giá toàn diện các rủi ro và cơ hội liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị. Ở góc độ doanh nghiệp, ESG tạo ra giá trị bằng cách xây dựng hình ảnh doanh nghiệp tích cực, thu hút đầu tư, đồng thời giúp doanh nghiệp quản lý hiệu quả nguồn lực, rủi ro và tận dụng cơ hội trong bối cảnh toàn cầu đang ngày càng coi trọng phát triển bền vững.

Liên minh châu Âu (EU) hiện đang dẫn đầu trong việc thực hành ESG. Từ năm 2014, các công ty lớn ở EU đã được khuyến khích thực hiện báo cáo phi tài chính cho các khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị theo Chỉ thị Báo cáo Phi Tài chính (NFRD)². Năm 2023, Chỉ thị Báo cáo Phát triển bền vững của Doanh nghiệp (CSRD) đã thay thế NFRD và gia tăng đáng kể phạm vi áp dụng lên tới 50.000 doanh nghiệp, kèm theo các tiêu chuẩn bắt buộc để đảm bảo tính minh bạch và khả năng so sánh³. Về mặt nền tảng, Danh mục phân loại xanh của EU (EU Taxonomy) (2020), cũng cung cấp một khung phân loại chi tiết giúp doanh nghiệp xác định và điều hướng các hoạt động kinh tế bền vững⁴. Mới đây vào tháng 07/2024, Chỉ thị Thẩm định Tính bền vững của Doanh nghiệp (CSDDD) cũng vừa được thông qua. CSDDD đặt ra những yêu cầu về thẩm định báo cáo bền vững và áp đặt trách nhiệm pháp lý liên quan đến hành vi bền vững trên toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp⁵. Động thái này cũng đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp đối tác với châu Âu sẽ phải điều chỉnh theo các tiêu chí hợp tác mới.

Tại Mỹ, nhu cầu của các nhà đầu tư đã thúc đẩy ngày càng nhiều các doanh nghiệp lớn báo cáo ESG. Theo khảo sát của KPMG, tỷ lệ 100 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất (NI 00) tại Mỹ có báo cáo ESG là 92% cho năm 2017⁶, 98% cho năm 2020, và 100% cho năm 2022⁷. Tuy nhiên, việc thiếu một khung pháp lý và tiêu chuẩn ESG thống nhất, cùng với hiện tượng 'tẩy xanh' của một số doanh nghiệp đã làm suy giảm niềm tin của nhà đầu tư và tạo ra sự chia rẽ trong cách tiếp cận ESG tại Mỹ, thể hiện qua các dự thảo luật và chính sách chống ESG⁸. Dù vậy, giới chuyên

1 Liên Hợp Quốc. (2004). Who cares wins.

2 <https://eur-lex.europa.eu/eli/dir/2014/95/oj>

3 <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32022L2464>

4 https://finance.ec.europa.eu/sustainable-finance/tools-and-standards/eu-taxonomy-sustainable-activities_en

5 https://commission.europa.eu/business-economy-euro/doing-business-eu/sustainability-due-diligence-responsible-business/corporate-sustainability-due-diligence_en

6 KPMG. (2023). The Time has Come: The KPMG Survey of Sustainability Reporting, trang 13.

7 KPMG. (2023). Asia Pacific survey of sustainability reporting 2022: big shift, small steps, trang 20.

8 Morgan Lewis. (2024). ESG Investing: The US Regulatory Perspective.



gia nhận định đây chỉ là một sự điều chỉnh tự nhiên chứ không phải điểm kết thúc của ESG⁹. Kể từ tháng 07/2024, Ủy ban Giao dịch và Chứng khoán Hoa Kỳ (SEC) đã hoàn thiện các quy định về báo cáo để giải quyết vấn đề “tẩy xanh”¹⁰ và đang xem xét thêm các quy định về công bố khí thải nhà kính. Một số bang như California kiên quyết thông qua các dự thảo luật yêu cầu doanh nghiệp phải báo cáo về phát thải nhà kính, thống kê đa dạng nhân khẩu học, cũng như nỗ lực giảm thiểu các-bon¹¹. Điều này cho thấy ESG vẫn đóng vai trò quan trọng và ngày càng được các doanh nghiệp và nhà lập pháp Mỹ chú trọng, bất chấp những biến động và điều chỉnh trên thị trường.

Không chỉ châu Âu và Mỹ, thị trường châu Á cũng đang chứng kiến làn sóng ESG phát triển mạnh mẽ. Tại khu vực Đông Nam Á, Danh mục phân loại xanh ASEAN (ASEAN Taxonomy) (2024)¹² đã được triển khai nhằm giúp các quốc gia thành viên xác định và thúc đẩy các danh mục đầu tư có ảnh hưởng tích cực đến môi trường - xã hội. Nhiều quốc gia như Malaysia, Thái Lan, Indonesia đã hoàn thiện danh mục phân loại xanh riêng. Tại Trung Quốc, Tiêu chuẩn công bố bền vững dành cho doanh nghiệp Trung Quốc dự kiến được phát hành trong năm 2027¹³, dẫn đến việc thiết lập một hệ thống báo cáo bắt buộc theo tiêu chuẩn của Ủy ban Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (ISSB). Tương tự tại Nhật Bản, hiện 90% các doanh nghiệp NI 100 đã thực hiện báo cáo ESG¹⁴, và đến năm 2025, việc ban hành các quy tắc công bố báo cáo bắt buộc theo chuẩn ISSB có thể sẽ gia tăng tỷ lệ này, đồng thời nâng cao mức độ thực hành ESG của các doanh nghiệp. Sự gia tăng quan tâm đến ESG tại châu Á không chỉ phản ánh cam kết của khu vực đối với phát triển bền vững mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác quốc tế nhằm đạt được các mục tiêu toàn cầu về môi trường và xã hội.

II. ESG TẠI VIỆT NAM

Việt Nam đã có sự gia tăng đáng kể trong việc áp dụng các nguyên tắc ESG nhờ vào những nỗ lực tích cực từ phía chính phủ. Tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc năm 2021 (COP26), Thủ tướng Phạm Minh Chính đã cam kết Việt Nam đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các doanh nghiệp trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn về phát triển bền vững và chống biến đổi khí hậu, đặc biệt trong trụ cột Môi trường. Từ năm 2020, Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính đã yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết công bố Báo cáo Phát triển Bền vững trên trang web chính thức nhằm tăng cường tính minh bạch. Đồng thời, Quyết định 167/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành năm 2022 phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025” và Thông tư 13/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành năm 2023 cung cấp các hướng dẫn cụ thể về kinh doanh bền vững.

Đến nay, hoạt động phát triển bền vững và công bố báo cáo ESG đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và các doanh nghiệp niêm yết lớn, nhưng chưa lan tỏa rộng rãi đến mọi quy mô doanh nghiệp Việt Nam¹⁵. Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thực hiện ESG do thiếu hụt kiến thức và nguồn lực, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, vốn chiếm 97% nền kinh tế¹⁶ nhưng lại thiếu sự hỗ trợ cần thiết. Thêm vào đó, sự thiếu hụt dữ liệu toàn diện do các nghiên cứu gần đây chủ yếu tập trung vào

9 Malone, L., Holland, E., Houston, C., và Thacher, S. (2023). ESG Battlegrounds: How the States Are Shaping the Regulatory Landscape in the US. Harvard Law School Forum for Corporate Governance. <https://corpgov.law.harvard.edu/2024/01/14/seven-key-trends-in-esg-for-2023-and-what-to-expect-in-2024/#2b>

10 Simpson Thacher. (2023). SEC Adopts Amendments to Fund “Names” Rule.

11 Xem các dự thảo SB253, SB261, ABI 305 và SB54

12 <https://asean.org/book/asean-taxonomy-for-sustainable-finance-version-3/>

13 https://english.www.gov.cn/news/202405/28/content_VWS6655152bc6d0868f4e8e78b8.html

14 KPMG. (2023). Asia Pacific survey of sustainability reporting 2022: big shift, small steps, trang 68.

15 PwC. (2022). Báo cáo về Mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam.

16 Dữ liệu được tính toán dựa trên số lượng doanh nghiệp theo quy mô năm 2021 (trang 36) trong Sách Trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

các tập đoàn lớn đã hạn chế khả năng thấu hiểu tình hình thực tế và xây dựng các chính sách hỗ trợ phù hợp cho việc áp dụng ESG ở quy mô toàn quốc.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng với sự gia tăng không ngừng của dòng vốn FDI, nhưng các vấn đề ô nhiễm môi trường, tình trạng dễ tổn thương trước biến đổi khí hậu và thiếu chính sách ESG toàn diện là các mối đe dọa đối với chiến lược phát triển lâu dài của quốc gia. Bên cạnh đó, việc thực thi chưa đồng bộ không chỉ làm gia tăng rủi ro cho doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, làm mất đi cơ hội thu hút các nguồn vốn chiến lược và các đối tác thương mại tiềm năng.

Tích hợp ESG vào hoạt động kinh doanh là hướng đi cần thiết để doanh nghiệp Việt Nam vừa nâng cao hình ảnh thương hiệu, vừa xây dựng cơ cấu quản trị vững chắc, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và giảm thiểu rủi ro. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể chuyển từ tăng trưởng nhanh sang tăng trưởng bền vững, đảm bảo lợi ích lâu dài cho nền kinh tế - xã hội.

III. MỤC TIÊU

Khảo sát này được thực hiện với mục tiêu đánh giá sơ bộ mức độ nhận thức và thực hành ESG của các doanh nghiệp Việt Nam, xác định những khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình thực hành kinh doanh bền vững, từ đó đưa ra những khuyến nghị phù hợp cho từng nhóm doanh nghiệp theo quy mô, lĩnh vực kinh doanh và vùng kinh tế. Để đạt được mục tiêu này, khảo sát tập trung vào các mục tiêu cụ thể sau:

- 1. Đánh giá nhận thức về ESG:** Xác định mức độ hiểu biết của các doanh nghiệp về ESG và các chủ trương, quy định liên quan đến ESG của Chính phủ.
- 2. Phân tích thực trạng thực hành ESG:** Đánh giá việc triển khai ESG trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thông qua việc xem xét nhiều yếu tố trong ba khía cạnh: quản lý rủi ro môi trường, đảm bảo công bằng xã hội và thực hiện các nguyên tắc quản trị tốt.
- 3. Xác định rào cản:** Nhận thấy các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận kiến thức và nguồn lực liên quan đến ESG, khảo sát này đào sâu phân tích những thách thức mà doanh nghiệp thuộc các quy mô, lĩnh vực kinh doanh hay vùng kinh tế khác nhau đang đối mặt.
- 4. Nêu các khuyến nghị từ doanh nghiệp:** Trong khuôn khổ của khảo sát, các khuyến nghị từ doanh nghiệp về chủ đề ESG được tổng hợp và phân tích nhằm cung cấp dữ liệu đầu vào cho các nhà hoạch định chính sách. Từ đó, báo cáo đưa ra cơ sở để tham chiếu ban hành các văn bản và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong tương lai.

Khảo sát cung cấp góc nhìn Thực tiễn, toàn diện liên quan đến ESG và nêu lên các thiếu sót trong nhận thức, thực trạng thực hành ESG tại Việt Nam. Kết quả khảo sát sẽ hỗ trợ lãnh đạo doanh nghiệp trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, và tận dụng các cơ hội mà ESG mang lại. Điều này nhằm hướng đến một mô hình kinh doanh bền vững, tăng khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu và biến động thị trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về trách nhiệm xã hội và môi trường. Khảo sát cũng cung cấp thông tin quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách và cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, giúp phát triển các chính sách và chương trình hỗ trợ cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực hành ESG tại Việt Nam.



B. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. THIẾT KẾ KHẢO SÁT VÀ BỘ CÂU HỎI

I. Thiết kế bộ câu hỏi khảo sát

Đầu tiên, nhóm khảo sát tiến hành xây dựng bộ câu hỏi để khảo sát doanh nghiệp ở diện rộng để đánh giá doanh nghiệp một cách tổng thể. Bộ câu hỏi khảo sát được thiết kế dựa trên “Công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững theo khung đánh giá Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG)” (hay “Công cụ đánh giá ESG”), được xây dựng bởi Cục Phát triển Doanh nghiệp (AED), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), thông qua Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ và công bố trên trang Cổng thông tin doanh nghiệp về Kinh doanh bền vững¹⁷. So với Công cụ đánh giá ESG, số lượng câu hỏi trong bộ khảo sát đã được rút ngắn để phù hợp hơn với việc khảo sát trên diện rộng nhưng vẫn đảm bảo thu thập được các thông tin quan trọng cho cả ba trụ cột Môi trường, Xã hội và Quản trị. Ngoài ra, trong trụ cột Quản trị, bộ câu hỏi khảo sát bổ sung thêm bốn câu hỏi đặc thù cho doanh nghiệp cổ phần niêm yết, nhằm phân hóa mức độ thực hành của loại hình doanh nghiệp này so với những loại hình khác. Bảng I liệt kê các chủ đề được nhóm thực hiện lựa chọn khảo sát thuộc ba trụ cột Môi trường, Xã hội và Quản trị, cùng các câu hỏi khảo sát tương ứng, với bộ câu hỏi chi tiết ở Phụ lục I. Các câu hỏi này là những câu hỏi cơ bản vừa giúp thu thập phiếu khảo sát, vừa đánh giá số lượng lớn doanh nghiệp mà họ có thể trả lời dễ dàng, thay vì các câu hỏi chi tiết hơn trong Công cụ mà không phù hợp cho một số doanh nghiệp, ví dụ do yếu tố lĩnh vực.



¹⁷ <https://esg.business.gov.vn/evaluate>



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024**

Bảng 1: Cấu trúc bộ câu hỏi khảo sát

Trụ cột	MÔI TRƯỜNG			XÃ HỘI			QUẢN TRỊ					
	Mức độ tuân thủ	Thông tin về môi trường	Nhân sự	Người lao động	Cộng đồng	Khách hàng	Chính sách	Quản trị DN	Văn hóa DN	Cơ chế	Báo cáo	Phòng ban
Chủ đề	Chính sách môi trường	Công bố thông tin	Nhân sự môi trường	Chế độ phúc lợi	Hoạt động cho cộng đồng	An toàn sản phẩm/dịch vụ	Chính sách Phát triển bền vững	Quy trình theo dõi, đánh giá	Quy tắc ứng xử/Đạo đức	Cơ chế tố giác, khiếu nại	Tài chính/Trách nhiệm môi trường - xã hội	Bộ phận liên quan đến ESG
Câu hỏi khảo sát				Nhân sự an toàn và sức khỏe nghề nghiệp		Thông tin sản phẩm/dịch vụ						
				Tập huấn và đào tạo								

2. Thời gian và phạm vi thực hiện khảo sát

Khảo sát được thực hiện trong thời gian từ tháng 05/2024 tới hết tháng 07/2024, với phạm vi toàn quốc.

3. Đối tượng khảo sát

Khảo sát tập trung vào các doanh nghiệp Việt Nam với số vốn sở hữu trong nước từ 51% trở lên.

4. Hình thức khảo sát

Nhóm thực hiện đã tiến hành khảo sát 1.019 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực và quy mô khác nhau ở sáu vùng kinh tế. Để đáp ứng yêu cầu của khảo sát, các phương án khảo sát được thiết kế với nhiều hình thức đa dạng. Cụ thể, nhóm thực hiện sử dụng các phương án sau:

- Tiếp cận cộng đồng doanh nghiệp trong mạng lưới của Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC);
- Phối hợp với các Ban quản lý các Khu công nghiệp/Hiệp hội để tổ chức tọa đàm chia sẻ về ESG và tiến hành khảo sát doanh nghiệp tham gia;
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hỗ trợ kết nối doanh nghiệp để tiến hành khảo sát;
- Các kênh khác.

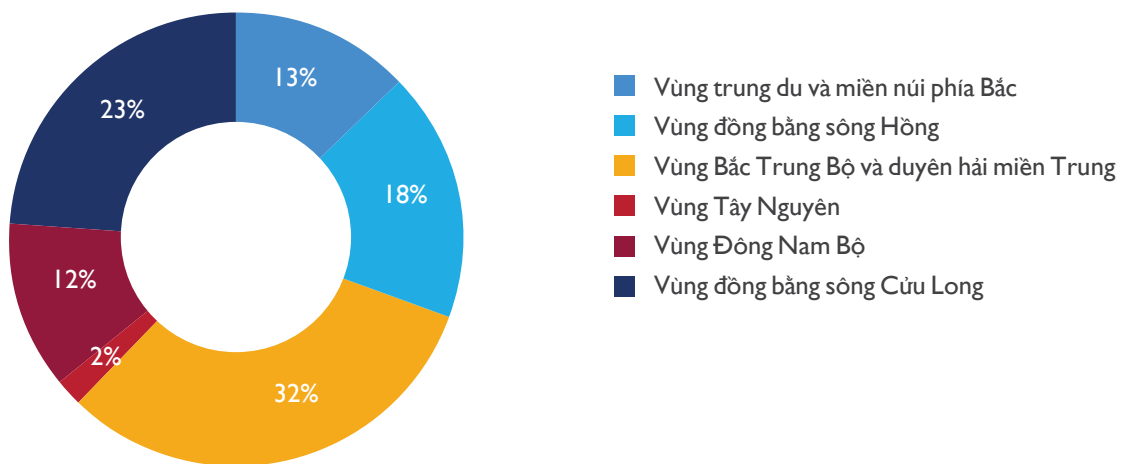


II. KHẢO SÁT DIỆN RỘNG

Mẫu khảo sát được thiết kế để thu thập dữ liệu từ đa dạng các quy mô doanh nghiệp, lĩnh vực, loại hình kinh doanh và trải rộng ở sáu vùng kinh tế.

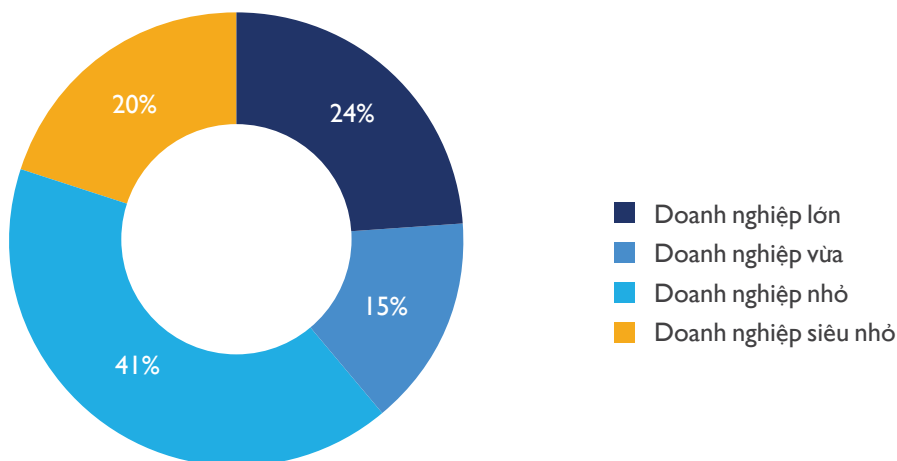
Trong đó:

- **Cơ cấu doanh nghiệp theo vùng kinh tế** (cách phân chia vùng kinh tế theo Nghị quyết số 81/2023/QH15) bao gồm:



Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh nghiệp theo vùng kinh tế (%)

- **Cơ cấu doanh nghiệp theo quy mô** (cách phân loại quy mô doanh nghiệp theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ) bao gồm:

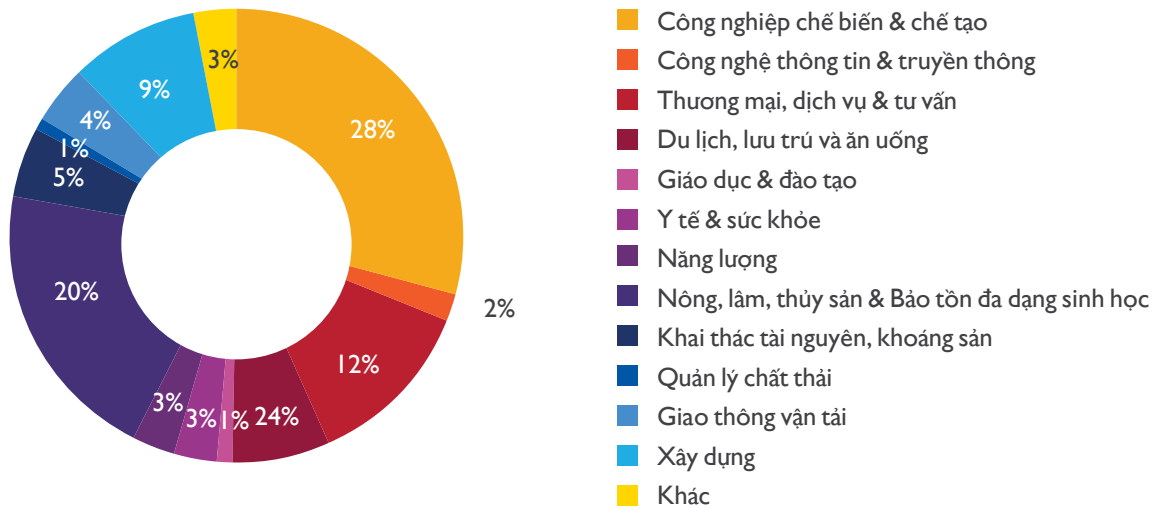


Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh nghiệp theo quy mô (%)



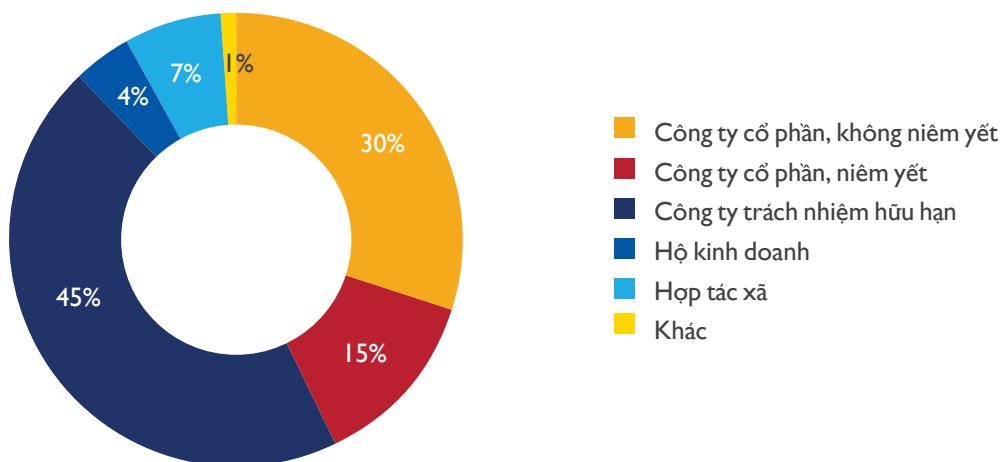
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

- **Cơ cấu doanh nghiệp theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính** bao gồm:



Biểu đồ 3: Cơ cấu doanh nghiệp theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính (%)

- **Cơ cấu doanh nghiệp theo loại hình kinh doanh** bao gồm:



Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh nghiệp theo loại hình kinh doanh (%)



III. PHÒNG VẤN CHUYÊN SÂU

Những doanh nghiệp tiêu biểu và tiên phong trong việc áp dụng ESG vào chiến lược kinh doanh được nhóm thực hiện lựa chọn để khảo sát chuyên sâu, sử dụng bộ câu hỏi khảo sát riêng (Xem Phụ lục II) gồm nhiều câu hỏi hơn nhằm đánh giá cụ thể và chi tiết về mức độ thực hành ESG của những doanh nghiệp này. Bộ câu hỏi khảo sát chuyên sâu được xây dựng dựa theo Công cụ đánh giá ESG với 98 câu hỏi.

Danh sách các doanh nghiệp để khảo sát chuyên sâu gồm có:

Bảng 2: Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát chuyên sâu

Trung du và miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
- Hợp tác xã hệ sinh thái du lịch Suối Giàng	- Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng - Công ty Cổ phần HHP GLOBAL - Công ty Cổ phần LiveSpo Toàn cầu	- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản phẩm thiên nhiên Trà My - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Maries	- Công ty Cổ phần Điện Gia Lai - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Hiệp	- Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons - Công ty Cổ phần Việt Nam Food - Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Sài Gòn Secoin	- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trà Vinh Farm - Hợp tác xã Nông nghiệp Tà Đánh

Với 13 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, vùng kinh tế, quy mô và loại hình kinh doanh khác nhau, báo cáo này kỳ vọng có thể trình bày một số thực hành tiêu biểu giúp các doanh nghiệp Việt Nam có thêm kiến thức cũng như học hỏi được kinh nghiệm thực hành ESG. Các thực hành tốt từ 13 doanh nghiệp tiêu biểu trên sẽ được phân tích xuyên suốt báo cáo.

IV. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

Với 1.019 doanh nghiệp tham gia trả lời 36 câu hỏi khảo sát, lượng số liệu thu thập được rất lớn, đòi hỏi nhóm thực hiện phải xây dựng các phương pháp phân tích phù hợp để hình thành bức tranh toàn cảnh về thực hành ESG của các doanh nghiệp Việt Nam. Nhằm đánh giá tổng quan việc thực hành của các doanh nghiệp theo khung Môi trường, Xã hội và Quản trị, các câu trả lời trong phiếu khảo sát được quy đổi thành điểm từ thấp đến cao, tỷ lệ thuận với mức thực hành của doanh nghiệp cho từng câu hỏi (Xem Phụ lục I). Trong phạm vi báo cáo này, nhóm thực hiện chọn nêu một số kết quả nổi bật theo các phương pháp sau:

I.1 Đánh giá mức độ thực hành chung theo từng trụ cột Môi trường - Xã hội - Quản trị

Số điểm của từng doanh nghiệp cho mỗi trụ cột được quy đổi ra tỷ lệ % trên tổng điểm tối đa. Sau đó, nhóm thực hiện tính trung bình điểm số của các trụ cột theo các khía cạnh gồm: (1) Quy mô cả nước, (2) Quy mô doanh nghiệp, (3) Vùng kinh tế, (4) Nhóm lĩnh vực Sản xuất, và (5) Nhóm lĩnh vực Phi sản xuất.

I.2 Đánh giá mức độ thực hành chi tiết theo từng câu hỏi khảo sát

Mức thực hành chi tiết của doanh nghiệp được đánh giá dựa trên phản hồi của doanh nghiệp qua 23 câu hỏi đối



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024**

với doanh nghiệp niêm yết và 19 câu hỏi đối với các loại hình doanh nghiệp khác, được phân bổ theo các trụ cột như sau:

- Môi trường (5 câu hỏi; áp dụng chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp)
- Xã hội (8 câu hỏi; áp dụng chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp)
- Quản trị (10 câu hỏi đối với doanh nghiệp niêm yết; 6 câu hỏi đối với các loại hình doanh nghiệp khác).

Tỉ lệ % của mỗi đáp án thể hiện số lượng doanh nghiệp chọn các đáp án này. Trong báo cáo này, mức thực hành được thể hiện trên phạm vi cả nước, với 9 trên 19 câu hỏi được lựa chọn để nêu trong Phần C: Thực trạng thực hành ESG của doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả của các câu hỏi còn lại sẽ được bổ sung trong Phụ lục 3.

1.3 Phân loại mức độ thực hành ESG của doanh nghiệp

Tương tự như trong Công cụ đánh giá ESG, nhóm thực hiện chia các lĩnh vực khảo sát thành hai nhóm: Sản xuất và Phi sản xuất, nhằm so sánh các lĩnh vực trong hai nhóm này. Tỷ trọng theo khung Môi trường, Xã hội, và Quản trị dành cho hai nhóm lĩnh vực Sản xuất và Phi sản xuất sẽ được áp dụng trong phương pháp phân tích này nhằm so sánh các doanh nghiệp một cách khách quan nhất, phản ánh đúng mức độ quan trọng của từng trụ cột Môi trường, Xã hội, và Quản trị đối với lĩnh vực cụ thể. Tỷ trọng theo khung Môi trường, Xã hội và Quản trị áp dụng cho hai nhóm này được mô tả trong bảng dưới đây:

Bảng 3: Nhóm lĩnh vực và tỷ trọng theo khung Môi trường, Xã hội, và Quản trị

	Nhóm lĩnh vực Sản xuất	Nhóm lĩnh vực Phi sản xuất
LĨNH VỰC	Quản lý chất thải Khai thác tài nguyên, khoáng sản Năng lượng Công nghiệp chế biến & chế tạo Nông, lâm, thủy sản & Bảo tồn đa dạng sinh học Giao thông vận tải Xây dựng	Giáo dục & đào tạo Y tế & sức khỏe Du lịch, lưu trú và ăn uống Công nghệ thông tin & truyền thông Thương mại, dịch vụ & tư vấn Khác
ĐẶC ĐIỂM	Các lĩnh vực sản xuất, chế biến (ra các sản phẩm hữu hình)	Các lĩnh vực Thương mại, dịch vụ hoặc sản xuất các sản phẩm vô hình (như phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin)
TỶ TRỌNG	Môi trường: 40% Xã hội: 30% Quản trị: 30%	Môi trường: 10% Xã hội: 45% Quản trị: 45%

Với điểm số % đã áp dụng tỷ trọng trên thang 100%, nhóm thực hiện tiến hành phân loại mức độ thực hành ESG của doanh nghiệp theo các mức sau:

Từ 80% trở lên	Từ 50-80%	Từ 50% trở xuống
Hạng A	Hạng B	Hạng C

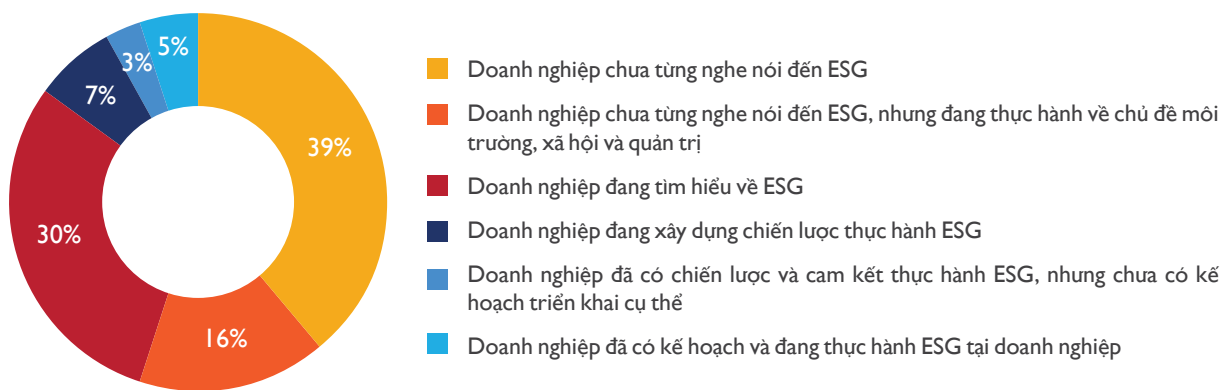
Với phương pháp phân tích này, nhóm thực hiện có thể đánh giá tổng thể mức độ thực hành ESG cho từng doanh nghiệp theo các khía cạnh: (1) Quy mô cả nước, (2) Quy mô doanh nghiệp, (3) Vùng kinh tế, (4) Nhóm lĩnh vực Sản xuất, và (5) Nhóm lĩnh vực Phi sản xuất.



C. THỰC TRẠNG THỰC HÀNH ESG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

I. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VỀ ESG VÀ CÁC CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH LIÊN QUAN

I. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VỀ ESG



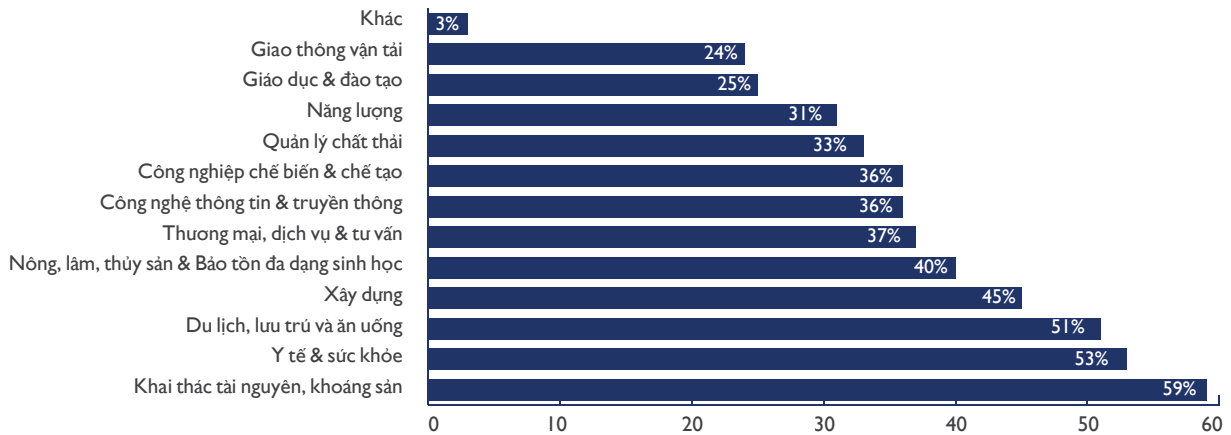
Biểu đồ 5: Mức độ nhận thức và thực hành ESG của các doanh nghiệp (%) ¹⁸

Kết quả chỉ ra 39% doanh nghiệp tham gia khảo sát chưa từng biết đến khái niệm ESG, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực Khai thác tài nguyên, khoáng sản (59%), Y tế và sức khỏe (53%), và Du lịch, lưu trú và ăn uống (51%). Tuy còn nhiều doanh nghiệp vẫn xa lạ với khái niệm ESG, một số lĩnh vực cho thấy doanh nghiệp đã cố gắng cải thiện nhận thức về vấn đề này. Ví dụ, lĩnh vực Giáo dục thể hiện sự quan tâm đáng kể đến việc áp dụng các nguyên tắc ESG, với 58% doanh nghiệp đang tìm hiểu về chủ đề này. 36% doanh nghiệp trong lĩnh vực Giao thông vận tải cho biết dù chưa từng tiếp cận khái niệm, nhưng đã bắt đầu thực hành liên quan đến các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị. Đặc biệt, nhóm lĩnh vực Khác, bao gồm các tổ chức thuộc lĩnh vực Tài chính ngân hàng và Bất động sản, đang dẫn đầu trong việc xây dựng chiến lược và triển khai kế hoạch thực hiện ESG. Cụ thể, 19% doanh nghiệp trong nhóm lĩnh vực này đã có kế hoạch và đang thực hành các nguyên tắc ESG, vượt trội so với nhóm xếp sau là Giao thông vận tải với 7% doanh nghiệp cho biết đang thực hành ESG.

¹⁸ Câu 10 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Câu nào sau đây phản ánh đúng nhất về doanh nghiệp?



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024



Biểu đồ 6: Mức độ nhận thức và thực hành ESG theo từng lĩnh vực của các doanh nghiệp tham gia khảo sát - Tỷ lệ các doanh nghiệp phản hồi chưa từng tiếp cận khái niệm ESG (%)

Khảo sát cho thấy có mối liên hệ rõ ràng giữa quy mô doanh nghiệp và mức độ nhận thức về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị. Cụ thể, doanh nghiệp càng lớn thì khả năng tiếp cận thông tin và nguồn lực để triển khai các hoạt động ESG càng cao, lý giải tại sao chỉ có 21% trong nhóm này chưa từng nghe đến khái niệm ESG, trong khi con số này tiệm cận mức 50% với trường hợp của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Với lợi thế này, các doanh nghiệp lớn cũng vượt trội hơn trong việc xây dựng chiến lược và thực hiện các hoạt động liên quan đến ESG.

CÔNG TY CỔ PHẦN HHP GLOBAL



Năm thành lập	2012
Trụ sở chính	Hải Phòng
Ngành nghề	Công nghiệp chế biến và chế tạo
Website	https://hhppaper.com/

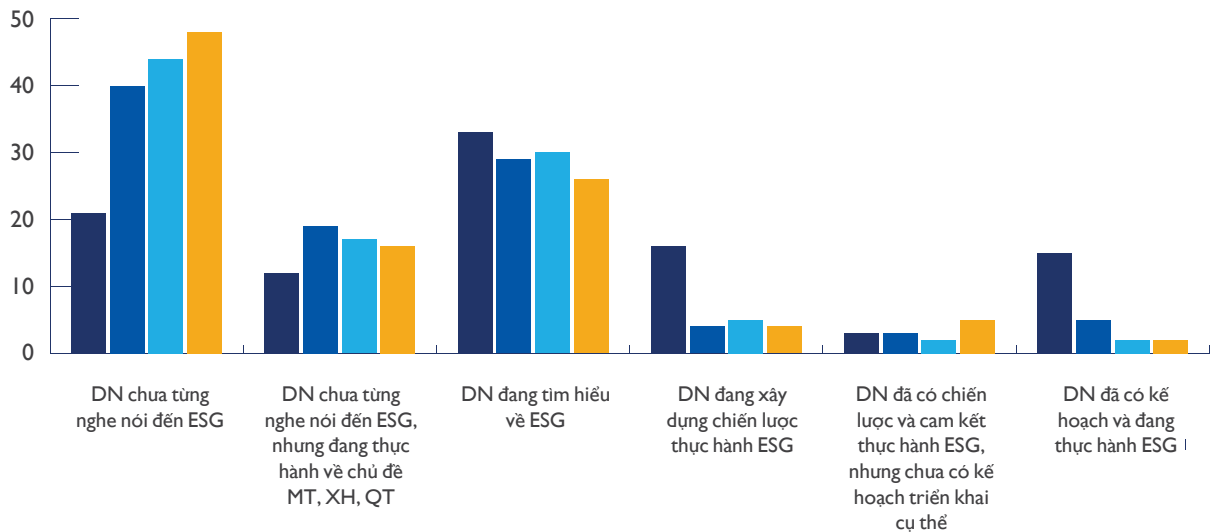
HHP GLOBAL đã quyết định thành lập Tiểu ban ESG trực thuộc Hội đồng quản trị, đưa việc thực hành ESG vào chiến lược hoạt động và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Mặc dù việc thực hành ESG tại Việt Nam còn khá mới mẻ, nhưng HHP GLOBAL luôn nắm bắt các cơ hội để tham gia các buổi hội thảo về ESG, gặp gỡ các chuyên gia hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực này để liên tục học hỏi, nâng cấp hệ thống quản trị và hướng tới thực hành ESG theo tiêu chuẩn quốc tế. HHP GLOBAL đã vinh dự nằm trong Top 3 doanh nghiệp giành chiến thắng chung cuộc chương trình Sáng kiến ESG Việt Nam 2023 và nhận được nhiều giải thưởng, hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, nhà đầu tư, v.v như là thành quả cho việc nhận thức ESG sớm và hiệu quả.



Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 1: Công ty Cổ phần HHP GLOBAL



Tuy nhiên, khi xem xét về bản chất của ESG - bao gồm các công tác liên quan đến môi trường, quản trị và xã hội - không có sự chênh lệch quá lớn giữa các quy mô doanh nghiệp. Thực tế cho thấy khoảng số doanh nghiệp ở các quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa đang có những bước đi đầu tiên trong việc tìm hiểu và áp dụng các tiêu chí ESG. Điều này cho thấy một xu hướng tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.



Biểu đồ 7: Thực trạng thực hành ESG của các doanh nghiệp xét theo quy mô (%)

Xu hướng này không chỉ phản ánh sự thay đổi trong nhận thức về tầm quan trọng của ESG mà còn mở ra cơ hội để các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nâng cao vị thế trong phát triển bền vững, cải thiện hiệu quả hoạt động, và tạo ra giá trị dài hạn. Những bước tiến này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự chuyển biến tích cực, không chỉ đối với các doanh nghiệp lớn mà còn trong toàn bộ nền kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI ▼

Năm thành lập	1989
Trụ sở chính	Gia Lai
Ngành nghề	Năng lượng
Website	https://geccom.vn/

Trong 5 năm triển khai thực hành ESG tại doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai luôn nỗ lực làm tốt công tác quản lý các trụ cột Môi trường – Xã hội - Quản trị. Với trên 500 lao động, Điện Gia Lai đã thành lập các đơn vị chuyên trách về phát triển bền vững, trong đó có phòng môi trường và các vấn đề an toàn, và phòng sức khỏe nghề nghiệp. Điện Gia Lai cũng chú trọng việc tập huấn cho toàn thể nhân viên về chính sách môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; nâng cao trình độ chuyên môn và quyền lợi của lao động trong suốt quá trình làm việc tại doanh nghiệp.

Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 2: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

CÔNG TY TNHH MTV SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN TRÀ MY 



MY NATURE
TINH HOA ĐƯỢC LIỆU CỔ ĐỒ

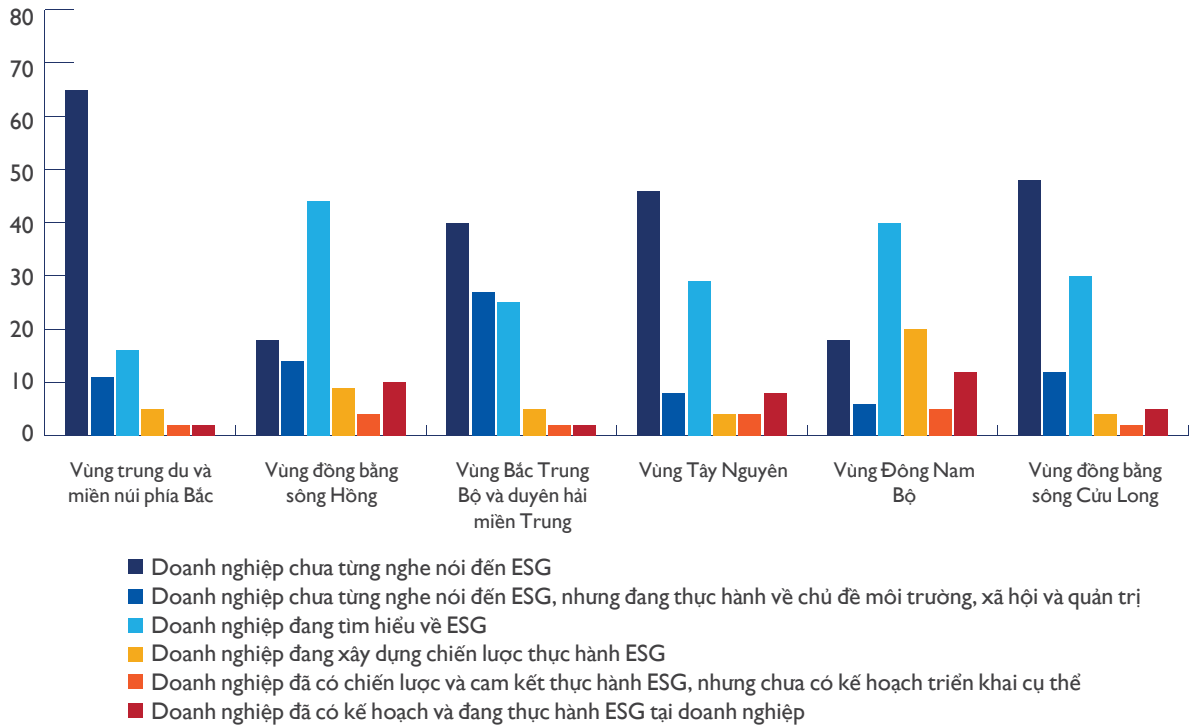
Năm thành lập	2021
Trụ sở chính	Thừa Thiên Huế
Ngành nghề	Công nghiệp chế biến và chế tạo
Website	https://mynature.com/

Dù mới được thành lập từ năm 2021 với quy mô nhỏ, nhưng Công ty TNHH MTV Sản phẩm thiên nhiên Trà My với thương hiệu Myy Nature đã nhanh chóng xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững và áp dụng mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín. Các loại nguyên vật liệu được tái chế và tái sử dụng tối đa trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Myy Nature khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào quá trình này bằng cách tặng phiếu giảm giá cho các khách hàng mang trả vỏ sản phẩm đã dùng hết. Các vỏ chai sẽ được rửa sạch và tái sử dụng, nhằm giảm thiểu tối đa lượng rác thải nhựa xả ra môi trường.

Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 3: Công ty TNHH MTV Sản phẩm thiên nhiên Trà My (Myy Nature)



Xét theo vùng kinh tế, các doanh nghiệp tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên là những doanh nghiệp còn đang thiếu thông tin về ESG trên toàn quốc. Ngược lại, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là hai vùng dẫn đầu trong việc tìm hiểu, lập kế hoạch và thực hành ESG. Hơn 40% doanh nghiệp trong hai khu vực này hiện đang chủ động tìm hiểu về ESG. Đặc biệt, tại vùng Đông Nam Bộ, 20% doanh nghiệp cho biết họ đang trong quá trình xây dựng chiến lược thực hiện ESG, trong khi các khu vực khác chỉ ghi nhận tỷ lệ này dao động từ 4% đến 9%. Dựa trên những kết quả đạt được, nhóm thực hiện đưa ra giả thuyết rằng một trong những nguyên nhân chính dẫn đến các chỉ số nổi bật này là sự hiện diện của hai trung tâm kinh tế lớn là thành phố Hồ Chí Minh ở vùng Đông Nam Bộ và Hà Nội ở vùng Đồng bằng sông Hồng. Tại đây, doanh nghiệp có nhiều nguồn lực hơn, bao gồm cả giáo dục và cơ sở hạ tầng, giúp họ dễ dàng tiếp cận thông tin và tài nguyên về ESG. Tuy nhiên, các doanh nghiệp ở các khu vực này có nguy cơ phải đối mặt với nhiều áp lực hơn từ thị trường, nhà đầu tư và các bên liên quan khác để thực hiện các tiêu chuẩn ESG.



Biểu đồ 8: Mức độ nhận thức và thực hành ESG theo vùng (%)

HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TÀ ĐÁNH
▼

Năm thành lập	2020
Trụ sở chính	An Giang
Ngành nghề	Nông, lâm, thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học
Website	https://nuongfarm.gosell.vn/

Mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín trồng nấm mới chính là thành quả của việc nỗ lực tìm hiểu, và không ngừng học hỏi của bà Châu Thị Nuong, Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp Tà Đánh với mục tiêu hướng tới nông nghiệp sạch và bền vững. Mặc dù Đồng bằng sông Cửu Long chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu và tỉnh An Giang thuộc vùng biên giới khó tiếp cận các nguồn lực, nhưng nhận thức được tầm quan trọng của kinh doanh bền vững, bà Nuong vẫn quyết tâm theo đuổi và coi kinh doanh bền vững như kim chỉ nam xuyên suốt các hoạt động của Hợp tác xã Nông nghiệp Tà Đánh.

Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 4: Hợp tác xã Nông nghiệp Tà Đánh





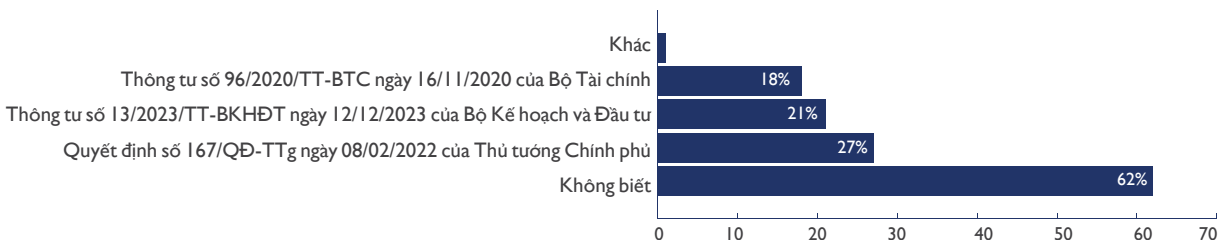
2. ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC VỀ QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ESG

Nhóm thực hiện tiến hành khảo sát mức độ nhận diện của các doanh nghiệp đối với các quy định, chính sách của nhà nước liên quan đến ESG gần đây, bao gồm:

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025;
- Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025”;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các luật, quy định, nghị định, v.v. khác.

Kết quả khảo sát cho thấy 62% trong tổng số 1.019 doanh nghiệp tham gia chưa nắm rõ các quy định và chính sách của Việt Nam liên quan đến ESG. Bên cạnh đó, Quyết định số 167/QĐ-TTg, ban hành ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, là văn bản nhận được sự quan tâm lớn nhất từ phía doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ, theo sau là các doanh nghiệp quy mô lớn (Tham khảo thêm Mục V ở báo cáo này).

Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung dẫn đầu cả nước về số lượng doanh nghiệp nhận diện các quy định và chính sách của nhà nước liên quan đến ESG, trong đó đại đa số doanh nghiệp cho biết Quyết định số 167/QĐ-TTg là một trong những văn bản được tiếp cận nhiều nhất. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng đóng góp thêm một số luật, quy định và nghị định khác mà doanh nghiệp đang thực hiện và tuân thủ, bao gồm: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 (số 72/2020/QH14); Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về danh mục lĩnh vực và cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; cũng như cam kết của Việt Nam về việc đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 được đưa ra tại Hội nghị COP26, v.v.



Biểu đồ 9: Mức độ nhận thức về quy định, chính sách của nhà nước liên quan đến ESG (%) ¹⁹

¹⁹ Câu 34 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có biết về quy định, chính sách sau của nhà nước liên quan đến ESG không?



II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH CHUNG THEO TỪNG TRỤ CỘT MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, VÀ QUẢN TRỊ

I. TRỤ CỘT MÔI TRƯỜNG

Ở trụ cột Môi trường, doanh nghiệp tham gia khảo sát được đánh giá qua năm câu hỏi thuộc năm chủ đề: chính sách, công bố thông tin, kiểm toán báo cáo, nhân sự và tập huấn. Các doanh nghiệp đạt điểm trung bình 52% và còn nhiều hạn chế so với trụ cột Xã hội và Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS



Năm thành lập	2024
Trụ sở chính	Thành phố Hồ Chí Minh
Ngành nghề	Xây dựng
Website	https://www.coteccons.vn/

Dưới sự định hướng từ Ban lãnh đạo, dẫn dắt từ Tiểu ban Phát triển bền vững công ty, Cotec-cons đã và đang thực hiện rất nhiều biện pháp để bảo vệ môi trường. Từ việc áp dụng các tiêu chí môi trường nhằm xây dựng chuỗi cung ứng xanh, tối đa sử dụng các dòng nguyên vật liệu bền vững ít tác động đến môi trường có chứng nhận EDP, LCA, ISO, SGS, v.v. cho đến quản trị khí nhà kính (thống kê lượng phát thải ở mỗi công trường: sử dụng năng lượng tái tạo hiệu quả, tiết kiệm nước..), mở rộng các nguyên tắc và áp dụng các sáng kiến 3R cho hơn 50 công trường toàn quốc.

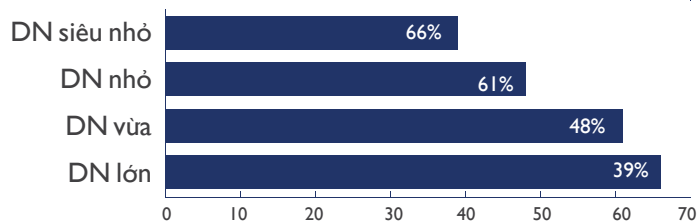


Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 5: Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons



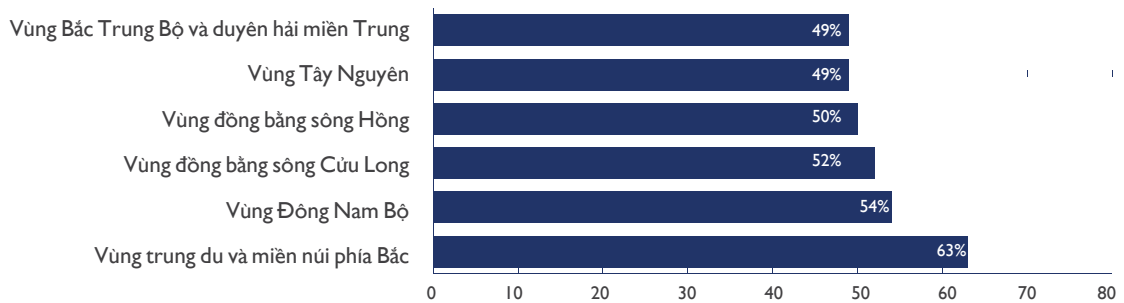
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Khi xét theo quy mô, các doanh nghiệp lớn thực hành tốt nhất về mặt môi trường với điểm trung bình đạt 66%, và số điểm giảm dần theo quy mô từ doanh nghiệp vừa, nhỏ đến siêu nhỏ, đạt lần lượt 61%, 48% và 39%. Với các câu hỏi khảo sát cơ bản nhằm đánh giá sự quan tâm nhiều hơn là về chi tiết các hoạt động liên quan đến trụ cột Môi trường, khảo sát đã chỉ ra được là mức độ quan tâm về môi trường tỷ lệ thuận với quy mô doanh nghiệp, với các doanh nghiệp càng lớn thì sự quan tâm càng cao về môi trường.



Biểu đồ 10: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột môi trường theo quy mô (%)

Về mức độ thực hành ở trụ cột Môi trường xét theo vùng kinh tế, số điểm trung bình các vùng đạt được không quá chênh lệch, thể hiện sự đồng đều về thực hành. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt 63% cao nhất cả nước. Các vùng còn lại có số điểm trung bình thấp hơn và dao động ở mức 49-54%.



Biểu đồ 11: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Môi trường theo vùng (%)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH HIỆP



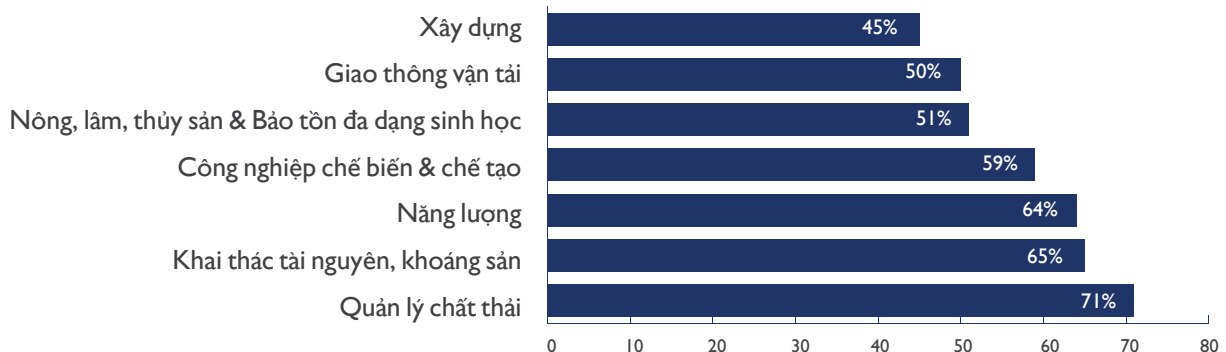
Năm thành lập	1991
Trụ sở chính	Thành phố Hồ Chí Minh
Ngành nghề	Nông, lâm, thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học
Website	https://vinhhiiepgl.com/

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Hiệp chú trọng tới việc thực hiện kiểm kê khí nhà kính nhằm cung cấp minh bạch các thông tin về môi trường tới các khách hàng trong và ngoài nước. Vĩnh Hiệp cũng không ngừng nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện hệ thống, phương pháp canh tác và sản xuất nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên, giảm lượng khí, nước thải, phân bón, thuốc hóa học ảnh hưởng đến môi trường, đồng thời sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên.



Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 6: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Hiệp

Với nhóm Sản xuất, lĩnh vực Quản lý chất thải là lĩnh vực tiêu biểu với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này đạt điểm trung bình là 71%. So với các lĩnh vực trong nhóm, Xây dựng vẫn còn nhiều hạn chế khi các doanh nghiệp xây dựng chỉ đạt 45% tổng số điểm. Khi nhóm lĩnh vực Sản xuất này được đánh giá là gây nhiều tác động tiêu cực lên môi trường, thì các lĩnh vực đạt điểm thấp hơn nhiều so với các lĩnh vực khác trong nhóm thể hiện dấu hiệu đáng lo ngại.



Biểu đồ 12: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Môi trường theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM FOOD



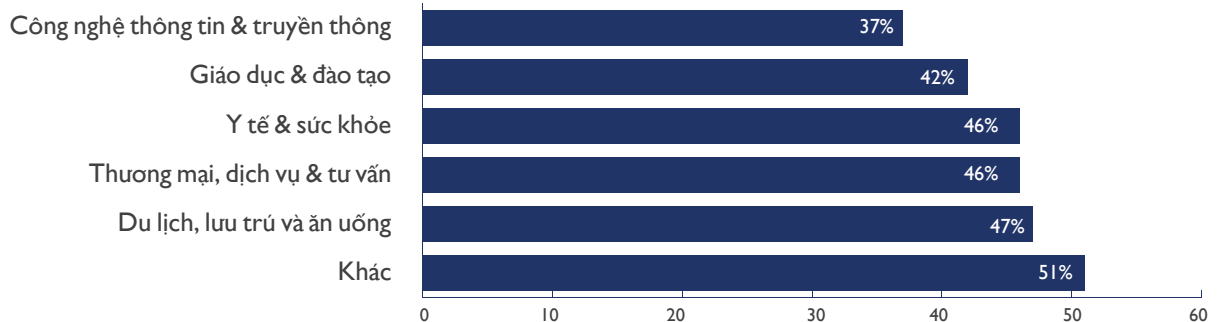
Năm thành lập	2013
Trụ sở chính	Thành phố Hồ Chí Minh
Ngành nghề	Nông, lâm, thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học
Website	https://www.vnfoods.vn/vi

Với định hướng phát triển bền vững, Việt Nam Food đã chuyển đổi mô hình xử lý phụ phẩm truyền thống (vốn dùng nhiều hóa chất, tài nguyên, và thủ công) sang hướng đi mới với mô hình “công nghệ sinh học theo định hướng không-chất-thải”. Đây là một mô hình công nghệ xanh, thân thiện môi trường, và tận dụng tối đa giá trị của nguồn nguyên liệu hữu cơ này. Từ những hoạt chất chiết xuất được, Việt Nam Food tiếp tục nghiên cứu phát triển ứng dụng, để chuyển hóa thành các giải pháp cho Ngành nông nghiệp, tạo thành một vòng kinh tế tuần hoàn.



Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 7: Công ty Cổ phần Việt Nam Food

Với nhóm Phi sản xuất, nhóm lĩnh vực này không phải đối mặt với nhiều yêu cầu khắt khe về môi trường so với nhóm Sản xuất. Số điểm đạt được thể hiện sự tiên phong cũng như trách nhiệm môi trường tự nguyện của doanh nghiệp. Tiêu biểu là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Khác với đa số là các công ty bất động sản và tài chính khi dẫn đầu về thực hành trong trụ cột Môi trường với điểm trung bình 51%. Lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông gặp hạn chế hơn so với các lĩnh vực trong nhóm với điểm trung bình chỉ đạt 37%.



Biểu đồ 13: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Môi trường theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)



2. TRỤ CỘT XÃ HỘI

Các chủ đề liên quan đến xã hội được đề cập trong khảo sát bao gồm tác động lên người lao động, cộng đồng địa phương và khách hàng của doanh nghiệp, nhằm đánh giá mức độ thực hành ESG của doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội với sáu câu hỏi khác nhau. Về tác động lên người lao động, mức thực hành ESG được đánh giá qua câu trả lời của các doanh nghiệp về các tiêu chí: chế độ phúc lợi cho người lao động, nhân sự phụ trách về các vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng như tập huấn cho người lao động về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, chuyên môn và quyền lợi của mình. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng được đánh giá dựa trên việc tổ chức các hoạt động gắn kết cộng đồng nhằm mang lại tác động tốt đến địa phương hoạt động của doanh nghiệp. Cuối cùng, chủ đề về khách hàng cũng được đề cập trong khảo sát, tập trung vào quy trình đảm bảo an toàn và thông tin sản phẩm, dịch vụ.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ VINH FARM



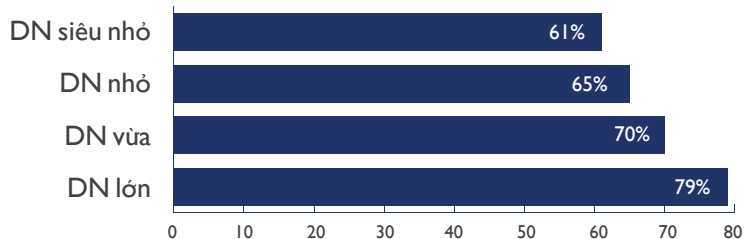
Năm thành lập	2019
Trụ sở chính	Trà Vinh
Ngành nghề	Nông, lâm, thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học
Website	https://sokfarm.com/

Nhận thấy người dân có xu hướng rời bỏ quê hương với hy vọng tìm được các công việc có mức lương cao, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trà Vinh Farm với thương hiệu Sokfarm sẵn sàng chi trả các mức đãi ngộ cao hơn nhằm thu hút nhân sự trẻ vừa ra trường. Sokfarm cũng đặt ra những mục tiêu và chiến lược dài hạn để giải quyết bài toán nhân lực, nổi bật nhất là dự án xây dựng Trường học Hạnh phúc Sok School đào tạo miễn phí tiếng Anh và văn hóa bản địa cho con em cán bộ nhân viên đang làm việc tại công ty. Giờ đây, nhiều người dân trong vùng, đặc biệt là phụ nữ, đã có công ăn việc làm ổn định và thu nhập khá.



Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 8: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trà Vinh Farm

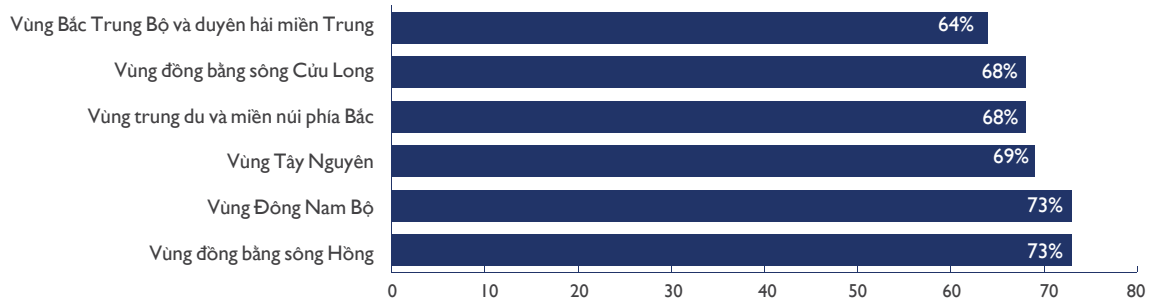
Với các chủ đề nêu trên, các doanh nghiệp tham gia khảo sát đạt số điểm trung bình là 68%, cao nhất trong các trụ cột. Và giống với trụ cột Môi trường, các doanh nghiệp lớn là thực hành tốt hơn cả với điểm trung bình đạt 79%. Điều này thể hiện rõ là các doanh nghiệp lớn với nguồn lực lớn hơn có nhiều điều kiện hơn để đưa ra các sáng kiến trong doanh nghiệp hay tổ chức các hoạt động mang lại lợi ích cho chính người lao động của họ, cộng đồng địa phương cũng như khách hàng của doanh nghiệp.



Biểu đồ 14: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo quy mô (%)



Trong các vùng kinh tế, vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng dẫn đầu cả nước về thực hành ở trụ cột Xã hội, đạt trung bình các doanh nghiệp đạt 73% tổng số điểm. Với số điểm trung bình dao động ở mức 64-73%, mức độ thực hành về xã hội giữa các vùng không có quá nhiều sự chênh lệch.



Biểu đồ 15: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo vùng (%)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG ▼



SƠN HẢI PHÒNG
Chất lượng là sự sống còn

Năm thành lập	1960
Trụ sở chính	Hải Phòng
Ngành nghề	Công nghiệp chế biến và chế tạo
Website	https://sonhaiiphong.com.vn/

Trong suốt hơn 60 năm phát triển, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ việc tập huấn cho tất cả nhân sự về chính sách an toàn sức khỏe và nghề nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn và quyền lợi của người lao động. Công ty đã xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá nhân viên và tiến hành đánh giá định kỳ. Ban lãnh đạo Sơn Hải Phòng khuyến khích người lao động tham gia công đoàn, quan tâm tới sức khỏe và đời sống của nhân sự, tạo điều kiện tham gia các hoạt động thể chất, khám sức khỏe định kỳ và tham quan nghỉ mát.



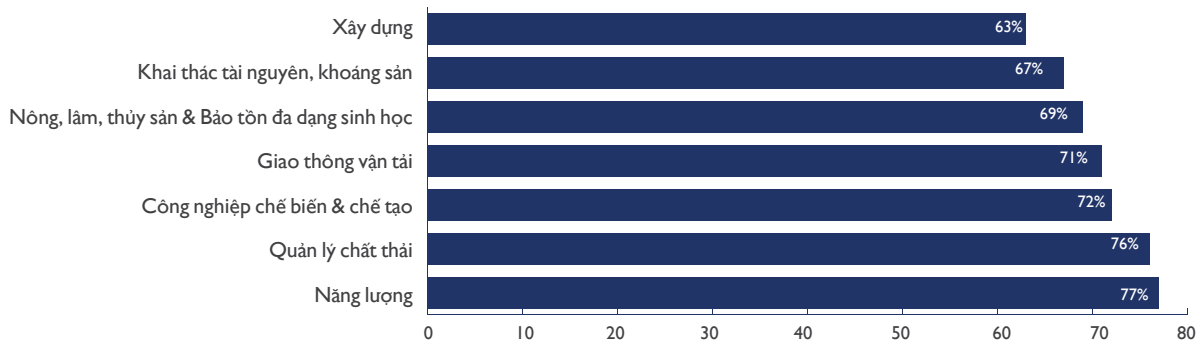


Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 9: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Trong nhóm lĩnh vực Sản xuất, lĩnh vực Năng lượng và Quản lý chất thải tiêu biểu cho nhóm khi đạt điểm trung bình là 77%. Tương tự như trụ cột Môi trường, lĩnh vực Xây dựng cũng còn nhiều hạn chế khi chỉ đạt 63% tổng điểm cho trụ cột Xã hội.



Biểu đồ 16: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MARIES
▼

Marie's
VIETNAM ESSENTIAL HANDMADE

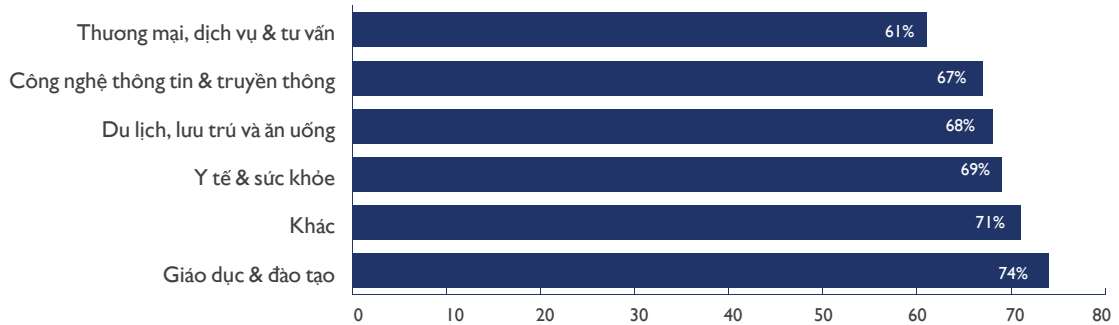
Năm thành lập	2021
Trụ sở chính	Thừa Thiên Huế
Ngành nghề	Thương mại, dịch vụ và tư vấn
Website	https://madebymaries.com

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Maries luôn mong muốn mang đến một môi trường bình đẳng và đa dạng trong doanh nghiệp bằng việc quan tâm hơn tới các lao động nữ. Điều này cụ thể hóa bằng việc Maries luôn thống kê chi tiết về lao động, thu nhập của nữ giới tại doanh nghiệp và tin tưởng họ giữ các vị trí chủ chốt tại công ty. Ngoài ra, Maries cũng khuyến khích các nhóm yếu thế vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp, cùng với đó là thúc đẩy người lao động tham gia công đoàn và các hoạt động đoàn thể của Maries.

Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 10: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Maries



Trong nhóm Phi sản xuất, lĩnh vực Giáo dục và đào tạo là có mức thực hành tốt nhất với 74%, và Thương mại, dịch vụ và tư vấn là thấp nhất với 61%. Nhìn chung, khi xét theo lĩnh vực, các lĩnh vực của cả hai nhóm vẫn có sự chênh lệch nhất định, tuy nhiên tất cả đều đạt trên 50% tổng số điểm với nhiều tiềm năng để cải thiện trong tương lai.



Biểu đồ 17: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột xã hội theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)

HỢP TÁC XÃ HỆ SINH THÁI DU LỊCH SUỐI GIÀNG



Năm thành lập	2022
Trụ sở chính	Yên Bái
Ngành nghề	Nông, lâm, thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học
Website	https://sugitea.com/

Bên cạnh việc tạo công ăn việc làm cho người dân tộc Mông bản địa, hợp tác xã Suối Giàng do anh Đào Đức Hiếu làm chủ còn chung tay làm nhà cộng đồng để xây dựng không gian văn hóa trà, mở lớp học về chè hữu cơ cho người dân đang trong độ tuổi lao động tại địa phương để hiểu hơn về truyền thống và bản sắc của dân tộc mình. Con em của những người dân trong vùng cũng được dạy tiếng Anh miễn phí thông qua “Lớp học sẻ chia” để có thêm những hiểu biết và những cơ hội mang trà bản địa Việt Nam tới khắp thế giới.



Hợp doanh nghiệp tiêu biểu 9: Hợp tác xã hệ sinh thái du lịch Suối Giàng

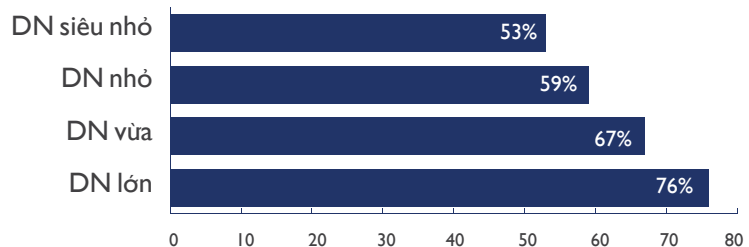


3. TRỤ CỘT QUẢN TRỊ

Bên cạnh trụ cột Môi trường và Xã hội, trụ cột Quản trị trong ESG cũng rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất/ kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và tính bền vững của doanh nghiệp nói riêng. Mức độ thực hành của các doanh nghiệp tham gia khảo sát được đánh giá qua sáu chủ đề cho tất cả các mô hình công ty: Chính sách phát triển bền vững; Quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp và việc tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp; Bộ quy tắc ứng xử/ đạo đức; Cơ chế tiếp nhận và giải quyết các tố cáo, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp; Báo cáo tài chính và báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội; và Bộ phận về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương. Bên cạnh đó, các công ty cổ phần niêm yết tham gia khảo sát được đánh giá bổ sung bốn chủ đề: Bộ phận kiểm toán; Ban kiểm sát; Thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị; và Quan hệ cổ đông.



Các doanh nghiệp trên cả nước tham gia khảo sát đạt điểm trung bình là 63%. Trong đó, các doanh nghiệp lớn thực hành tốt nhất trong các quy mô, đạt trung bình 76% và luôn dẫn đầu các quy mô doanh nghiệp cho từng trụ cột. Xếp sau lần lượt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Nhìn chung, các doanh nghiệp càng lớn thì cơ cấu doanh nghiệp cũng như công tác quản trị doanh nghiệp càng hoàn thiện, cũng như khả năng tiếp cận pháp lý và các hướng dẫn thực hành tốt nhất, qua đó thực hành về quản trị của doanh nghiệp lớn thể hiện sự tiến bộ đáng kể so với các quy mô doanh nghiệp nhỏ hơn.



Biểu đồ 18: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Quản trị theo quy mô (%)



CÔNG TY CỔ PHẦN LIVESPO TOÀN CẦU



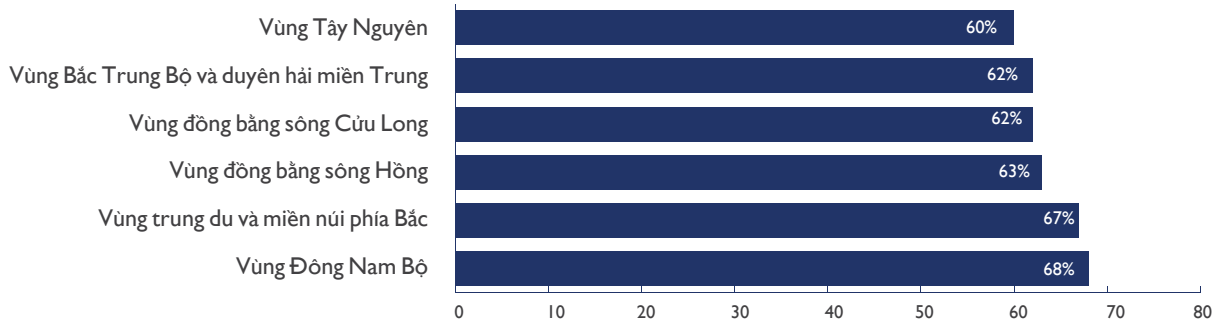
Năm thành lập	2018
Trụ sở chính	Hà Nội
Ngành nghề	Y tế và sức khỏe
Website	https://livespo.vn/

LiveSpo chủ trương xây dựng một hệ thống quản lý đa dạng về giới với gần 50% lao động cấp quản lý là nữ, cũng như đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và hoạt động kinh doanh. Một trong những điểm nổi bật khác trong công tác quản trị của LiveSpo là quy định giới hạn về số năm đương nhiệm của thành viên HĐQT, nhằm cải tiến liên tục và không ngừng đổi mới, sáng tạo, mang đến những thay đổi tích cực trong nội bộ công ty.



Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 12: Công ty Cổ phần LiveSpo Toàn cầu

Trụ cột Quản trị không thể hiện rõ sự chênh lệch ở các vùng kinh tế, với số điểm trung bình dao động ở mức 60-68%. Vùng Đông Nam Bộ với 68% là vùng kinh tế đạt số điểm trung bình cao nhất.

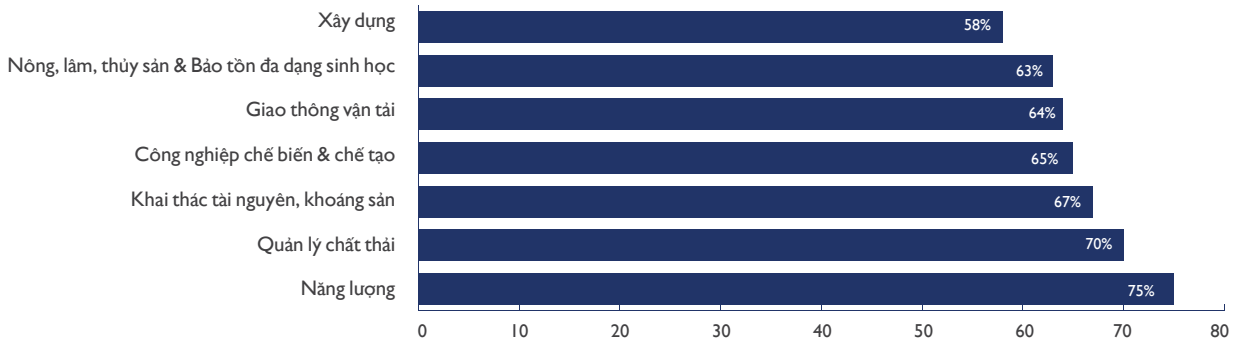


Biểu đồ 19: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Quản trị theo vùng (%)



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Lĩnh vực Xây dựng tiếp tục hạn chế trong việc thực hành ESG khi có số điểm trung bình thấp nhất trong nhóm lĩnh vực Sản xuất, với điểm trung bình chỉ đạt 58%. Điều này cho thấy rủi ro về thực hành ESG ở lĩnh vực này hiện nay đang rất cao khi Xây dựng luôn là lĩnh vực thực hành hạn chế nhất trong cả ba trụ cột. Ngược lại, Năng lượng là tiêu biểu cho nhóm với các doanh nghiệp trung bình đạt 75% tổng số điểm.



Biểu đồ 20: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Xã hội theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN SECOIN



secoin
KẾT TINH GIÁ TRỊ

Năm thành lập	2005
Trụ sở chính	Thành phố Hồ Chí Minh
Ngành nghề	Công nghiệp chế biến và chế tạo
Website	https://secoin.com/

Với trọng tâm là trụ cột Quản trị, Secoin quan tâm tới sự đa dạng của bộ máy quản lý về kiến thức và kinh nghiệm trong các lĩnh vực pháp luật, tài chính và hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, doanh nghiệp này còn tạo ra một môi trường làm việc bình đẳng, với sự tham gia của phụ nữ ở các vị trí quản lý. Việc chủ động thực hành ESG không chỉ giúp Secoin xây dựng hình ảnh thương hiệu tích cực mà còn củng cố mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác quốc tế. Điều này đã góp phần đưa thương hiệu Việt Nam vươn xa trên trường quốc tế.

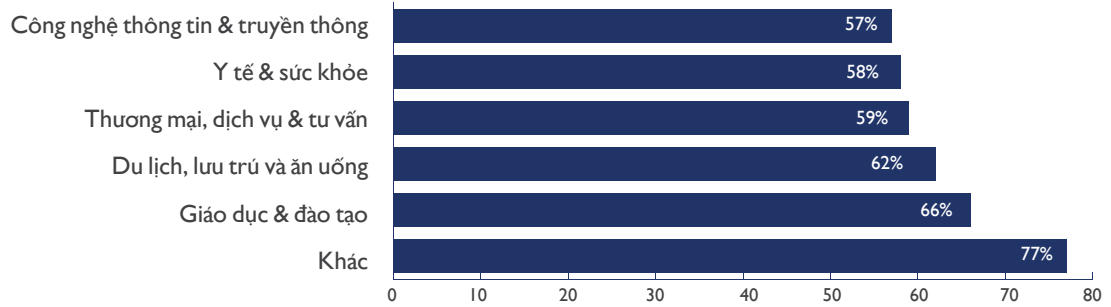




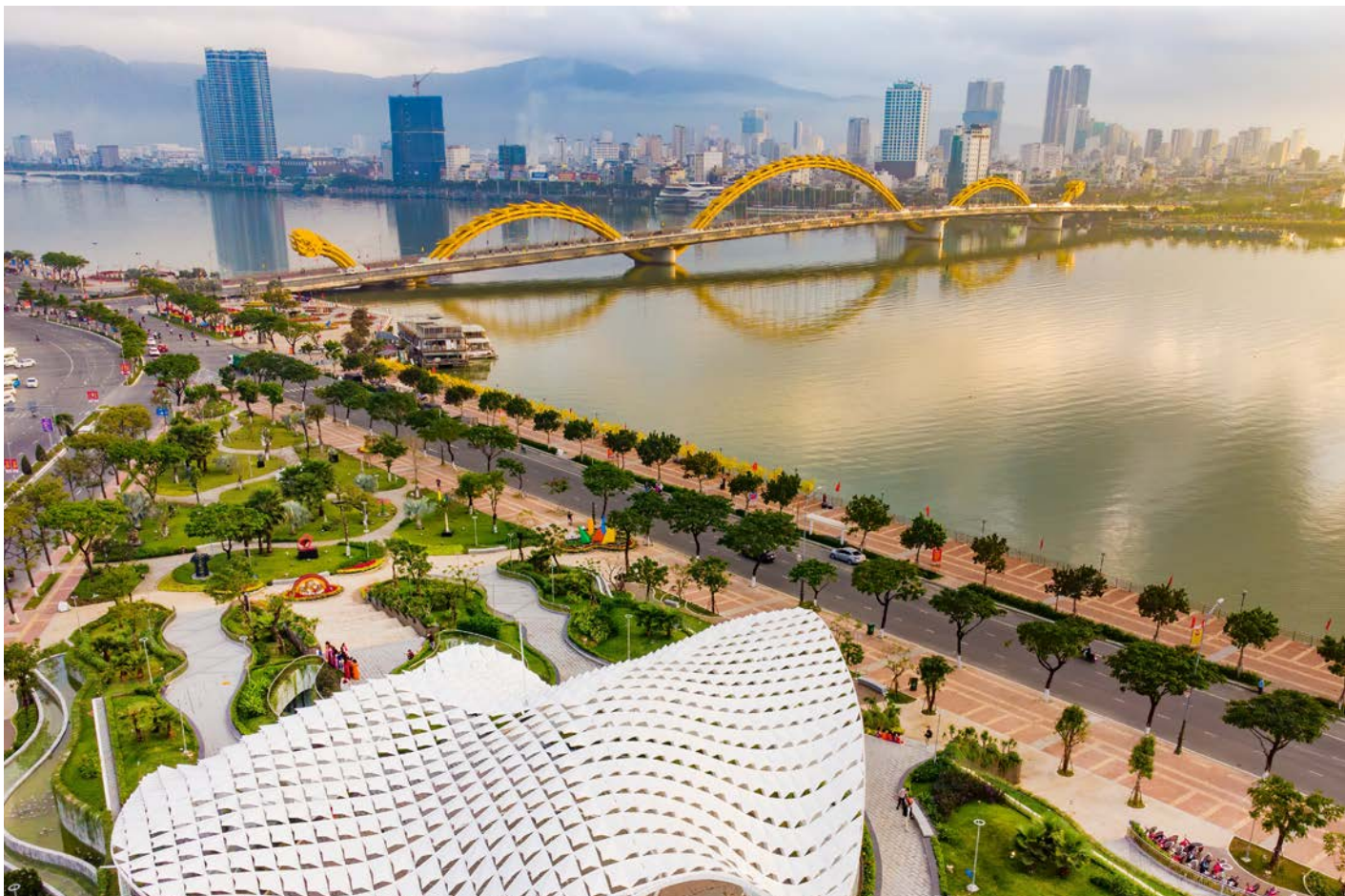
Hộp doanh nghiệp tiêu biểu 13: Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Sài Gòn Secoin



Trong nhóm Phi sản xuất, lĩnh vực Khác thực hành tốt hơn các lĩnh vực còn lại với điểm trung bình đạt 77%. Thấp nhất là lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông thể hiện sự hạn chế trong quản trị, với 57%.



Biểu đồ 21: Điểm trung bình doanh nghiệp cho trụ cột Quản trị theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)





III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH CHI TIẾT QUA CÂU HỎI KHẢO SÁT

I. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Xét trên phạm vi cả nước, phần lớn các doanh nghiệp có chính sách quản lý, giám sát và đánh giá tác động môi trường gồm những hướng dẫn, nguyên tắc, yêu cầu tuân thủ, được thể hiện dưới dạng văn bản, do người có thẩm quyền trong doanh nghiệp phê duyệt và ban hành chính thức nhưng lưu hành nội bộ và không công bố công khai.

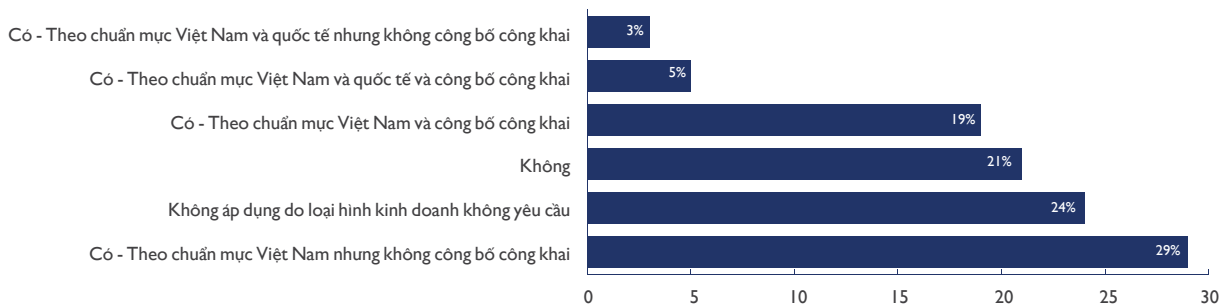
Kết quả cũng cho thấy 21% doanh nghiệp không có chính sách về quản lý, giám sát, và đánh giá tác động môi trường. Trong số này, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ cao nhất về việc chưa thực hiện báo cáo hoặc công bố thông tin liên quan đến môi trường, lần lượt là 25% và 41%. Ngược lại, các doanh nghiệp lớn thể hiện sự quan tâm và đầu tư vượt mức yêu cầu trong các vấn đề môi trường, chiếm 81% trong nhóm có chính sách tuân thủ theo chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, đồng thời công bố công khai thông tin.

Phân tích dữ liệu từ các doanh nghiệp theo từng vùng kinh tế cho thấy rõ sự khác biệt trong mức độ tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Đặc biệt, vùng Đồng bằng sông Cửu Long nổi bật với tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các chính sách môi trường theo tiêu chuẩn Việt Nam và cam kết công khai minh bạch thông tin, dẫn đầu so với các vùng khác. Mặc dù vùng Tây Nguyên có tới 63% doanh nghiệp chưa triển khai các chính sách về môi trường, nhưng vùng này đang dẫn đầu về tỷ lệ các doanh nghiệp phản hồi về thực hiện các chính sách này theo cả tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đồng thời chủ động cung cấp thông tin trên các nền tảng truyền thông. Với 13% doanh nghiệp cam kết tuân thủ, con số này vượt trội so với vùng xếp ngay sau đó là Đông Nam Bộ, nơi chỉ có 8% doanh nghiệp đạt được điều tương tự.





Sự cam kết vững chắc từ các doanh nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên không chỉ thể hiện ý thức trách nhiệm về môi trường mà còn mở ra các cơ hội tiềm năng cho sự phát triển bền vững trong khu vực. Điều này chỉ ra rằng các doanh nghiệp đang dần thể hiện sự sẵn sàng đối với các tiêu chuẩn phát triển bền vững, qua đó nâng cao vị thế và uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp và các đối tác chiến lược.



Biểu đồ 22: Mức độ tuân thủ chính sách quản lý, giám sát và đánh giá tác động môi trường theo vùng của các doanh nghiệp tham gia khảo sát (%) ²⁰

2. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Cũng giống như kết quả khảo sát về chính sách môi trường, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ cao nhất trong việc không công bố thông tin liên quan đến môi trường, với gần 90% doanh nghiệp chưa thực hiện. Chỉ có khoảng 5% doanh nghiệp tự nguyện thực hiện và công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông như trang web, báo chí. Trong số này, các doanh nghiệp lớn chiếm 60%, tiếp theo là các doanh nghiệp nhỏ và vừa với tỷ lệ tương đương nhau.

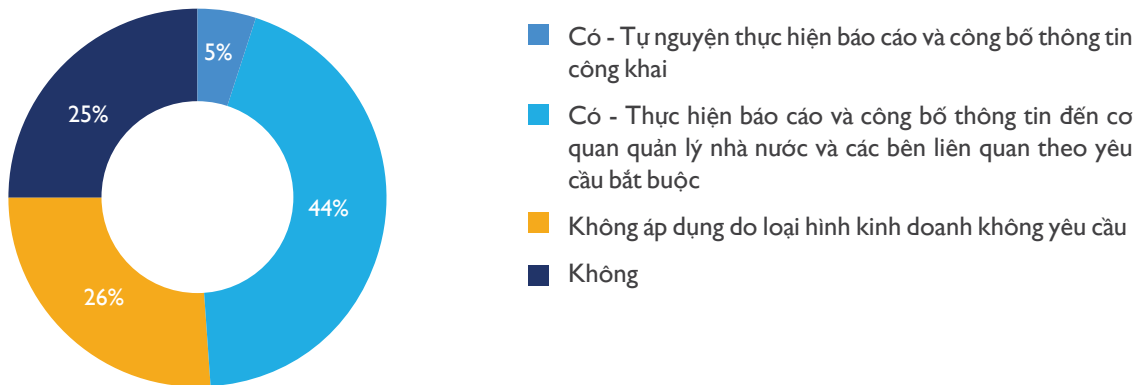
Gần một nửa số doanh nghiệp khảo sát thực hiện báo cáo và công bố thông tin đến cơ quan nhà nước và các bên liên quan theo yêu cầu bắt buộc. Đáng chú ý ở khía cạnh tuân thủ này, số lượng doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp lớn là tương đương nhau, chiếm 35% doanh nghiệp khảo sát ở mỗi quy mô.

²⁰ Câu 11 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có chính sách quản lý, giám sát và đánh giá tác động môi trường và công bố chính sách công khai không?



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Xét trên toàn bộ các vùng kinh tế, các doanh nghiệp ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ dẫn đầu với 77% thực hiện công bố thông tin môi trường theo yêu cầu bắt buộc, tiếp theo là Đồng bằng sông Cửu Long với 46%. Đặc biệt đáng chú ý, các doanh nghiệp tại vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên cũng dẫn đầu trong việc chủ động thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông ngay cả khi không có yêu cầu bắt buộc.



Biểu đồ 23: Cơ chế báo cáo và công bố thông tin về công tác quản lý môi trường (%)

3. NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH VỀ MÔI TRƯỜNG

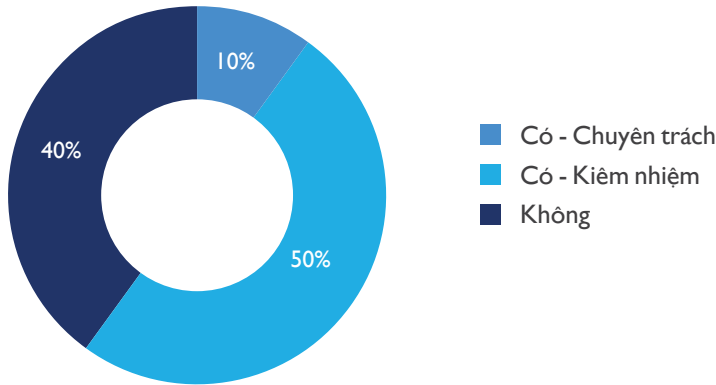
Một minh chứng cụ thể cho thấy sự đầu tư của các doanh nghiệp vào hoạt động bảo vệ môi trường là việc bố trí nhân sự chuyên trách trong trụ cột này. Theo kết quả khảo sát, một nửa số doanh nghiệp tham gia có nhân sự kiêm nhiệm các vấn đề liên quan đến môi trường; tuy nhiên, khoảng 40% trong số đó lại không có vị trí nào chuyên trách cho nhiệm vụ này. Đáng chú ý, chỉ khoảng 10% doanh nghiệp có nhân sự đảm nhiệm vị trí với chuyên môn sâu về môi trường.

Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp lớn đang dẫn đầu với 66% công ty đã có nhân viên chuyên môn đảm nhận các vấn đề môi trường và tuân thủ các quy định liên quan, trong khi con số này là tương đối khiêm tốn với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Hầu hết các doanh nghiệp ở quy mô này không có nhân sự chuyên trách hay kiêm nhiệm về môi trường, phản ánh sự hạn chế về nguồn nhân lực, không đủ để duy trì các vị trí chuyên môn riêng biệt trong trụ cột Môi trường.

21 Câu 12 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện báo cáo, công bố thông tin về công tác quản lý môi trường không?



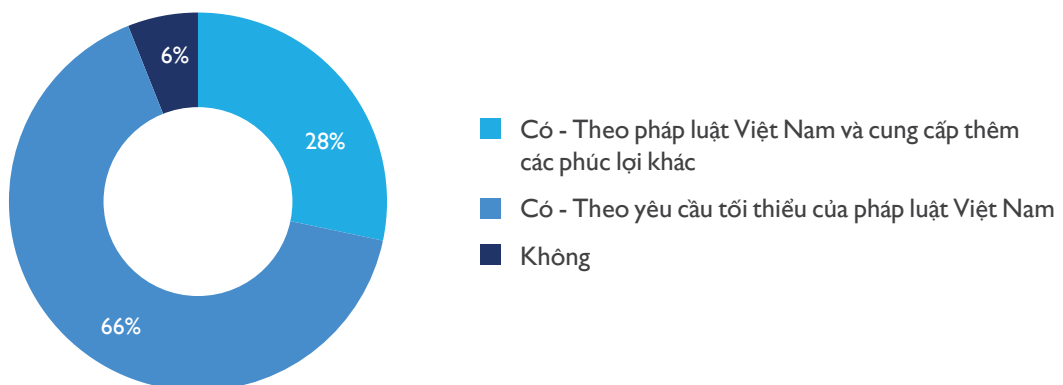
Sự phân bố này thể hiện sự khác biệt trong khả năng tổ chức và đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường giữa các loại hình doanh nghiệp, đặt ra những vấn đề cần được xem xét và cải thiện trong tương lai.



Biểu đồ 24: Phân bố nhân sự về môi trường (%) ²²

4. CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Việc thực hiện đầy đủ chế độ phúc lợi đầy đủ cho người lao động, đặc biệt là nhóm lao động toàn thời gian, liên quan trực tiếp đến sinh kế của nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Việc đáp ứng đầy đủ các phúc lợi theo pháp luật Việt Nam và cung cấp thêm nhiều phúc lợi khác thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến người lao động. Đa số các doanh nghiệp tham gia khảo sát đáp ứng yêu cầu tối thiểu về việc thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động toàn thời gian, với 66% doanh nghiệp thực hiện tối thiểu phúc lợi được đề ra theo pháp luật Việt Nam và 28% doanh nghiệp còn cung cấp thêm các phúc lợi khác. Tuy nhiên vẫn còn 6% doanh nghiệp không đáp ứng yêu cầu tối thiểu này, tập trung chủ yếu ở doanh nghiệp siêu nhỏ (16%), vùng Đồng bằng sông Cửu Long (10%) và lĩnh vực Y tế và sức khỏe (20%).



Biểu đồ 25: Cung cấp chế độ phúc lợi cho người lao động của doanh nghiệp (%) ²³

²² Câu 14 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có nhân sự phụ trách về vấn đề môi trường không?

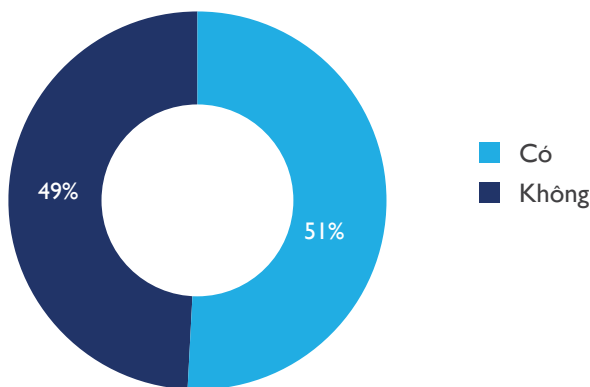
²³ Câu 16 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động toàn thời gian không?



5. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Về trụ cột Xã hội, tác động đến cộng đồng cũng là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ thực hành ESG của doanh nghiệp. Trong khảo sát này, các doanh nghiệp được đánh giá dựa trên việc tổ chức các hoạt động cho cộng đồng. Các hoạt động này thường nhằm mục đích gắn kết doanh nghiệp và cộng đồng, nâng cao sự tham gia của cộng đồng, hoặc mang lại tác động tích cực cho cộng đồng.

Trên cả nước, sự đóng góp cho cộng đồng chưa được quan tâm nhiều bằng các chủ đề khác, ví dụ như chủ đề được đề cập ở trên liên quan đến người lao động. Có đến 49% doanh nghiệp chưa tổ chức hoạt động nào cho cộng đồng trong 12 tháng gần nhất. Đặc biệt, về nhóm Sản xuất, tỷ lệ doanh nghiệp trong lĩnh vực Xây dựng tổ chức hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương khá thấp, chỉ khoảng 35%. Ngược lại, có đến 83% doanh nghiệp trong lĩnh vực Quản lý chất thải thực hiện tiêu chí này. Khi xét theo vùng kinh tế, các doanh nghiệp vùng Tây Nguyên thực hành tốt nhất với 79% doanh nghiệp tổ chức các hoạt động cho cộng đồng trong 12 tháng vừa qua.



Biểu đồ 26: Cơ cấu tổ chức các hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương (%)²⁴

²⁴ Câu 21 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức các hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương, có sự tham gia của cộng đồng địa phương hay tác động tích cực đến cộng đồng địa phương không?



6. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ NHẪM ĐẢM BẢO SẢN PHẨM, DỊCH VỤ AN TOÀN CHO KHÁCH HÀNG

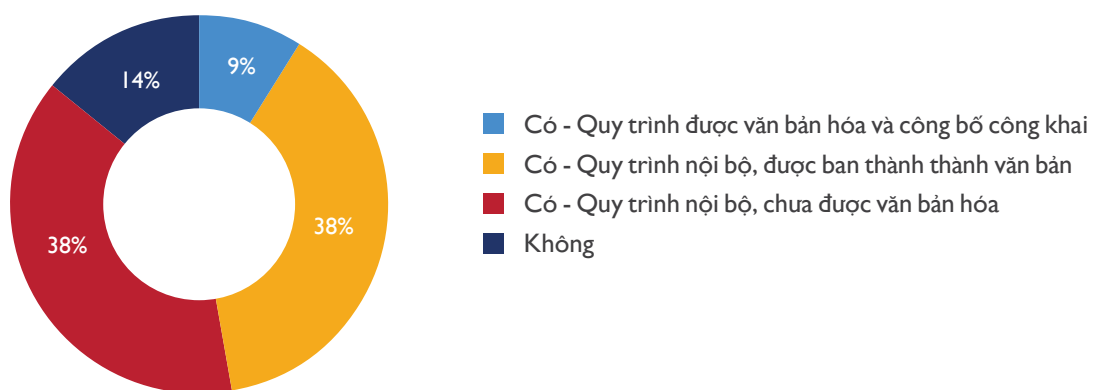
Khách hàng là bên liên quan rất quan trọng và có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh/sản xuất của doanh nghiệp. Một trong số các vấn đề khách hàng quan tâm là an toàn sản phẩm, dịch vụ. Trên cả nước, có 86% doanh nghiệp có quy trình để đảm bảo mức độ an toàn của các sản phẩm và dịch vụ, trong đó 9% đạt mức thực hành cao nhất.

Xét theo kết quả về lĩnh vực, 100% doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Quản lý chất thải đều có quy trình đánh giá nhằm đảm bảo sản phẩm, dịch vụ an toàn cho khách hàng. Ngoài ra, ba lĩnh vực cần có quy trình đánh giá trên là Y tế và sức khỏe; Nông, lâm, thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học; và Du lịch, lưu trú và ăn uống, vẫn chưa ban hành các quy trình này, tỷ lệ dao động trong khoảng 11-13%.

Về vùng, Trung du và miền núi phía Bắc dẫn đầu cả nước với 95% doanh nghiệp là có quy trình để đảm bảo an toàn sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, với các vùng còn lại thực hành khá tương đồng nhau.

Một điểm đặc biệt ở câu hỏi này là các doanh nghiệp lớn thực hành gần như tương đương với các doanh nghiệp vừa, lần lượt ở mức 6% và 7%. Và mức thực hành từ hai quy mô này cao hơn hẳn các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Khi nhu cầu của khách hàng ngày một khắt khe hơn, việc thực hành tốt ESG thông qua việc đảm bảo an toàn khi sử dụng sản phẩm hay dịch vụ của doanh nghiệp sẽ giúp tăng độ trung thành của khách hàng cũng như nâng cao uy tín của chính doanh nghiệp.



Biểu đồ 27: Cơ chế ban hành Quy trình đánh giá sản phẩm, dịch vụ an toàn cho khách hàng (%) ²⁵

²⁵ Câu 22 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có quy trình đánh giá nhằm đảm bảo sản phẩm, dịch vụ an toàn cho khách hàng không?

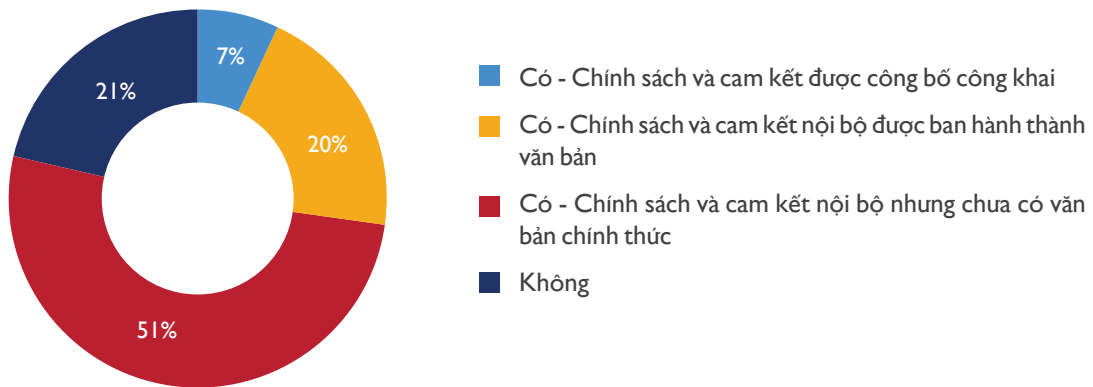


7. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Để thực hành tốt trụ cột Quản trị, các doanh nghiệp cần có cam kết cũng như chiến lược phát triển bền vững. Đây là yếu tố rất quan trọng cho việc thực hành ESG của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có định hướng cụ thể từ lãnh đạo đến toàn bộ cán bộ công nhân viên. Trên cả nước, tuy mức thực hành khác nhau, đa số các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều có chính sách phát triển bền vững rõ ràng và cam kết thực hiện các chính sách và hoạt động hướng đến phát triển bền vững. Kết quả chỉ ra 51% doanh nghiệp có chính sách và cam kết nội bộ nhưng chưa có văn bản chính thức, 20% doanh nghiệp có chính sách và cam kết nội bộ được ban hành thành văn bản, và 7% là có chính sách và cam kết được công bố công khai. Còn lại chỉ có 21% doanh nghiệp là chưa có chính sách hay cam kết này.



Lĩnh vực làm tốt nhất về chính sách phát triển bền vững là Quản lý chất thải với 100% doanh nghiệp có chính sách này. Ngược lại, kết quả cho thấy hai lĩnh vực là Công nghệ thông tin và truyền thông ở nhóm Phi sản xuất và Khai thác tài nguyên, khoáng sản ở nhóm Sản xuất tuy đã có các chính sách và cam kết nội bộ, chưa có doanh nghiệp nào có văn bản công bố công khai.



Biểu đồ 28: Cơ chế ban hành chính sách phát triển bền vững (%) ²⁶

26 Câu 24 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có chính sách phát triển bền vững rõ ràng và cam kết thực hiện các chính sách và hoạt động hướng đến phát triển bền vững không?



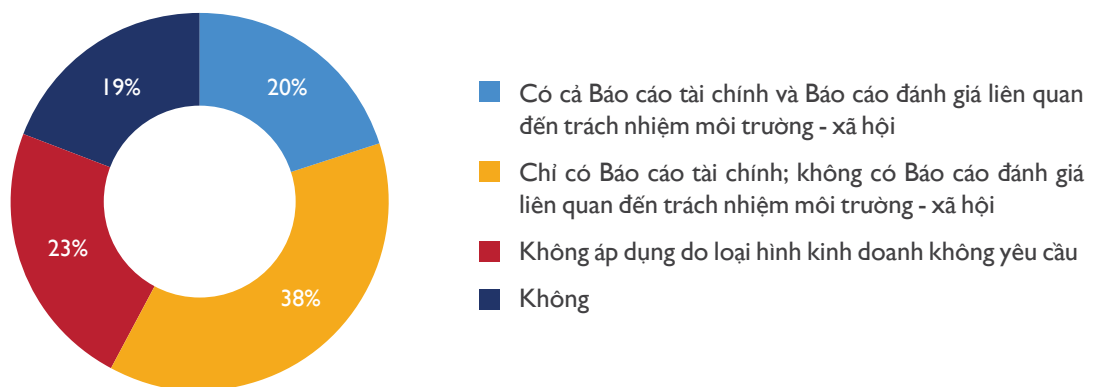
8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

Nhằm tăng tính minh bạch về hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp dân phải chịu nhiều yêu cầu khắt khe hơn về công bố thông tin. Ngoài báo cáo tài chính, báo cáo môi trường - xã hội cũng được các bên liên quan yêu cầu doanh nghiệp thực hiện. Về thực hành báo cáo, trên cả nước, có đến 42% doanh nghiệp không có báo cáo tài chính và báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội, trong đó, 19% doanh nghiệp không thực hiện báo cáo này trong khi họ nằm trong nhóm doanh nghiệp được yêu cầu thực hiện.



Tiêu biểu cho quy mô doanh nghiệp và lĩnh vực, doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Khác thực hiện rất tốt việc báo cáo khi có đến lần lượt là 50% và 71% doanh nghiệp là có cả hai loại báo cáo.

Ngoài ra, kết quả về vùng cho thấy vùng Trung du và miền núi phía Bắc đang thực hiện chủ đề này tốt nhất với tỷ lệ 85%, trong đó 70% doanh nghiệp chỉ có báo cáo tài chính và 15% doanh nghiệp có cả báo cáo tài chính và báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội. Tuy nhiên, nếu để xét riêng về tỷ lệ doanh nghiệp có cả hai báo cáo này thì vùng Đông Nam Bộ đang dẫn đầu cả nước với 38%.



Biểu đồ 29: Cơ chế thực hiện Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội (%) ²⁷

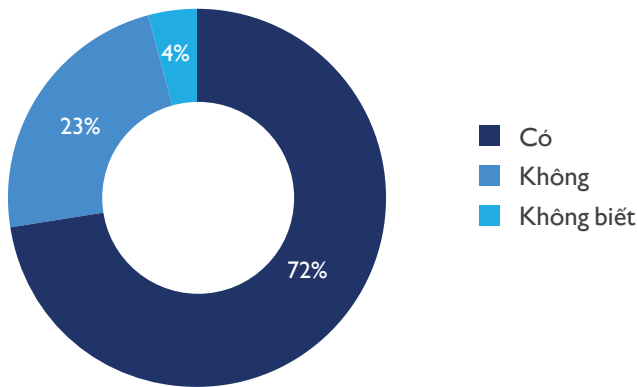
²⁷ Câu 28 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có xây dựng và công bố Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường xã hội không?



9. CÁC BỘ PHẬN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN, NHÂN SỰ, LƯƠNG THƯỜNG HAY CÁC ĐƠN VỊ TƯƠNG ĐƯƠNG

Để giúp doanh nghiệp có thể triển khai các hoạt động ESG cũng như đạt được các mục tiêu ESG đề ra, việc có nhân sự hay các phòng ban chuyên trách về ESG là rất quan trọng. Trên cả nước, 72% doanh nghiệp tham gia khảo sát có các bộ phận phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương. Tuy không phải là các bộ phận ESG chuyên trách, đây là các bộ phận phụ trách trực tiếp các chủ đề ESG trong từng trụ cột Môi trường, Xã hội, Quản trị, tạo tiền đề giúp các doanh nghiệp chuẩn bị nguồn nhân sự cho việc thành lập bộ phận ESG.

Xét theo kết quả về quy mô doanh nghiệp, 89% doanh nghiệp lớn có các bộ phận phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương, bên cạnh đó, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ kết quả này lần lượt là 66% và 54%. Xét về vùng kinh tế, kết quả cho thấy tỷ lệ tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc cao nhất với 88%, các vùng còn lại dao động trong khoảng 61-76%.



Biểu đồ 30: Cơ chế thành lập các bộ phận về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương (%) ²⁸

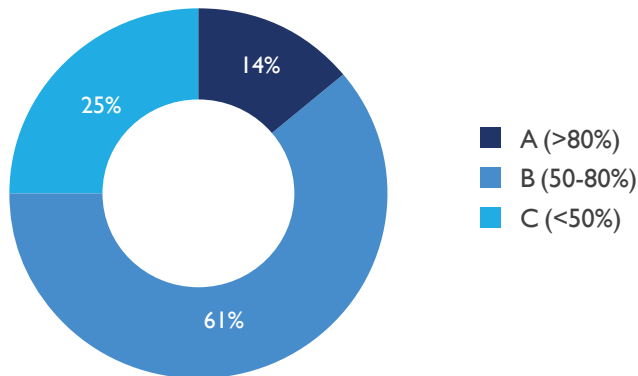


²⁸ Câu 29 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có thành lập ít nhất một trong các bộ phận sau về: chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương không?



IV. PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ THỰC HÀNH ESG CỦA DOANH NGHIỆP

Theo phương pháp phân tích nêu ở Phần B.IV, tổng điểm cho cả ba trụ cột của từng doanh nghiệp được tính bằng việc áp dụng tỷ trọng của hai nhóm lĩnh vực Sản xuất và Phi sản xuất, nhằm hạn chế tối đa sự không đồng nhất về phân bố thực hành ESG theo lĩnh vực và để đánh giá doanh nghiệp một cách khách quan nhất. Nhìn chung, điểm tích cực đến từ việc có tới 75% doanh nghiệp đạt hạng A và B, với số điểm từ 50% trở lên, trong đó 14% đạt hạng A và 61% đạt hạng B. Tuy nhiên, khảo sát ghi nhận 25% doanh nghiệp đạt hạng C chứng tỏ vẫn còn rất nhiều doanh nghiệp gặp hạn chế khi thực hành ESG và cần thêm hỗ trợ từ nhiều nguồn khác nhau.



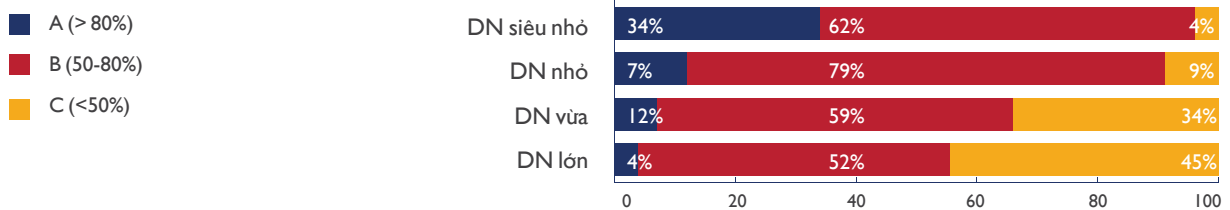
Biểu đồ 31: Phân loại mức độ thực hành ESG trên cả nước (%)





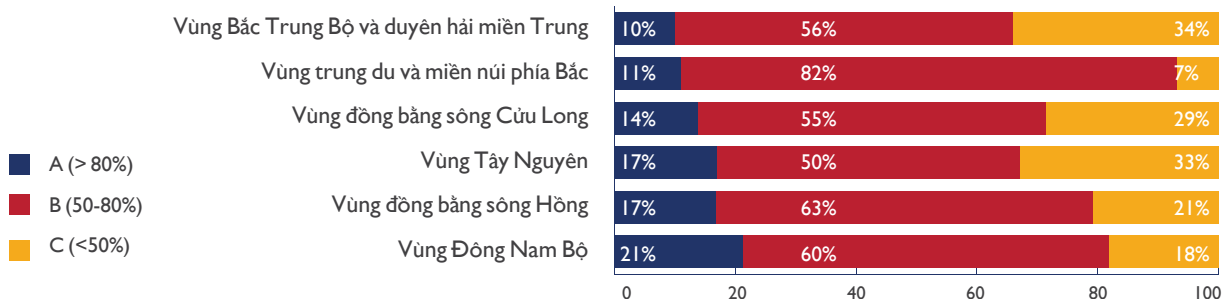
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Sự chênh lệch về thực hành ESG được thể hiện rõ khi đánh giá theo quy mô doanh nghiệp: 34% doanh nghiệp lớn đạt hạng A, trong khi mức độ thực hành này đối với doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ lần lượt là 12%, 7% và 4%. Điều đó cho thấy nguồn lực về tài chính, nhân lực và kiến thức đóng vai trò quan trọng trong việc thực hành ESG. Một điểm sáng tính từ mức điểm trên trung bình (hạng B trở lên), các doanh nghiệp vừa tiệm cận hơn với các doanh nghiệp lớn, khi hai tỷ lệ này lần lượt là 91% và 96%. Tuy nhiên, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ vẫn còn nhiều hạn chế nhất khi mức thực hành còn thấp hơn với nhóm doanh nghiệp quy mô lớn và vừa.



Biểu đồ 32: Phân loại mức độ thực hành ESG theo quy mô doanh nghiệp (%)

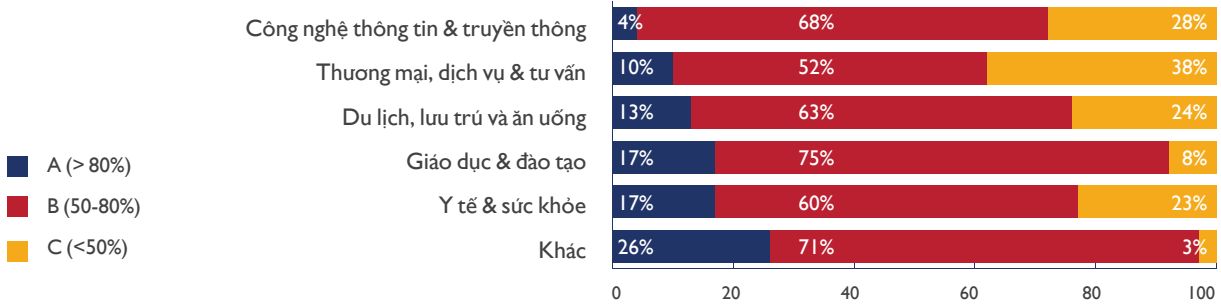
Theo vùng kinh tế, vùng Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về tỷ lệ doanh nghiệp đạt hạng A với 21%, xếp sau là vùng Đồng bằng sông Hồng với 17%. Điều này có thể được hiểu khi hai thành phố lớn nhất Việt Nam cũng như dẫn đầu nền kinh tế quốc gia là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội thuộc hai vùng này. Các doanh nghiệp thuộc hai vùng này cũng như tại hai thành phố trên có thể dễ dàng tiếp cận nguồn lực để thực hành ESG, đặc biệt là nguồn nhân lực. Ngược lại, các vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, và Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ doanh nghiệp hạng C cao lần lượt ở mức 34%, 33%, và 29%, thể hiện sự hạn chế so với các vùng khác.



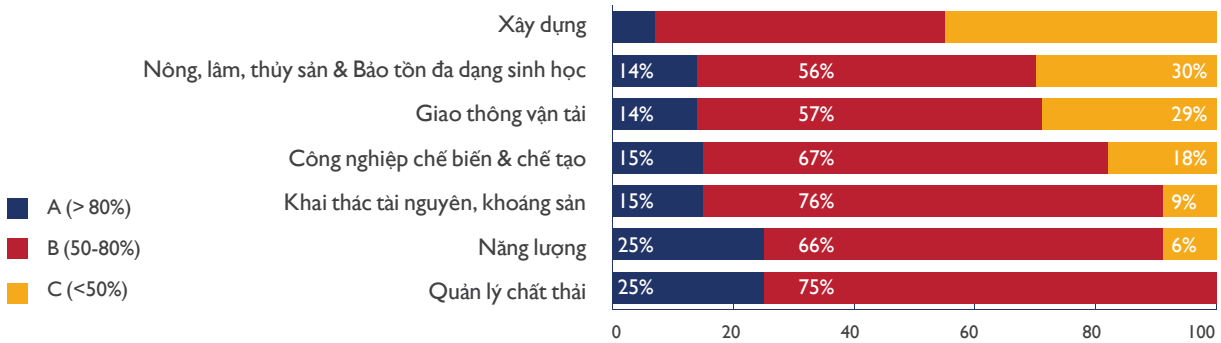
Biểu đồ 33: Phân loại mức độ thực hành ESG theo vùng (%)



Nhìn chung trong các lĩnh vực thuộc hai nhóm lĩnh vực, qua Biểu đồ 34 và Biểu đồ 35, Năng lượng, Quản lý chất thải và Khác (phần lớn là doanh nghiệp Bất động sản và Tài chính) là ba lĩnh vực thực hành ESG tốt nhất với tỷ lệ doanh nghiệp đạt hạng A cao.



Biểu đồ 34: Phân loại mức độ thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)



Biểu đồ 35: Phân loại mức độ thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)

Ngược lại, hai lĩnh vực còn hạn chế so với các lĩnh vực khác trên cả nước là Công nghệ thông tin và truyền thông và Xây dựng. Đối với Công nghệ thông tin và truyền thông, việc thực hành ESG chưa tốt có thể dễ dàng giải thích được do các yêu cầu về ESG đối với lĩnh vực này vẫn còn mới mẻ, và Công nghệ thông tin và truyền thông không gây nhiều tác động lên môi trường khi được xếp vào nhóm Phi sản xuất. Tuy nhiên, ngoài trụ cột Môi trường, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông vẫn phải chú tâm đến việc cải thiện hai trụ cột còn lại là Xã hội và Quản trị khi các trụ cột này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp nói chung về quản trị doanh nghiệp cũng như người lao động thuộc doanh nghiệp, cộng đồng, khách hàng, v.v., trong bối cảnh việc thực hành ESG tốt yêu cầu các doanh nghiệp phải cân bằng cả ba trụ cột. Ngoài ra, các doanh nghiệp lĩnh vực này có thể cải thiện điểm môi trường bằng việc đi tiên phong trong các hoạt động của chính doanh nghiệp. Ngược lại, đối với lĩnh vực Xây dựng, thực hành ESG chưa tốt mang lại rất nhiều rủi ro cho doanh nghiệp, khi Xây dựng là một trong những lĩnh vực gây ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng, cũng như sử dụng lượng lớn người lao động và các hoạt động gây ảnh hưởng đến cộng đồng. Với 45% doanh nghiệp xây dựng đạt hạng C thể hiện rằng các doanh nghiệp trong lĩnh vực này cần có các biện pháp nhằm cải thiện thực hành cho doanh nghiệp.

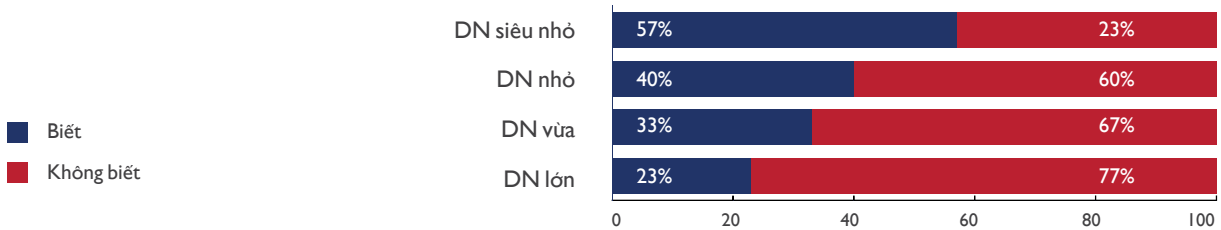


V. RÀO CẢN TRONG THỰC HÀNH ESG CỦA DOANH NGHIỆP

I. NHẬN THỨC CỦA DOANH NGHIỆP VỀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ESG

Theo kết quả của các doanh nghiệp đã tham gia khảo sát, có đến 62% doanh nghiệp trên cả nước thiếu kiến thức về các quy định, chính sách của nhà nước liên quan đến ESG. Trong đó, đối với khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, tỉ lệ này lên tới 84% (cao nhất cả nước).

Đối với quy mô doanh nghiệp, có tới 77% doanh nghiệp siêu nhỏ, 67% doanh nghiệp nhỏ và 60% doanh nghiệp vừa gặp khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin về ESG. Tuy các doanh nghiệp lớn có hiểu biết tốt hơn về các quy định, chính sách kinh doanh bền vững theo khung Môi trường, Xã hội, và Quản trị, nhưng tỷ lệ thiếu nhận thức của nhóm doanh nghiệp này cũng tương đối cao ở mức 43% (Biểu đồ 36).



Biểu đồ 36: Nhận thức của doanh nghiệp về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ESG theo quy mô doanh nghiệp (%) ²⁹

Nguyên nhân chính xuất phát từ việc thiếu kiến thức khiến các công ty vẫn chưa đưa ra kế hoạch thực hiện bất kỳ cam kết nào liên quan đến ESG. Hơn nữa, do chủ yếu các doanh nghiệp ở Việt Nam đều là doanh nghiệp nhỏ, họ đang chật vật giữa vấn đề cân đối dòng tiền, đảm bảo doanh thu, do đó những cách suy nghĩ về lợi nhuận vẫn đang ảnh hưởng đến nhận thức của doanh nghiệp về ESG. Ngoài ra, việc các doanh nghiệp còn e ngại do có quá nhiều thông tin song chưa rõ ràng cũng được coi là một yếu tố khiến họ chưa tiếp cận được với chủ đề này. ESG có cách hiểu không thống nhất trên toàn cầu, ở mỗi khu vực có cách đánh giá riêng. Vì vậy, cơ quan nhà nước cần tiêu chuẩn hóa được ESG cho doanh nghiệp Việt Nam mà vẫn tương thích với tiêu chuẩn quốc tế.

²⁹ Câu 34 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có biết về quy định, chính sách sau của nhà nước liên quan đến ESG không?



2. KHÓ KHĂN CỦA DOANH NGHIỆP KHI MUỐN THỰC HÀNH ESG

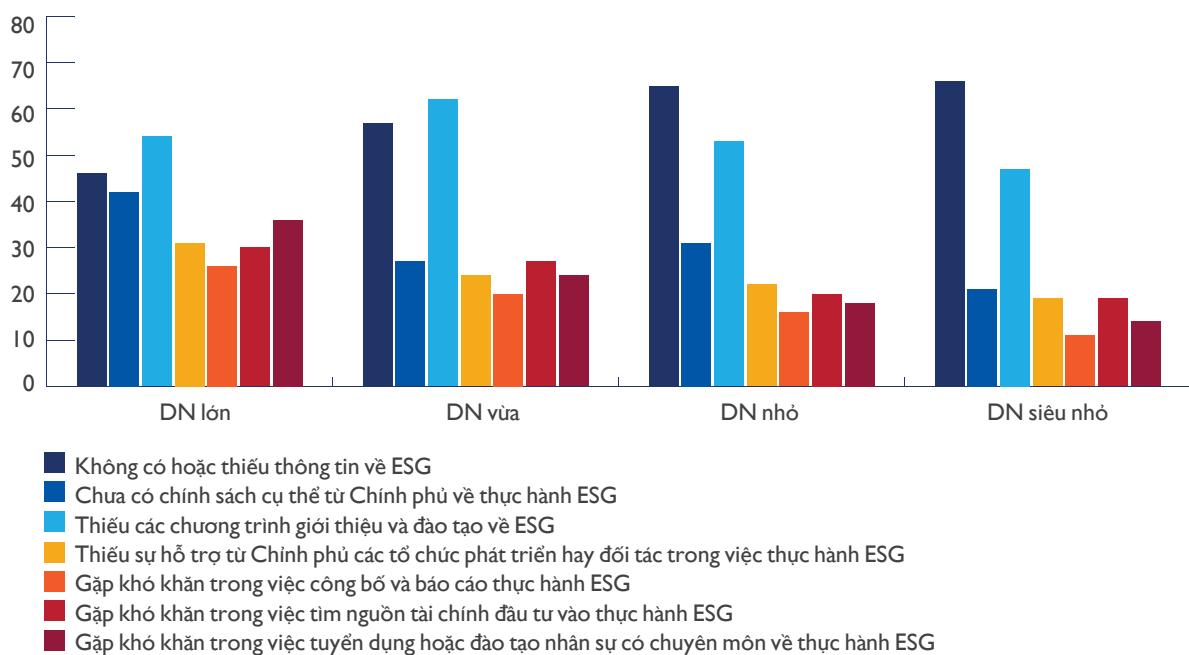
Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc thực hành ESG ở nhiều khía cạnh như thông tin, nguồn vốn, nhân sự có chuyên môn, v.v. Trong đó, ba khó khăn lớn nhất các doanh nghiệp đối mặt là: Không có hoặc thiếu thông tin về ESG, Thiếu các chương trình về giới thiệu và đào tạo ESG, và Chưa có chính sách cụ thể từ Chính phủ về ESG (Biểu đồ 37).



Biểu đồ 37: Rào cản của doanh nghiệp trên cả nước khi muốn thực hành ESG (%)

2.1 Thiếu các thông tin liên quan đến ESG

Đa số doanh nghiệp đều gặp khó khăn liên quan đến những thông tin về ESG. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng 60% số doanh nghiệp được khảo sát đề cập khó khăn này. Đối với quy mô doanh nghiệp, tỷ lệ thiếu thông tin liên quan đến ESG khá cao, lần lượt là 66%, 65%, 57% và 46% cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và doanh nghiệp lớn (Biểu đồ 38). Trong bối cảnh hiện nay, rất khó để doanh nghiệp chủ động trong việc thực hành ESG bởi doanh nghiệp nhỏ với nguồn lực hạn hẹp, đang tập trung hướng đến bài toán doanh thu, lợi nhuận để đảm bảo khả năng sinh tồn. Phát triển bền vững trở thành việc đầu tư dài hạn nhưng hiệu quả vẫn còn xa vời.



Biểu đồ 38: Khó khăn của doanh nghiệp khi muốn thực hành ESG theo quy mô doanh nghiệp (%)



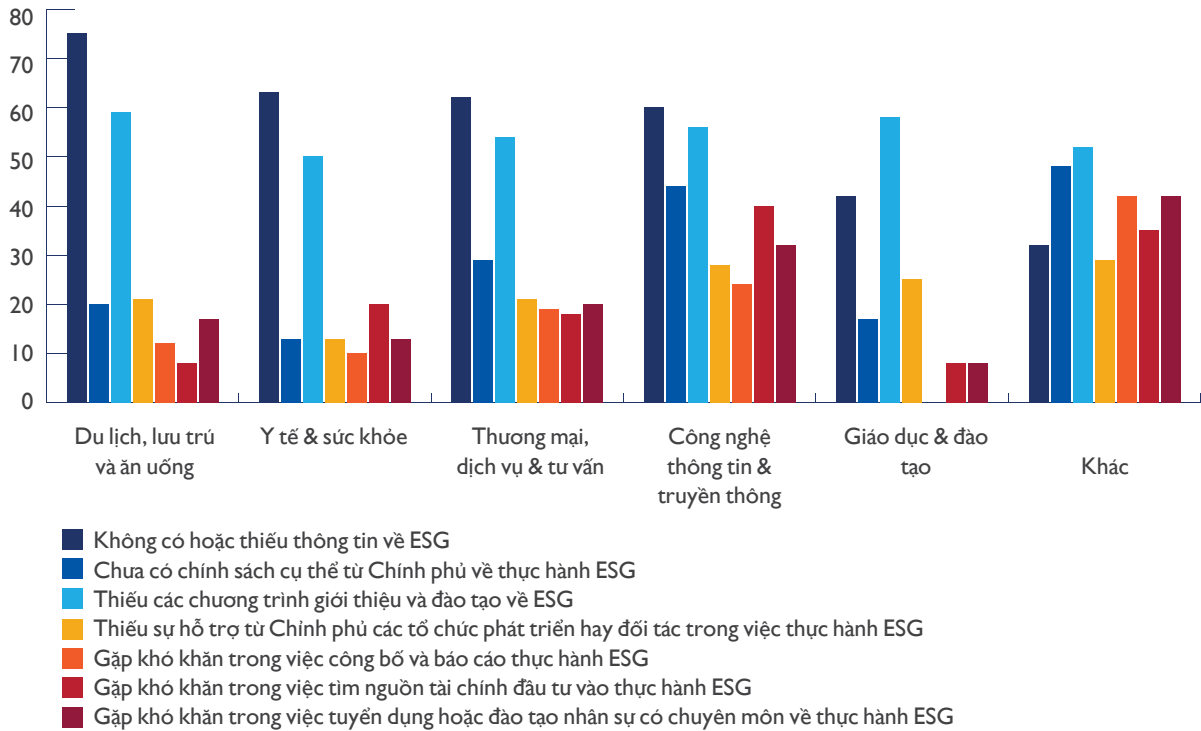
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Bên cạnh đó, 53% doanh nghiệp cho biết họ thiếu các chương trình giới thiệu và đào tạo ESG. Kết quả khảo sát theo quy mô doanh nghiệp lần lượt là 54%, 62%, 53% và 47% cho doanh nghiệp lớn, vừa, nhỏ và siêu nhỏ (Biểu đồ 38). Kết quả chỉ ra rằng tỷ lệ các doanh nghiệp lớn và vừa thiếu các chương trình giới thiệu và đào tạo cao hơn hẳn so với tỷ lệ thiếu thông tin. Có thể thấy dù quan tâm nhưng doanh nghiệp lớn và vừa vẫn đứng ngoài các hoạt động tiến tới đạt tiêu chuẩn ESG bởi ngay cả những doanh nghiệp đang thực hành theo tiêu chuẩn ESG cũng cho rằng, việc triển khai tiêu chuẩn này tại Việt Nam còn rất nhiều hạn chế về thông tin, lúng túng trong việc thực hành.

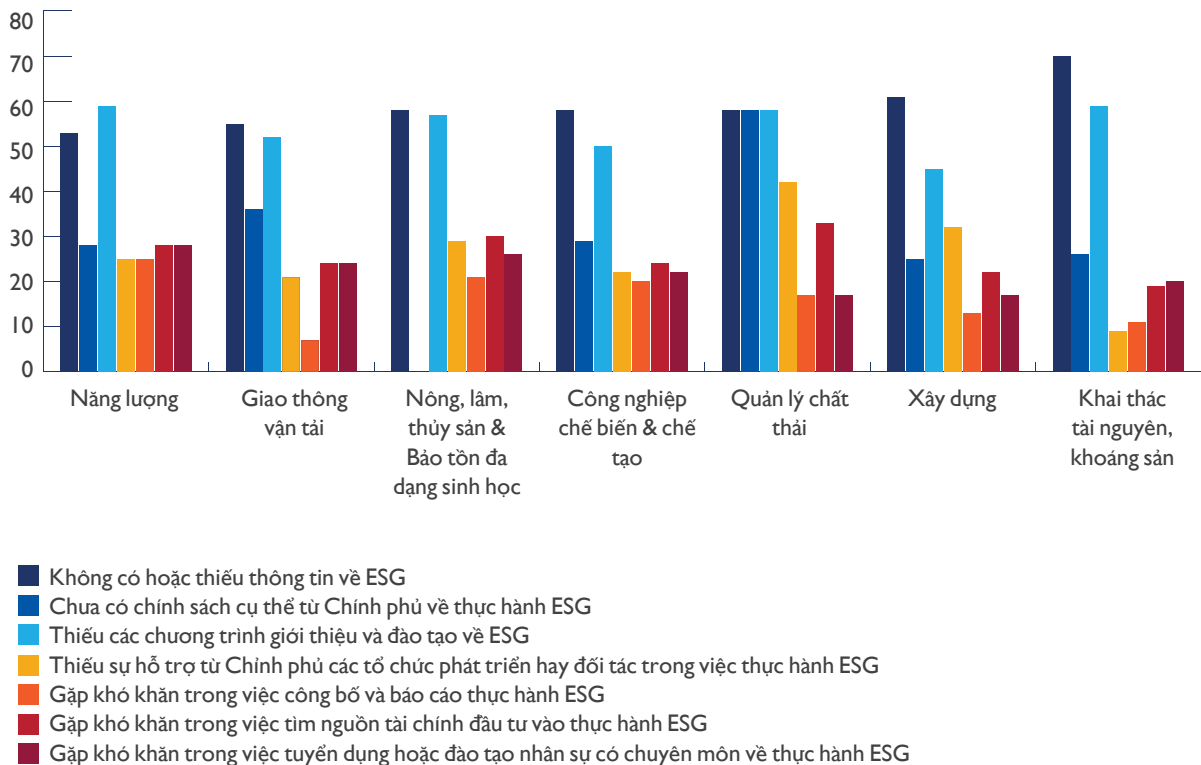
Kết quả cũng chỉ ra rằng phân bố vùng giữa sáu vùng kinh tế trọng điểm không ảnh hưởng tới sự khó khăn của các doanh nghiệp. Có thể nhận thấy hai khó khăn trên cũng chiếm tỷ lệ lớn nhất, các yếu tố khó khăn còn lại biểu thị tỷ lệ tương tự nhau giữa các vùng. Cần những văn bản hướng dẫn rõ ràng, lộ trình tổng thể cho quốc gia và một môi trường cạnh tranh công bằng cho các lĩnh vực nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy các chiến lược ESG.



Hơn nữa, giống với kết quả khảo sát vùng, kết quả theo lĩnh vực cũng cho thấy hai thông số về thiếu thông tin liên quan đến ESG, thiếu các chương trình giới thiệu và đào tạo đạt tỷ lệ cao nhất. Trong đó, đối với khó khăn liên quan đến thiếu các thông tin về ESG, nhóm Phi sản xuất có lĩnh vực Du lịch, lưu trú và ăn uống đạt tỷ lệ cao nhất (75%) (Biểu đồ 39) và nhóm Sản xuất có lĩnh vực Khai thác tài nguyên, khoáng sản đứng đầu (70%) (Biểu đồ 40). Tỷ lệ lĩnh vực gặp khó khăn nhất trong việc thiếu các chương trình đào tạo về ESG cũng là Du lịch, lưu trú và ăn uống nhóm Phi sản xuất (59%) (Biểu đồ 39) và Khai thác tài nguyên, khoáng sản thuộc sản nhóm Sản xuất (58%) (Biểu đồ 40).



Biểu đồ 39: Khó khăn của doanh nghiệp khi muốn thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Phi sản xuất (%)



Biểu đồ 40: Khó khăn của doanh nghiệp khi muốn thực hành ESG theo nhóm lĩnh vực Sản xuất (%)



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Ngoài ra, vì nhu cầu ngày càng tăng của các bên liên quan trong việc đánh giá tác động của các yếu tố ESG trên diện rộng, các doanh nghiệp cần có dữ liệu chính xác và kịp thời. Để làm được điều đó, trước hết các doanh nghiệp phải có được dữ liệu cần thu thập, phân tích và sau đó báo cáo. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy khoảng 18% doanh nghiệp cho biết họ gặp khó khăn trong việc công bố và báo cáo thực hành ESG.

2.2 Chính sách chưa đầy đủ và thiếu sự hỗ trợ về thực hành ESG

Khó khăn tiếp theo mà các doanh nghiệp trong khảo sát đề cập tới là thiếu các chính sách cụ thể từ Chính phủ về ESG với tỷ lệ là 31% và thiếu sự hỗ trợ từ Chính phủ, các tổ chức phát triển hay đối tác trong việc thực hành ESG với tỷ lệ là 24% (Biểu đồ 37).

Trong các doanh nghiệp, những doanh nghiệp lớn gặp khó khăn nhiều nhất, với 42% doanh nghiệp cho rằng họ thiếu các chính sách cụ thể từ Chính phủ về chủ đề này, và 31% doanh nghiệp gặp khó khăn do thiếu sự hỗ trợ từ Chính phủ, các tổ chức phát triển hoặc đối tác trong việc thực hành ESG (Biểu đồ 38).

Bên cạnh đó, lĩnh vực Khác thuộc nhóm Phi sản xuất gặp khó khăn lớn nhất cho việc thiếu chính sách cụ thể từ Chính phủ, với tỷ lệ tương ứng là 48% và cũng là lĩnh vực có tỷ lệ cao nhất khi thực hành ESG vì thiếu sự hỗ trợ từ Chính phủ, các đơn vị hỗ trợ với tỷ lệ là 29% (Biểu đồ 39). Đối với nhóm Sản xuất, Quản lý chất thải đứng đầu với 58% về khó khăn thực hiện ESG khi chưa có chính sách cụ thể từ Chính phủ và 42% về việc thiếu hỗ trợ từ Chính phủ, các tổ chức phát triển hay đối tác trong việc thực hành ESG (Biểu đồ 40).



2.3 Thiếu nguồn tài chính đầu tư vào thực hành ESG

Liên quan đến nguồn tài chính đầu tư vào thực hành ESG, có đến 23% doanh nghiệp được khảo sát gặp khó khăn (Biểu đồ 37). Theo quy mô doanh nghiệp, tỷ lệ cao nhất là các doanh nghiệp lớn với 30% (Biểu đồ 38). Báo cáo này cũng ghi nhận một số thông tin từ các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ rằng doanh nghiệp mới thành lập hoặc doanh nghiệp còn rất nhỏ nên chưa có nhiều kinh phí và nguồn lực để thực hành ESG hoặc một số doanh nghiệp khác cho biết hoạt động kinh doanh còn yếu nên cần tập trung vào phát triển.

Về lĩnh vực, Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc nhóm Phi sản xuất chiếm tỷ lệ 40%, trở thành lĩnh vực gặp khó khăn lớn nhất liên quan đến nguồn tài chính đầu tư cho thực hành ESG (Biểu đồ 39). Ngoài ra, lĩnh vực Quản lý chất thải nhóm Sản xuất cũng có tỷ lệ lớn nhất 33% cho khó khăn này (Biểu đồ 40).



2.4 Thiếu nhân sự có chuyên môn về ESG

Một chủ đề khác mà các doanh nghiệp gặp phải trong khi muốn thực hành ESG là việc tìm kiếm nhân sự có chuyên môn về ESG. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 22% các doanh nghiệp gặp phải vấn đề này (Biểu đồ 37), kể cả các doanh nghiệp lớn cũng không tránh khỏi khó khăn trong việc tìm kiếm nhân sự phù hợp với tỷ lệ cao nhất là 36% (Biểu đồ 38). Có thể nói thực hành ESG còn khá mới ở Việt Nam nên việc tìm nguồn nhân lực về lĩnh vực này cũng không phải điều dễ dàng. Các doanh nghiệp thường phải đào tạo từ bên trong hoặc thuê tư vấn bên ngoài, nhưng vẫn gặp nhiều thách thức trong việc xây dựng một đội ngũ chuyên sâu về ESG.

Ngoài ra, việc triển khai ESG đòi hỏi sự hiểu biết đa lĩnh vực, từ Quản lý môi trường, các vấn đề xã hội đến quản trị doanh nghiệp, khiến cho việc tìm kiếm nhân sự vừa có kiến thức tổng quát vừa chuyên sâu trở nên khó khăn hơn (Biểu đồ 39 và 40).

2.5 Khó khăn đặc thù của vùng Đồng bằng sông Cửu Long

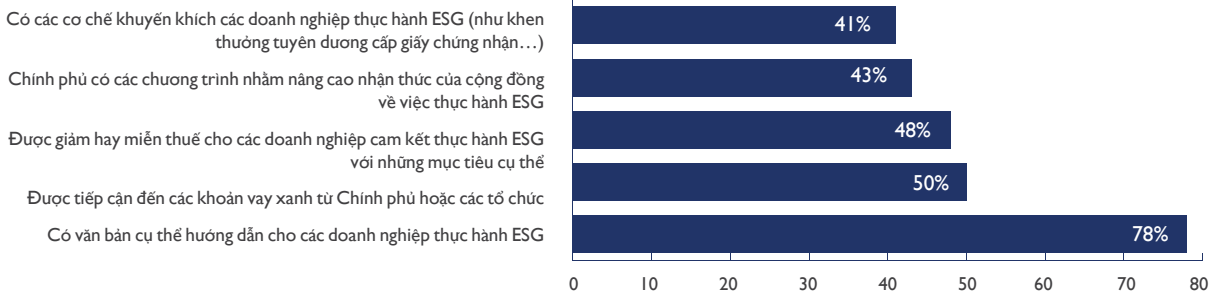
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là lúa gạo, thủy sản, và trái cây. Tuy nhiên, Đồng bằng sông Cửu Long đang đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sụt lún đất, và việc sử dụng tài nguyên nước từ các quốc gia thượng nguồn sông Mekong. Những thách thức này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất nông nghiệp và đời sống của người dân trong vùng. Các giải pháp bền vững đang được nghiên cứu và triển khai để bảo vệ và phát triển vùng, bao gồm việc thay đổi cơ cấu cây trồng, phát triển mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, và xây dựng các công trình ngăn mặn, trữ ngọt.

Theo kết quả khảo sát, nhóm thực hiện đã ghi nhận ý kiến từ các doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh rằng doanh nghiệp thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long phải chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu nên mỗi năm đều bị sụt lún và phải chịu hậu quả của hạn hán, hạn mặn cùng với dịch COVID-19 nên quá trình kinh doanh bền vững cũng bị ảnh hưởng. Việc tìm kiếm nhân sự cũng không dễ dàng do nguồn nhân sự còn rất mới và cần thời gian để đào tạo. Ngoài ra, các doanh nghiệp tỉnh An Giang cho rằng đây là khu vực thuộc vùng biên giới nên rất khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn lực. Việc di chuyển cần nhiều thời gian, cùng với đó là việc vận chuyển hàng hóa khó khăn do vùng cho nhiều kênh, rạch chính là những rào cản đối với doanh nghiệp tại vùng này, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất và cung cấp hàng hóa tới các tỉnh khác.

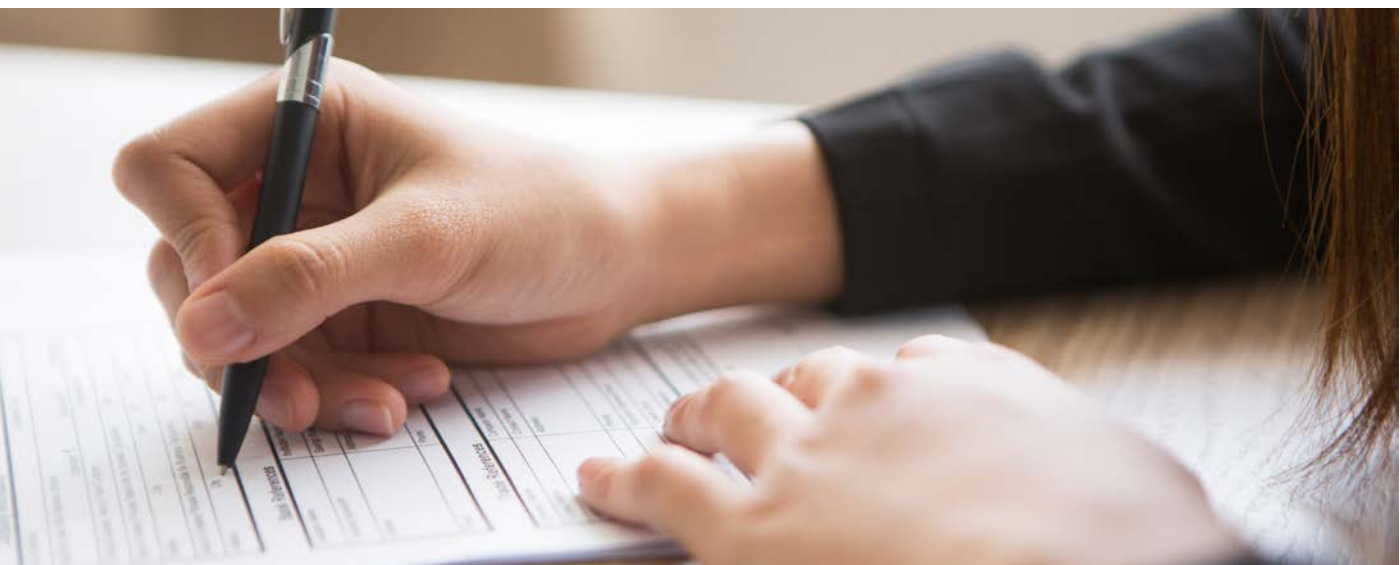


VI. KHUYẾN NGHỊ TỪ DOANH NGHIỆP

Khi được hỏi về các chính sách và hỗ trợ cần thiết để doanh nghiệp có thể thực hành ESG tốt hơn (cho phép chọn nhiều câu trả lời), ba mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp lần lượt là: (1) Có văn bản cụ thể hướng dẫn cho các doanh nghiệp thực hành ESG, (2) Được tiếp cận đến các khoản vay xanh từ Chính phủ hoặc tổ chức, và (3) Được giảm hay miễn thuế cho các doanh nghiệp cam kết thực hành ESG với những mục tiêu cụ thể. Trong đó, đề xuất (1) được đưa ra bởi gần 80% doanh nghiệp tham gia khảo sát. Con số này tương quan với 3 rào cản thực hành lớn nhất mà các doanh nghiệp đã nêu trước đó: không hoặc thiếu kiến thức về ESG; thiếu các chương trình đào tạo về ESG, và thiếu chính sách cụ thể từ Chính phủ. Đề xuất (2) và (3) tập trung vào các hỗ trợ tài chính, lần lượt được 50% và 48% số doanh nghiệp đưa ra. Còn lại, 41% và 43% doanh nghiệp tham gia khảo sát bày tỏ sự quan tâm đối với các cơ chế khuyến khích thực hành ESG và chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng từ Chính phủ (Biểu đồ 41).

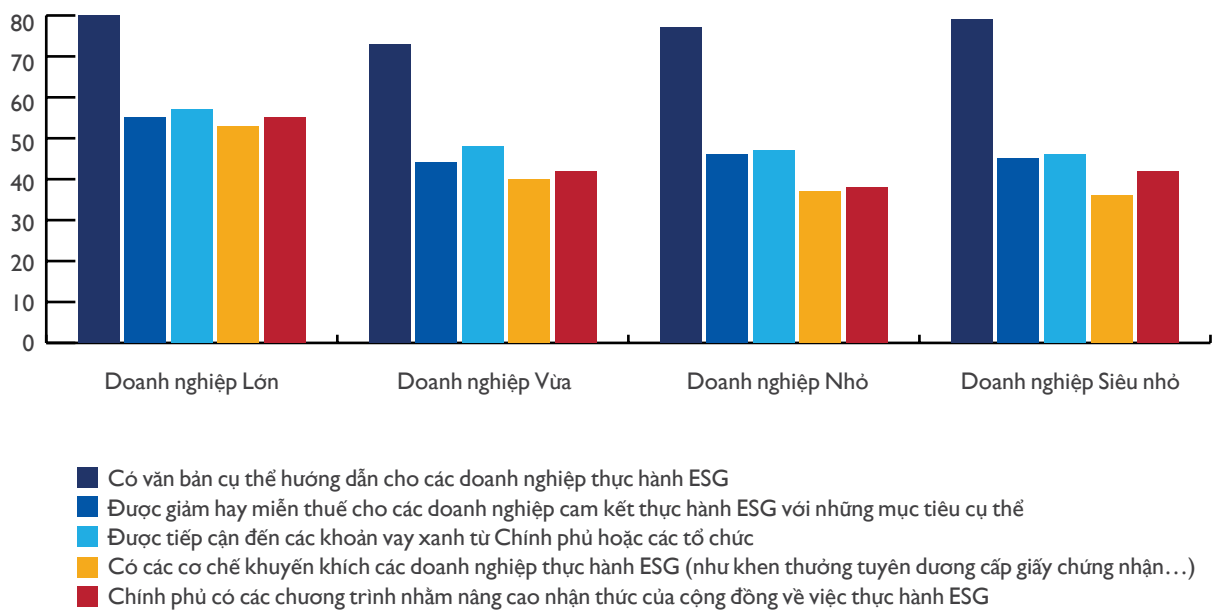


Biểu đồ 41: Khuyến nghị từ doanh nghiệp Việt Nam (%)





Thứ tự ưu tiên của cả ba đề xuất không có sự thay đổi theo quy mô doanh nghiệp; tuy nhiên, các doanh nghiệp lớn có sự quan tâm cao hơn và đồng đều hơn ở cả các yếu tố phi tài chính như cơ chế khuyến khích và chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng (trên 50%), trong khi mức quan tâm cho các yếu tố này các quy mô nhỏ hơn chỉ chiếm từ 35-42%.



Biểu đồ 42: Khuyến nghị từ doanh nghiệp theo quy mô (%)³⁰

Ngoài ra, khảo sát cũng ghi nhận một số khuyến nghị từ các doanh nghiệp như cần có thêm các dự án về chuyển đổi xanh, năng lượng sạch, các công cụ hỗ trợ kiểm kê khí nhà kính, các buổi triển lãm nhằm đưa sản phẩm truyền thống của Việt Nam ra ngoài thế giới cũng như là cơ hội để các doanh nghiệp tham khảo và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đã phát triển trên toàn cầu.

Xét theo lĩnh vực kinh doanh, văn bản hướng dẫn vẫn là nhu cầu cấp thiết nhất đối với các doanh nghiệp bất kể thuộc nhóm Sản xuất hay Phi sản xuất. Đặc biệt, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Quản lý chất thải, Khai thác tài nguyên, khoáng sản và Giáo dục và đào tạo có tỷ lệ khuyến nghị cao nhất, lần lượt là 92%, 89% và 83%. Yếu tố tiếp cận tài chính, cụ thể là các khoản vay xanh và miễn giảm thuế, cũng được nhấn mạnh ở cả hai nhóm lĩnh vực. Dù vậy, các hỗ trợ phi tài chính như cơ chế khen thưởng, khuyến khích và các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng lại được chú trọng hơn bởi các doanh nghiệp trong các lĩnh vực Năng lượng và Khác. Thêm vào đó, hơn một nửa số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Nông, lâm, thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học và Giao thông vận tải khuyến nghị cần tăng cường các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng.

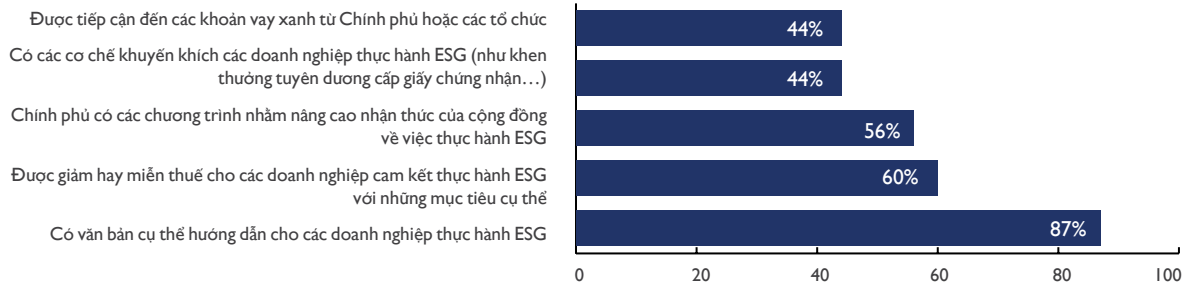


**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024**



Đối với khuyến nghị theo vùng, việc có văn bản cụ thể hướng dẫn thực hành ESG cũng được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm (trừ các doanh nghiệp thuộc vùng Tây Nguyên, vốn đang chú trọng hơn đến các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về ESG). Phần lớn các doanh nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ quan tâm đến cả các cơ chế khuyến khích thực hành ESG và các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng, trong khi các vùng còn lại như Trung du và miền núi phía Bắc và Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung có phần thiên về các hỗ trợ tài chính.

Tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, 87% doanh nghiệp đề xuất Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về thực hành ESG, và 60% doanh nghiệp mong muốn được xem xét miễn giảm thuế. Ngoài ra, các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng cũng nhận được sự quan tâm đáng kể, với 56% doanh nghiệp trong vùng đưa ra khuyến nghị này.



Biểu đồ 43: Đề xuất về chính sách, hỗ trợ từ doanh nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long (%)

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang phát triển nhanh chóng với tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đứng thứ hai trong tổng số sáu vùng kinh tế³¹. Với sự phát triển trọng điểm của các lĩnh vực Nông, lâm, ngư nghiệp, gây ảnh hưởng sâu sắc đến môi trường và phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ bị tác động bởi rủi ro về khí hậu, Đồng bằng sông Cửu Long cần được hỗ trợ đặc biệt. Vì nhận thức và thực hành ESG tại đây vẫn còn sơ khởi, việc xây dựng một cơ cấu ESG vững chắc ngay từ đầu sẽ tạo nền tảng giúp doanh nghiệp đón đầu cơ hội và đạt được lợi ích dài hạn. Do đó, cần có sự tích cực phổ cập thông tin, theo dõi và hỗ trợ sát sao từ Chính phủ để đảm bảo các doanh nghiệp có được khởi đầu thuận lợi và phát triển đồng bộ.

31 Theo dữ liệu năm 2023 từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư.



D. KẾT LUẬN

Báo cáo này đánh giá thực trạng thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp Việt Nam theo khung ESG. Thông qua các kết quả nổi bật được nêu xuyên suốt và phân tích các mức độ thực hành khác nhau, báo cáo chỉ ra các thực hành tốt và chưa tốt ở từng khía cạnh ESG, đồng thời đề xuất nhân rộng thực hành tốt và khuyến khích cải thiện những điểm chưa đạt để hướng đến kinh doanh bền vững.

Tổng quan kết quả khảo sát cho thấy nhận thức và thực hành ESG của doanh nghiệp tại Việt Nam đang phân hóa rõ rệt theo quy mô, lĩnh vực kinh doanh và vùng kinh tế:

Về nhận thức, ESG vẫn là một khái niệm mới, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Hiện nay, 39% trong số 1.019 doanh nghiệp tham gia khảo sát chưa từng biết đến khái niệm ESG. Bên cạnh đó, trong 10 doanh nghiệp thì có đến hơn 6 doanh nghiệp hiện chưa nắm rõ các quy định và chính sách của Việt Nam liên quan đến ESG. Hai kết quả này cho thấy nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về ESG cũng như về quy định, chính sách có liên quan còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, vẫn có điểm đáng ghi nhận là có đến 30% đang tìm hiểu về ESG và 16% đang thực hành liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị dù chưa biết đến khái niệm ESG, tạo tiền đề tốt cho việc bắt đầu trau dồi kiến thức cũng như thực hành ESG.

Về thực hành ESG, ở cả ba trụ cột, mức độ thực hành tỷ lệ thuận với quy mô doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp lớn với nguồn lực mạnh có khả năng tuân thủ và áp dụng các quy chuẩn ESG tốt nhất, còn các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần nhiều hỗ trợ để tiếp cận và nâng cao hiệu quả thực hành ESG. Doanh nghiệp có điểm trung bình thấp nhất ở trụ cột Môi trường và cao nhất ở trụ cột Xã hội. Với điểm trung bình đạt 52% cho trụ cột Môi trường, các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế trong việc triển khai các giải pháp và hoạt động giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực, cũng như mang lại tác động tích cực đến môi trường, ví dụ như việc có chính sách môi trường, có nhân sự phụ trách về môi trường, công bố thông tin môi trường, v.v. Ngược lại, điểm trung bình đạt 68% ở trụ cột Xã hội cho thấy doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang làm tốt về mặt xã hội hơn hai trụ cột còn lại, khi các doanh nghiệp quan tâm đến phúc lợi cho người lao động, đào tạo cho nguồn nhân sự, và các hoạt động gắn kết với cộng đồng.

Mặc dù nhìn tổng quan, doanh nghiệp Việt Nam cần tập trung giải quyết các vấn đề môi trường, các giải pháp ESG đòi hỏi sự cân bằng giữa cả ba trụ cột. Ví dụ, Môi trường liên quan mật thiết đến Quản trị, khi doanh nghiệp cần có chính sách và cam kết rõ ràng từ lãnh đạo để triển khai các chiến lược cải thiện hiệu quả môi trường dài hạn và có ý nghĩa. Do đó, việc cải thiện đồng bộ cả ba trụ cột, bắt đầu từ xây dựng các cơ chế quản trị định hướng cho hai trụ cột còn lại, là vô cùng cần thiết.

Khi đánh giá mức độ thực hành chi tiết qua từng câu hỏi khảo sát, doanh nghiệp có các xếp loại thực hành khác nhau. Về việc thực hành tốt, đa số các doanh nghiệp cung cấp đầy đủ chế độ phúc lợi cho người lao động, với chỉ 6% là không thực hiện đầy đủ yêu cầu này. Khi người lao động được doanh nghiệp chăm lo đến đời sống, năng suất cũng như sự gắn bó của người lao động với doanh nghiệp cũng theo đó tăng cao. Ngược lại, các doanh nghiệp được khảo sát đang chưa chú tâm đến việc tổ chức các hoạt động gắn kết cộng đồng địa phương nơi doanh nghiệp đang kinh doanh, sản xuất. Điều này mang lại rủi ro cho doanh nghiệp khi có thể không nhận được sự ủng hộ từ cộng đồng, cũng như không có sự liên kết giữa các bên trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh, sản xuất có thể



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

gây ra nhiều tác động tiêu cực cho địa phương. Với những câu hỏi còn lại, nhìn chung tỷ lệ doanh nghiệp ở mức thực hành thấp nhất, là không có chính sách hay hành động tương ứng cho các chủ đề, dao động ở mức 25%.

Về tổng quan phân loại mức độ thực hành ESG của doanh nghiệp, 14% doanh nghiệp tham gia khảo sát đạt hạng A (hạng cao nhất) với mức điểm trên 80%, là các doanh nghiệp tiên phong trong thực hành ESG. Ngược lại, có đến 25% doanh nghiệp đạt hạng C (hạng thấp nhất) khi hầu hết không triển khai hoặc có ít các hoạt động/giải pháp liên quan đến ESG. Còn lại, 61% doanh nghiệp đạt hạng B, tuy vẫn cần cải thiện về thực hành, nhưng có tiềm năng và cơ hội thực hành ESG tốt nếu các khó khăn và hạn chế đặc thù cho doanh nghiệp được giải quyết.

Về khó khăn, ba khó khăn lớn nhất doanh nghiệp gặp phải là (1) Không có hoặc thiếu thông tin về ESG, (2) Thiếu các chương trình về giới thiệu và đào tạo ESG, (3) Chưa có chính sách cụ thể từ Chính phủ về ESG. Bên cạnh đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng gặp những khó khăn đặc thù, yêu cầu những chính sách hỗ trợ chuyên biệt nhằm giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, hạn mặn và sụt lún, thiếu nguồn nhân sự khi lao động di chuyển lên thành phố lớn, và khó khăn về cơ sở hạ tầng do hệ thống kênh rạch phức tạp cản trở giao thông và vận chuyển hàng hóa.

Theo các **khuyến nghị từ doanh nghiệp,** ba quan tâm lớn nhất đối với doanh nghiệp bao gồm: (1) Có văn bản cụ thể hướng dẫn cho các doanh nghiệp thực hành ESG, (2) Được tiếp cận đến các khoản vay xanh từ Chính phủ hoặc tổ chức, và (3) Được giảm hay miễn thuế cho các doanh nghiệp cam kết thực hành ESG với những mục tiêu cụ thể. Điều này cho thấy thông tin và nguồn lực tài chính đang là những hỗ trợ cần thiết để doanh nghiệp tiếp cận và thực hành ESG một cách toàn diện. Ngoài ra, phần khảo sát chuyên sâu ghi nhận thêm các khuyến nghị về việc triển khai các dự án chuyển đổi xanh, năng lượng sạch, các hỗ trợ về kiểm kê khí nhà kính, hay các chương trình trao đổi học hỏi kinh nghiệm quốc tế. Với một số lĩnh vực đặc thù như Năng lượng, Giao thông vận tải và Nông, lâm thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học, vốn có khả năng ảnh hưởng lớn đến môi trường và đời sống cộng đồng xung quanh, các chương trình nâng cao nhận thức cũng cần được chú trọng.

Trong quá trình khảo sát, nhóm thực hiện nhận thấy có một số hạn chế như sau:

- **Phân bố mẫu khảo sát chưa đồng đều:** Có sự chênh lệch giữa tỷ lệ doanh nghiệp tham gia khảo sát ở các vùng kinh tế. Đặc biệt, vùng Tây Nguyên chỉ chiếm 2%, trong khi vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung chiếm tới 32%. Việc di chuyển tại Tây Nguyên gặp nhiều khó khăn do địa hình đồi núi, cùng với việc thiếu các tổ chức hỗ trợ, dẫn đến hạn chế trong việc tiếp cận doanh nghiệp tại đây.
- **Chưa tiếp cận được với các doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế, hiệp hội:** Trong quá trình khảo sát, nhóm đã tận dụng tối đa việc kết nối doanh nghiệp thông qua các tổ chức hỗ trợ (Ban quản lý khu công nghiệp, Hiệp hội, Liên minh hợp tác xã,...), do nhiều doanh nghiệp chưa sẵn sàng tiếp cận với chủ đề ESG. Tuy nhiên, vẫn cần thêm sự hỗ trợ từ các đơn vị để khảo sát có thể tiếp cận các doanh nghiệp nhỏ lẻ không thuộc phạm vi quản lý của các tổ chức này, nhằm đưa ra kết quả toàn diện hơn.



E. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Bảng hỏi khảo sát doanh nghiệp về kinh doanh bền vững theo khung ESG (dành cho 1.019 doanh nghiệp)

PHỤ LỤC 2: Bảng hỏi khảo sát chuyên sâu doanh nghiệp về kinh doanh bền vững theo khung ESG (dành cho 13 doanh nghiệp tiêu biểu)

PHỤ LỤC 3: Biểu đồ bổ sung về Mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp Việt Nam theo khung Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG)





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

PHỤ LỤC I: BẢNG HỎI KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP VỀ KINH DOANH BỀN VỮNG THEO KHUNG ESG (DÀNH CHO 1.019 DOANH NGHIỆP)

PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP VỀ KINH DOANH BỀN VỮNG THEO KHUNG ESG

Cục Phát triển Doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành khảo sát doanh nghiệp nhằm đánh giá kịp thời mức độ sẵn sàng thực hành kinh doanh bền vững theo khung ESG (môi trường, xã hội, quản trị) của doanh nghiệp.

Ở môi trường kinh doanh hiện đại, các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ ngày càng quan tâm nhiều hơn đến các rủi ro cũng như cơ hội liên quan đến các tác động về môi trường (E), xã hội (S), và quản trị (G). Điều này cũng đúng với chiến lược đầu tư ngày nay của các cá nhân hay tổ chức khi các yếu tố liên quan đến phát triển bền vững ngày càng được ưu tiên cao hơn. Việc thực hành ESG mang lại rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, ví dụ như tăng cường năng lực cạnh tranh, thu hút các nguồn tài chính và khách hàng mới, tăng hiệu quả tài chính và vận hành, đồng thời giúp doanh nghiệp nâng cao hình ảnh và vị thế trong mắt khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

Tổng thời lượng khảo sát khoảng 5 - 10 phút. Bằng cách nhấn nút nộp khảo sát, doanh nghiệp đã đồng ý với việc cung cấp thông tin cho Dự án. Toàn bộ thông tin của doanh nghiệp tham gia khảo sát sẽ được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác và đóng góp của quý doanh nghiệp.

Hoạt động khảo sát này nằm trong khuôn khổ Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ. Quý vị có thể tìm hiểu thêm về Dự án IPSC và các gói hỗ trợ dành cho doanh nghiệp tại địa chỉ www.ipsc.vn. Mọi thắc mắc, xin vui lòng liên hệ với nhóm nghiên cứu qua địa chỉ email: info@ipsc.vn.



A. THÔNG TIN ĐÁP VIÊN

I. Doanh nghiệp vui lòng cho biết một số thông tin sau đây:

I. Doanh nghiệp vui lòng cho biết một số thông tin sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp*:
- b) Mã số thuế*:
- c) Năm thành lập*:
- d) Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính*:
- e) Nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp (tỉnh/thành phố)*:
- f) Nơi đặt cơ sở sản xuất/kinh doanh chính của doanh nghiệp (tỉnh/thành phố)*:
- g) Các địa điểm cơ sở sản xuất khác (nếu có) được đặt tại địa bàn các địa phương*:
- h) Họ và tên người cung cấp thông tin:
- i) Chức vụ/Bộ phận:
- j) Điện thoại:
- k) Email:

2. Doanh nghiệp có phải là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (là doanh nghiệp có một hoặc nhiều phụ nữ với tổng sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người cấp quản lý điều hành doanh nghiệp) không? *

- a) Có
- b) Không

3. Doanh nghiệp có phải là doanh nghiệp do phụ nữ trực tiếp điều hành (là việc phụ nữ đảm nhận vị trí điều hành cao nhất trong Ban giám đốc, có thể là vị trí Tổng Giám đốc/ Giám đốc điều hành) không? *

- a) Có
- b) Không

4. Loại hình kinh doanh của doanh nghiệp? *

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên
- c) Công ty cổ phần, niêm yết
- d) Công ty cổ phần, không niêm yết
- e) Hợp tác xã
- f) Hộ kinh doanh
- g) Mục khác:



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

4.1. Doanh nghiệp có bao nhiêu vốn điều lệ do cá nhân/tổ chức kinh tế tư nhân của Việt Nam sở hữu? (Dành cho Công ty TNHH) *

- a) Dưới 50%
 - b) Từ 50% trở lên
-

4.2. Doanh nghiệp có bao nhiêu cổ phần biểu quyết do cá nhân / tổ chức kinh tế Việt Nam sở hữu? (Dành cho Công ty Cổ phần) *

- a) Dưới 50%
 - b) Từ 50% trở lên
-

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp? *

- a) Năng lượng
 - b) Giao thông vận tải Xây dựng
 - c) Nông, lâm, thủy sản & Bảo tồn đa dạng sinh học
 - d) Công nghiệp chế biến & chế tạo
 - e) Quản lý chất thải
 - f) Công nghệ thông tin & truyền thông
 - g) Giáo dục, đào tạo & tư vấn
 - h) Y tế & sức khỏe
 - i) Khai thác tài nguyên, khoáng sản
 - j) Du lịch
 - k) Mục khác:
-

6. Doanh nghiệp có sản phẩm đang xuất khẩu đi thị trường nước ngoài không? *

- a) Không
 - b) Có
-

7. Vui lòng cho biết các thị trường xuất khẩu chính của doanh nghiệp: (Trả lời nếu “Câu 6” chọn Có) *

Chọn tất cả mục phù hợp.

- a) Hoa Kỳ Canada
- b) Châu Âu
- c) Vương quốc Anh
- d) Úc
- e) Nhật Bản
- f) Hàn Quốc
- g) Trung Quốc
- h) Ấn Độ
- i) Đông Nam Á
- j) Mục khác:



8. Số lượng lao động toàn thời gian của doanh nghiệp? *

- a) Từ 1 đến 10 lao động
- b) Từ 11 đến 50 lao động
- c) Từ 51 đến 100 lao động
- d) Từ 101 đến 200 lao động
- e) Từ 201 đến 500 lao động
- f) Từ 501 đến 1000 lao động
- g) Trên 1000 lao động

9. Tổng doanh thu năm gần nhất của doanh nghiệp? *

- a) Dưới 03 tỷ đồng
- b) 03 - 05 tỷ đồng
- c) 05 - 10 tỷ đồng
- d) 10 - 20 tỷ đồng
- e) 20 - 50 tỷ đồng
- f) 50 - 100 tỷ đồng
- g) 100 - 200 tỷ đồng
- h) 200 - 300 tỷ đồng
- i) Hơn 300 tỷ đồng

10. Câu nào sau đây phản ánh đúng nhất về doanh nghiệp? *

- a) Doanh nghiệp chưa từng nghe nói đến ESG
- b) Doanh nghiệp chưa từng nghe nói đến ESG, nhưng đang thực hành về chủ đề môi trường, xã hội và quản trị
- c) Doanh nghiệp đang tìm hiểu về ESG
- d) Doanh nghiệp đang xây dựng chiến lược thực hành ESG
- e) Doanh nghiệp đã có chiến lược và cam kết thực hành ESG, nhưng chưa có kế hoạch triển khai cụ thể
- f) Doanh nghiệp đã có kế hoạch và đang thực hành ESG tại doanh nghiệp

11. Doanh nghiệp có chính sách quản lý, giám sát và đánh giá tác động môi trường và công bố chính sách công khai không? (Chính sách bao gồm những hướng dẫn, nguyên tắc, yêu cầu tuân thủ, được thể hiện dưới dạng văn bản, do người có thẩm quyền trong doanh nghiệp phê duyệt và ban hành chính thức) *

- a) Không
- b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
- c) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam nhưng không công bố công khai
- d) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam và công bố công khai
- e) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam và quốc tế nhưng không công bố công khai
- f) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam và quốc tế và công bố công khai



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024**

12. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện báo cáo, công bố thông tin về công tác quản lý môi trường không? *

- a) Không
 - b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
 - c) Có - Thực hiện báo cáo và công bố thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, v.v) theo yêu cầu bắt buộc
 - d) Có - Tự nguyện thực hiện báo cáo và công bố thông tin công khai (VD: trên website của doanh nghiệp, thông cáo báo chí, v.v)
-

13. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện kiểm toán các báo cáo môi trường không? (VD: báo thực cáo hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo giám sát chất lượng môi trường, v.v) *

- a) Không
 - b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
 - c) Có - Tự thực hiện
 - d) Có - Do đơn vị tư vấn/ kiểm toán độc lập thực hiện
-

14. Doanh nghiệp có nhân sự phụ trách về vấn đề môi trường không? *

- a) Không
 - b) Có - Kiêm nhiệm
 - c) Có - Chuyên trách
-

15. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức tập huấn nội bộ về chính sách môi trường của doanh nghiệp không? *

- a) Không - Doanh nghiệp không có chính sách môi trường
 - b) Không - Doanh nghiệp có chính sách môi trường nhưng không tổ chức tập huấn
 - c) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
 - d) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn
-

16. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động toàn thời gian không? *

- a) Không
 - b) Có - Theo yêu cầu tối thiểu của pháp luật Việt Nam (VD: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm y tế, bảo hiểm khuyết tật và tàn tật, nghỉ thai sản, trợ cấp hưu trí, v.v)
 - c) Có - Theo pháp luật Việt Nam và cung cấp thêm các phúc lợi khác (VD: tăng số ngày nghỉ phép hưởng lương, du lịch hàng năm, hỗ trợ chương trình chăm sóc sức khỏe ngoài bảo hiểm như chăm sóc răng miệng, phục vụ thức ăn và đồ uống miễn phí tại văn phòng, v.v)
-

17. Doanh nghiệp có nhân sự phụ trách về các vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp không? *

- a) Không
- b) Có - Kiêm nhiệm
- c) Có - Chuyên trách



18. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức tập huấn nội bộ về các chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp không? *

- a) Không - Doanh nghiệp không có chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- b) Không - Doanh nghiệp có chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp nhưng không tổ chức tập huấn
- c) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
- d) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn

19. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có triển khai các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động không? (VD: đào tạo và dạy nghề nội bộ; người lao động nghỉ đi học được hưởng lương; người lao động được doanh nghiệp trả tiền toàn bộ hoặc một phần để tham gia chương trình đào tạo ở bên ngoài, v.v) *

- a) Không
- b) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
- c) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn

20. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tiến hành đào tạo cho người lao động hiểu về quyền lợi của mình khi làm việc tại doanh nghiệp không? *

- a) Không
- b) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
- c) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn

21. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức các hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương, có sự tham gia của cộng đồng địa phương hay tác động tích cực đến cộng đồng địa phương không? (VD: đào tạo nghề cho người địa phương; tạo cơ hội cho người địa phương tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng của doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động văn hóa cho người địa phương tham gia; tham vấn các tổ chức tại địa phương về các hoạt động của doanh nghiệp; thiết lập và công bố các quy trình và kênh tiếp nhận; giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương, v.v) *

- a) Không
- b) Có

22. Doanh nghiệp có quy trình đánh giá nhằm đảm bảo sản phẩm, dịch vụ an toàn cho khách hàng không? *

- a) Không
- b) Có - Quy trình nội bộ, chưa được văn bản hóa
- c) Có - Quy trình nội bộ, được ban thành thành văn bản
- d) Có - Quy trình được văn bản hóa và công bố công khai (VD: trên website của doanh nghiệp)

23. Doanh nghiệp có thông báo đầy đủ và đúng thông tin về sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng hay không? (VD: thành phần sản phẩm/cấu phần dịch vụ; tác động môi trường, xã hội của sản phẩm/dịch vụ; sử dụng an toàn sản phẩm/dịch vụ; hướng dẫn thái bỏ sản phẩm, v.v.) *

- a) Không
- b) Có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

24. Doanh nghiệp có chính sách phát triển bền vững rõ ràng và cam kết thực hiện các chính sách và hoạt động hướng đến phát triển bền vững không? *

- a) Không
- b) Có - Chính sách và cam kết nội bộ nhưng chưa có văn bản chính thức
- c) Có - Chính sách và cam kết nội bộ được ban hành thành văn bản
- d) Có - Chính sách và cam kết được công bố công khai

25. Trong 12 tháng gần nhất, HĐQT hoặc HĐQTV hoặc Ban Giám đốc có ban hành quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp và việc tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp không? *

- a) Không
- b) Có quy trình nhưng chưa có văn bản chính thức
- c) Có quy trình được văn bản hóa và công bố công khai

26. Doanh nghiệp có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không? *

- a) Không
- b) Có - Ban hành và phổ biến nội bộ
- c) Có - Ban hành và công bố công khai

27. Doanh nghiệp có cơ chế tiếp nhận tố giác, khiếu nại, góp ý và giải quyết tố giác, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp không? *

- a) Không
- b) Có cơ chế nhưng chưa có văn bản chính thức
- c) Có - Ban hành thành văn bản và phổ biến nội bộ
- d) Có - Ban hành thành văn bản và công bố công khai

28. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có xây dựng và công bố Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường xã hội không? (Đây có thể là các báo cáo riêng biệt hoặc tích hợp trong báo cáo thường niên, báo cáo phát triển bền vững, v.v của doanh nghiệp.) *

- a) Không
- b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
- c) Chỉ có Báo cáo tài chính; không có Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội
- d) Có cả Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội

29. Doanh nghiệp có thành lập ít nhất một trong các bộ phận sau về: chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương không? *

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết

30. Doanh nghiệp có thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ không? (Chỉ dành cho Công ty Cổ phần, Niên yết) *

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết



31. Doanh nghiệp có thành lập Ban Kiểm soát không? (Chỉ dành cho Công ty Cổ phần, Niên yết)*

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết

32. Doanh nghiệp có đảm bảo tối thiểu 20% tổng số thành viên của HĐQT là thành viên độc lập không? (Chỉ dành cho Công ty Cổ phần, Niên yết)*

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết

33. Doanh nghiệp có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên? (Chỉ dành cho Công ty Cổ phần, Niên yết)*

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết

34. Doanh nghiệp có biết về quy định, chính sách sau của nhà nước liên quan đến ESG không? *

(Vui lòng chọn tất cả phương án tương thích)

- a) Không biết
- b) Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022- 2025
- c) Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 - 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ- TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ
- d) Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- e) Mục khác:

35. Doanh nghiệp gặp khó khăn gì khi muốn thực hành ESG? *

(Vui lòng chọn tất cả phương án tương thích)

- a) Không có hoặc thiếu thông tin về ESG
- b) Thiếu các chương trình giới thiệu và đào tạo về ESG
- c) Chưa có chính sách cụ thể từ Chính phủ về thực hành ESG
- d) Thiếu sự hỗ trợ từ Chính phủ, các tổ chức phát triển, hay đối tác trong việc thực hành ESG
- e) Gặp khó khăn trong việc công bố và báo cáo thực hành ESG
- f) Gặp khó khăn trong việc tìm nguồn tài chính đầu tư vào thực hành ESG
- g) Gặp khó khăn trong việc tuyển dụng hoặc đào tạo nhân sự có chuyên môn về thực hành ESG
- h) Mục khác:



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024**

36. Doanh nghiệp có đề xuất gì về chính sách, hỗ trợ giúp cho doanh nghiệp thực hành ESG? *
(Vui lòng chọn tất cả phương án tương thích)

- a) Có văn bản cụ thể hướng dẫn cho các doanh nghiệp thực hành ESG
- b) Được tiếp cận đến các khoản vay xanh từ Chính phủ hoặc các tổ chức
- c) Được giảm hay miễn thuế cho các doanh nghiệp cam kết thực hành ESG với những mục tiêu cụ thể
- d) Có các cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thực hành ESG (như khen thưởng, tuyên dương, cấp giấy chứng nhận...)
- e) Chính phủ có các chương trình nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc thực hành ESG
- f) Mục khác:

37. Anh/chị biết tới khảo sát này qua kênh nào? *

- a) Facebook
- b) Zalo
- c) Email
- d) Sở Giao dịch Chứng khoán giới thiệu
- e) Cục Phát triển doanh nghiệp / Sở Kế hoạch & Đầu tư giới thiệu
- f) Hiệp hội doanh nghiệp giới thiệu
- g) BQL Khu công nghiệp giới thiệu / Sự kiện tại Khu công nghiệp
- h) Khóa tập huấn/Sự kiện khác do Dự án USAID IPSC tổ chức Báo chí
- i) Truyền hình - TV
- j) Mục khác:

38. Ghi chú hoặc ý kiến khác

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



PHỤ LỤC 2: BẢNG HỎI KHẢO SÁT CHUYÊN SÂU DOANH NGHIỆP VỀ KINH DOANH BỀN VỮNG THEO KHUNG ESG (DÀNH CHO 13 DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU)

PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP VỀ KINH DOANH BỀN VỮNG THEO KHUNG ESG

Cục Phát triển Doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành khảo sát doanh nghiệp nhằm đánh giá kịp thời mức độ sẵn sàng thực hành kinh doanh bền vững theo khung ESG (môi trường, xã hội, quản trị) của doanh nghiệp.

Ở môi trường kinh doanh hiện đại, các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ ngày càng quan tâm nhiều hơn đến các rủi ro cũng như cơ hội liên quan đến các tác động về môi trường (E), xã hội (S), và quản trị (G). Điều này cũng đúng với chiến lược đầu tư ngày nay của các cá nhân hay tổ chức khi các yếu tố liên quan đến phát triển bền vững ngày càng được ưu tiên cao hơn. Việc thực hành ESG mang lại rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, ví dụ như tăng cường năng lực cạnh tranh, thu hút các nguồn tài chính và khách hàng mới, tăng hiệu quả tài chính và vận hành, đồng thời giúp doanh nghiệp nâng cao hình ảnh và vị thế trong mắt khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

Tổng thời lượng khảo sát khoảng 5 - 10 phút. Bằng cách nhấn nút nộp khảo sát, doanh nghiệp đã đồng ý với việc cung cấp thông tin cho Dự án. Toàn bộ thông tin của doanh nghiệp tham gia khảo sát sẽ được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác và đóng góp của quý doanh nghiệp.

Hoạt động khảo sát này nằm trong khuôn khổ Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ. Quý vị có thể tìm hiểu thêm về Dự án IPSC và các gói hỗ trợ dành cho doanh nghiệp tại địa chỉ www.ipsc.vn. Mọi thắc mắc, xin vui lòng liên hệ với nhóm nghiên cứu qua địa chỉ email: info@ipsc.vn.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

THÔNG TIN ĐÁP VIÊN

I. Doanh nghiệp vui lòng cho biết một số thông tin sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp:
- b) Mã số thuế:
- c) Năm thành lập:.....
- d) Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính:.....
- e) Nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp (tỉnh/thành phố):
- f) Nơi đặt cơ sở sản xuất/kinh doanh chính của doanh nghiệp (tỉnh/thành phố):.....
- g) Các địa điểm cơ sở sản xuất khác (nếu có) được đặt tại địa bàn các địa phương:
- h) Họ và tên người cung cấp thông tin:
- i) Chức vụ/Bộ phận:.....
- j) Điện thoại:
- k) Email:.....
- l) Địa chỉ website:.....
- m) Năm bắt đầu triển khai ESG (nếu đã triển khai):.....

Thông tin 01 lãnh đạo doanh nghiệp (để liên hệ):

- a) Họ và tên:.....
- b) Giới tính:.....
- c) Dân tộc:.....
- d) Vị trí công tác:.....
- e) Email:.....
- f) Điện thoại:

2. Doanh nghiệp có phải là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (là doanh nghiệp có một hoặc nhiều phụ nữ với tổng sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người cấp quản lý điều hành doanh nghiệp) không?

- a) Có
- b) Không

3. Doanh nghiệp có phải là doanh nghiệp do phụ nữ trực tiếp điều hành (là việc phụ nữ đảm nhận vị trí điều hành cao nhất trong Ban giám đốc, có thể là vị trí Tổng Giám đốc/ Giám đốc điều hành) không?

- a) Có
- b) Không



4. Loại hình kinh doanh của doanh nghiệp?

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên
- c) Công ty cổ phần, niêm yết
- d) Công ty cổ phần, không niêm yết
- e) Hợp tác xã
- f) Hộ kinh doanh
- a) Mục khác:

4.1. Doanh nghiệp có bao nhiêu vốn điều lệ do cá nhân/tổ chức kinh tế tư nhân của Việt Nam sở hữu? (Dành cho Công ty TNHH)

- a) Dưới 50%
- b) Từ 50% trở lên

4.2. Doanh nghiệp có bao nhiêu cổ phần biểu quyết do cá nhân / tổ chức kinh tế Việt Nam sở hữu? (Dành cho Công ty Cổ phần)

- a) Dưới 50%
- b) Từ 50% trở lên

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp?

- a) Năng lượng
- b) Giao thông vận tải
- c) Xây dựng
- d) Nông, lâm, thủy sản & Bảo tồn đa dạng sinh học
- e) Công nghiệp chế biến & chế tạo
- f) Quản lý chất thải
- g) Công nghệ thông tin & truyền thông
- h) Giáo dục, đào tạo & tư vấn
- i) Y tế & sức khỏe
- j) Khai thác tài nguyên, khoáng sản
- k) Du lịch
- l) Mục khác:

6. Doanh nghiệp có sản phẩm đang xuất khẩu đi thị trường nước ngoài không?

- a) Không
- b) Có

7. Vui lòng cho biết các thị trường xuất khẩu chính của doanh nghiệp: (Trả lời nếu “Câu 6” chọn Có)

Chọn tất cả mục phù hợp.

- a) Hoa kỳ
- b) Canada
- c) Châu Âu
- d) Vương quốc Anh
- e) Úc



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

- f) Nhật Bản
 - g) Hàn Quốc
 - h) Trung Quốc
 - i) Ấn Độ
 - j) Đông Nam Á
 - k) Mục khác:
-

8. Số lượng lao động toàn thời gian của doanh nghiệp?

- a) Từ 1 đến 10 lao động
 - b) Từ 11 đến 50 lao động
 - c) Từ 51 đến 100 lao động
 - d) Từ 101 đến 200 lao động
 - e) Từ 201 đến 500 lao động
 - f) Từ 501 đến 1000 lao động
 - g) Trên 1000 lao động
-

9. Thông tin lao động:

- a) Tổng số nhân viên toàn thời gian : trong đó, tổng số nhân viên nữ:
 - b) Tổng số nhân viên bán thời gian : trong đó, tổng số nhân viên nữ:
 - c) Tổng số nhân viên thời vụ : trong đó, tổng số nhân viên nữ:
 - d) Tổng số cán bộ cấp quản lý (từ cấp trưởng phòng / trưởng bộ phận trở lên): trong đó, tổng số cán bộ cấp quản lý là nữ:
 - e) Tổng số lao động vị thành niên (nếu có) - từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi:
-

10. Tổng doanh thu năm gần nhất của doanh nghiệp?

- a) Dưới 03 tỷ đồng
 - b) 03 - 05 tỷ đồng
 - c) 05 - 10 tỷ đồng
 - d) 10 - 20 tỷ đồng
 - e) 20 - 50 tỷ đồng
 - f) 50 - 100 tỷ đồng
 - g) 100 - 200 tỷ đồng
 - h) 200 - 300 tỷ đồng
 - i) Hơn 300 tỷ đồng
-

11. Câu nào sau đây phản ánh đúng nhất về doanh nghiệp?

- a) Doanh nghiệp chưa từng nghe nói đến ESG
- b) Doanh nghiệp chưa từng nghe nói đến ESG, nhưng đang thực hành về chủ đề môi trường, xã hội và quản trị
- c) Doanh nghiệp đang tìm hiểu về ESG
- d) Doanh nghiệp đang xây dựng chiến lược thực hành ESG
- e) Doanh nghiệp đã có chiến lược và cam kết thực hành ESG, nhưng chưa có kế hoạch triển khai cụ thể
- f) Doanh nghiệp đã có kế hoạch và đang thực hành ESG tại doanh nghiệp



TRỤ CỘT MÔI TRƯỜNG

12. Doanh nghiệp có chính sách quản lý, giám sát và đánh giá tác động môi trường và công bố chính sách công khai không? (Chính sách bao gồm những hướng dẫn, nguyên tắc, yêu cầu tuân thủ, được thể hiện dưới dạng văn bản, do người có thẩm quyền trong doanh nghiệp phê duyệt và ban hành chính thức)

- a) Không
- b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
- c) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam nhưng không công bố công khai
- d) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam và công bố công khai
- e) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam và quốc tế nhưng không công bố công khai
- f) Có - Theo chuẩn mực Việt Nam và quốc tế và công bố công khai

13. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có bị xử phạt vi phạm liên quan tới môi trường không?

- a) Không
- b) Có

14. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện báo cáo, công bố thông tin về công tác quản lý môi trường không?

- a) Không
- b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
- c) Có - Thực hiện báo cáo và công bố thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, v.v) theo yêu cầu bắt buộc
- d) Có - Tự nguyện thực hiện báo cáo và công bố thông tin công khai (VD: trên website của doanh nghiệp, thông cáo báo chí, v.v)

15. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện kiểm toán các báo cáo môi trường không? (VD: báo thực cáo hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo giám sát chất lượng môi trường, v.v)

- a) Không
- b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
- c) Có - Tự thực hiện
- d) Có - Do đơn vị tư vấn/ kiểm toán độc lập thực hiện

16. Doanh nghiệp có nhân sự phụ trách về vấn đề môi trường không?

- a) Không
- b) Có - Kiêm nhiệm
- c) Có - Chuyên trách

17. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức tập huấn nội bộ về chính sách môi trường của doanh nghiệp không?

- a) Không - Doanh nghiệp không có chính sách môi trường
- b) Không - Doanh nghiệp có chính sách môi trường nhưng không tổ chức tập huấn
- c) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
- d) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024**

18. Doanh nghiệp có tiêu chí/ tiêu chuẩn môi trường cho nhà cung ứng không?

- a) Không
- b) Có - áp dụng không đầy đủ
- c) Có - áp dụng đầy đủ

19. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tái chế, tái sử dụng nguyên vật liệu không?

- a) Không
- b) Có
- c) Không áp dụng do hoạt động của doanh nghiệp không tạo ra chất thải

20. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có theo dõi và thống kê năng lượng tiêu thụ, năng lượng tái tạo không?

- a) Không
- b) Có - thống kê tổng năng lượng tiêu thụ
- c) Có - thống kê và đo lường năng lượng tái tạo (nếu có)

21. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có theo dõi và thống kê lượng nước đầu vào (nước mặt, nước sâu), nước tuần hoàn và tái sử dụng không?

- a) Không
- b) Có - thống kê lượng nước đầu vào, nhưng không sử dụng nước tuần hoàn và tái sử dụng
- c) Có - thống kê và đo lường lượng nước đầu vào, nước tuần hoàn và nước tái sử dụng

22. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có đánh giá và giám sát các hoạt động của doanh nghiệp mà có tác động đáng kể đến đa dạng sinh học không?

- a) Không
- b) Không áp dụng do hoạt động của doanh nghiệp không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học (N/A)
- c) Có - theo pháp luật Việt Nam
- d) Có - theo pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế

23. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có báo cáo chi tiết về lượng khí phát thải nhà kính không?

- a) Không
- b) Có - công bố nhưng không chi tiết theo loại khí và nguồn phát thải
- c) Có - công bố và báo cáo chi tiết theo loại khí và nguồn phát thải

24. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có báo cáo chi tiết về tổng lượng nước thải theo chất lượng không?

- a) Không
- b) Không áp dụng do không phát thải nước thải (N/A)
- c) Có - công bố nhưng không chi tiết theo loại nước thải và nguồn phát thải
- d) Có - công bố và báo cáo chi tiết theo loại nước thải và nguồn phát thải



25. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có báo cáo chi tiết về tổng lượng chất thải, bao gồm chất thải nguy hại, chất thải không nguy hại, và phương pháp xử lý chất thải không?

- a) Không
- b) Không áp dụng do không phát thải chất thải (N/A)
- c) Có - báo cáo không đầy đủ các thông tin
- d) Có - báo cáo đầy đủ các thông tin

26. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có báo cáo đầy đủ việc vận chuyển chất thải nguy hại không?

- a) Không
- b) Không áp dụng do không phát thải chất thải nguy hại (N/A)
- c) Có - báo cáo không đầy đủ các thông tin
- d) Có - báo cáo đầy đủ các thông tin

27. Trong kỳ báo cáo, doanh nghiệp có theo dõi và báo cáo về tỷ trọng các loại nguyên vật liệu có thể tái chế trong cơ cấu sản phẩm không? (bao gồm cả nguyên liệu đóng gói trong quá trình phân phối)

- a) Không
- b) Không áp dụng do không sử dụng nguyên vật liệu (N/A)
- c) Có - báo cáo không đầy đủ các thông tin
- d) Có - báo cáo đầy đủ các thông tin

TRỤ CỘT XÃ HỘI

28. Doanh nghiệp có ký kết đầy đủ hợp đồng lao động với tất cả người lao động theo quy định của pháp luật không?

- a) Không
- b) Có

29. Doanh nghiệp có xây dựng quy chế trả lương cho người lao động và chi trả mức lương tối thiểu theo quy định của pháp luật không?

- a) Không
- b) Có

30. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có lập báo cáo thống kê đầy đủ tỷ lệ người lao động toàn thời gian thôi việc và tỷ lệ người lao động toàn thời gian được thuê mới không?

- a) Không
- b) Có

31. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động toàn thời gian không?

- a) Không
- b) Có - Theo yêu cầu tối thiểu của pháp luật Việt Nam (VD: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm y tế, bảo hiểm khuyết tật và tàn tật, nghỉ thai sản, trợ cấp hưu trí, v.v)



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024**

- c) Có - Theo pháp luật Việt Nam và cung cấp thêm các phúc lợi khác (VD: tăng số ngày nghỉ phép hưởng lương, du lịch hàng năm, hỗ trợ chương trình chăm sóc sức khoẻ ngoài bảo hiểm như chăm sóc răng miệng, phục vụ thức ăn và đồ uống miễn phí tại văn phòng, v.v)
-

32. Doanh nghiệp có lập báo cáo thống kê đầy đủ tỷ lệ người lao động toàn thời gian nghỉ thai sản, quay trở lại làm việc và giữ được việc sau 12 tháng không?

- a) Không
b) Có
-

33. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tuân thủ thời gian làm việc theo luật lao động bao gồm cả trả lương làm thêm giờ, làm ca đêm và làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ chính thức cho người lao động không?

- a) Không
b) Có
-

34. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thông báo nội bộ cho nhân viên về những thay đổi trong hoạt động của doanh nghiệp theo như thoả thuận giữa doanh nghiệp và nhân viên?

- a) Không có thoả thuận về thời gian cần thông báo
b) Có thoả thuận về thời gian cần thông báo nhưng không thông báo
c) Có - chậm so với thời gian thoả thuận
d) Có - theo thời gian thoả thuận
-

35. Doanh nghiệp có nhân sự phụ trách về các vấn đề an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp không?

- a) Không
b) Có - Kiêm nhiệm
c) Có - Chuyên trách

36. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có xảy ra tai nạn lao động không?

- a) Có - tai nạn lao động với mức thương tật > 10% và tử vong
b) Có - tai nạn lao động với mức thương tật 5-10%
c) Không
-

37. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có báo cáo chi tiết về tỷ lệ người lao động có nguy cơ cao mắc các bệnh nghề nghiệp không?

- a) Không
b) Có
-

38. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có trao đổi chính thức với Công đoàn hoặc các bên liên quan về các vấn đề sức khỏe và an toàn cho người lao động không?

- a) Không
b) Có



39. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức tập huấn nội bộ về các chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp không?

- a) Không - Doanh nghiệp không có chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- b) Không - Doanh nghiệp có chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp nhưng không tổ chức tập huấn
- c) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
- d) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn

40. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có triển khai các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động không? (VD: đào tạo và dạy nghề nội bộ; người lao động nghỉ đi học được hưởng lương; người lao động được doanh nghiệp trả tiền toàn bộ hoặc một phần để tham gia chương trình đào tạo ở bên ngoài, v.v)

- a) Không
- b) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
- c) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn

41. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tiến hành đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp theo giới tính và theo cấp bậc của người lao động không?

- a) Không có tiêu chuẩn đánh giá nhân viên và không tiến hành đánh giá nhân viên định kỳ
- b) Không có tiêu chuẩn đánh giá nhân viên nhưng có tiến hành đánh giá nhân viên định kỳ
- c) Có tiêu chuẩn đánh giá nhân viên và tiến hành đánh giá nhân viên định kỳ theo tiêu chuẩn được xây dựng

42. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có lập báo cáo thống kê chi tiết sự đa dạng của toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp không?

- a) Không
- b) Có

43. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có lập báo cáo thống kê chi tiết sự đa dạng của lực lượng lao động trong ban quản lý không?

- a) Không
- b) Có

44. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có lập báo cáo thống kê chi tiết về tỷ lệ tổng thu nhập của người lao động nữ so với người lao động nam giới trong mỗi cách thức phân loại không?

- a) Không
- b) Có

45. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có lập báo cáo vụ việc phân biệt đối xử xảy ra trong khoảng thời gian này không?

- a) Không
- b) Có

46. Trong 12 tháng gần nhất, những vụ việc phân biệt đối xử được báo cáo có được phân loại không?

- a) Không
- b) Có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

47. Doanh nghiệp có cơ chế tố giác và bảo vệ danh tính và sự an toàn của người tố giác về các vấn đề phân biệt đối xử, bất bình đẳng, quấy rối tình dục không?

- a) Không
 - b) Có
-

48. Doanh nghiệp có chính sách và sáng kiến tạo điều kiện khuyến khích sự tham gia của nhóm yếu thế vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp hay không?

- a) Không
 - b) Có
-

49. Doanh nghiệp có thúc đẩy người lao động tham gia công đoàn, các tổ chức đoàn thể khác và thúc đẩy các hoạt động thương lượng tập thể nhưng không vi phạm pháp luật và chính sách doanh nghiệp không?

- a) Không
 - b) Có
-

50. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có sử dụng lao động từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi ngoài danh mục cho phép không?

- a) Không
 - b) Có
-

51. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có lao động từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi ngoài danh mục cho phép không?

- a) Không
 - b) Có
-

52. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có sử dụng lao động cưỡng bức hay bắt buộc không?

- a) Không
 - b) Có
-

53. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tiến hành đào tạo cho người lao động hiểu về quyền lợi của mình khi làm việc tại doanh nghiệp không?

- a) Không
 - b) Có - Dưới 50% người lao động tham gia tập huấn
 - c) Có - Bằng hoặc trên 50% người lao động tham gia tập huấn
-

54. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức các hoạt động gắn kết với cộng đồng địa phương, có sự tham gia của cộng đồng địa phương hay tác động tích cực đến cộng đồng địa phương không? (VD: đào tạo nghề cho người địa phương; tạo cơ hội cho người địa phương tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng của doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động văn hóa cho người địa phương tham gia; tham vấn các tổ chức tại địa phương về các hoạt động của doanh nghiệp; thiết lập và công bố các quy trình và kênh tiếp nhận; giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương, v.v)

- a) Không
- b) Có



55. Doanh nghiệp có tiêu chí/ tiêu chuẩn xã hội cho nhà cung cấp không?

- a) Không
- b) Có - áp dụng không đầy đủ
- c) Có - áp dụng đầy đủ

56. Doanh nghiệp có quy trình đánh giá nhằm đảm bảo sản phẩm, dịch vụ an toàn cho khách hàng không?

- a) Không
- b) Có - Quy trình nội bộ, chưa được văn bản hóa
- c) Có - Quy trình nội bộ, được ban thành thành văn bản
- d) Có - Quy trình được văn bản hóa và công bố công khai (VD: trên website của doanh nghiệp)

57. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có các vụ việc vi phạm các quy định về an toàn của sản phẩm với sức khỏe của người sử dụng không?

- a) Không
- b) Có

58. Doanh nghiệp có thông báo đầy đủ và đúng thông tin về sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng hay không? (VD: thành phần sản phẩm/cấu phần dịch vụ; tác động môi trường, xã hội của sản phẩm/dịch vụ; sử dụng an toàn sản phẩm/dịch vụ; hướng dẫn thải bỏ sản phẩm, v.v.)

- a) Không
- b) Có

59. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có bị khiếu nại liên quan đến vi phạm bảo mật thông tin khách hàng không?

- a) Không
- b) Có

TRỤ CỘT QUẢN TRỊ

60. Doanh nghiệp có chính sách phát triển bền vững rõ ràng và cam kết thực hiện các chính sách và hoạt động hướng đến phát triển bền vững không?

- a) Không
- b) Có - Chính sách và cam kết nội bộ nhưng chưa có văn bản chính thức
- c) Có - Chính sách và cam kết nội bộ được ban hành thành văn bản
- d) Có - Chính sách và cam kết được công bố công khai

61. Cơ cấu HĐQT hoặc HĐTV hoặc ban Giám đốc có đa dạng về kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không?

- a) Không
- b) Có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

62. Cơ cấu HĐQT hoặc HĐQTV hoặc Ban Giám đốc có đa dạng về giới không?

- a) Không
 - b) Có
-

63. Trong 12 tháng gần nhất, HĐQT hoặc HĐQTV hoặc Ban Giám đốc có ban hành quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp và việc tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp không?

- a) Không
 - b) Có quy trình nhưng chưa có văn bản chính thức
 - c) Có quy trình được văn bản hóa và công bố công khai
-

64. Doanh nghiệp có chính sách giới hạn về số năm đương nhiệm của thành viên HĐQT hoặc HĐQTV hoặc Ban Giám đốc không?

- a) Không
 - b) Có
-

65. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, có thực hiện đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập, và có thiết lập quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra không?

- a) Không
 - b) Có
-

66. Doanh nghiệp có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không?

- a) Không
 - b) Có - Ban hành và phổ biến nội bộ
 - c) Có - Ban hành và công bố công khai
-

67. Doanh nghiệp có cá nhân, thành viên của ban điều hành chịu trách nhiệm tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan không?

- a) Không
 - b) Có
-

68. Doanh nghiệp có cơ chế tiếp nhận tố giác, khiếu nại, góp ý và giải quyết tố giác, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp không?

- a) Không
 - b) Có cơ chế nhưng chưa có văn bản chính thức
 - c) Có - Ban hành thành văn bản và phổ biến nội bộ
 - d) Có - Ban hành thành văn bản và công bố công khai
-

69. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có xây dựng và công bố Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường xã hội không? (Đây có thể là các báo cáo riêng biệt hoặc tích hợp trong báo cáo thường niên, báo cáo phát triển bền vững, v.v của doanh nghiệp.)

- a) Không
- b) Không áp dụng do loại hình kinh doanh không yêu cầu
- c) Chỉ có Báo cáo tài chính; không có Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội
- d) Có cả Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường - xã hội



70. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thường xuyên cập nhật các nội dung trên website doanh nghiệp và bảo đảm mọi thông tin được cập nhật đều bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh không?

- a) Không
- b) Có

71. Trong 12 tháng gần nhất, tiền lương của người điều hành hoạt động kinh doanh (Giám đốc, Tổng giám đốc, v.v) có được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp và được công khai hoặc báo cáo Đại hội đồng cổ đông, hoặc Ban giám đốc tại cuộc họp thường niên không?

- a) Không
- b) Có

72. Báo cáo thường niên có quy chế rõ ràng về lương, thưởng, các khoản thu nhập khác, quỹ phúc lợi và chi phí mà doanh nghiệp chi trả, thanh toán cho từng thành viên trong HĐQT hoặc HĐQTV hoặc Ban Giám đốc không?

- a) Không
- b) Có

73. Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của doanh nghiệp với các quy tắc quản trị doanh nghiệp và trong trường hợp có việc không tuân thủ, báo cáo có nêu rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?

- a) Không
- b) Có

DÀNH CHO DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

74. Doanh nghiệp có thành lập ít nhất một trong các bộ phận sau về: chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng hay các đơn vị tương đương không?

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết

75. Trong 12 tháng gần nhất, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị có phải do Thành viên độc lập làm trưởng ban không?

- a) Không
- b) Có

76. Doanh nghiệp có đảm bảo tối thiểu 20% tổng số thành viên của HĐQT là thành viên độc lập không?

- a) Không
- b) Có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG**
CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI,
QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

77. Trong 12 tháng gần nhất, báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT có phải do thành viên độc lập đánh giá không?

- a) Không
- b) Có

78. Doanh nghiệp có thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ không?

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết

79. Trong trường hợp doanh nghiệp bắt buộc phải có Kiểm toán nội bộ theo pháp luật Việt Nam, danh sách các ứng viên kiểm toán có được công bố công khai không?

- a) Không
- b) Có
- c) Không áp dụng do pháp luật Việt Nam không yêu cầu (N/A)

80. Doanh nghiệp có thành lập Ban Kiểm soát không?

- a) Không
- b) Có
- c) Không biết

81. Trong năm qua, chủ tịch Ủy ban kiểm toán có phải là Thành viên độc lập HĐQT không?

- a) Không
- b) Có

82. Doanh nghiệp có thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro không?

- a) Không
- b) Có

83. Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro có phải là thành viên độc lập HĐQT không?

- a) Không
- b) Có

84. Doanh nghiệp có bộ phận chịu trách nhiệm giám sát truyền thông ra bên ngoài và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật không?

- a) Không
- b) Có

85. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có công bố tính độc lập của thành viên HĐQT không?

- a) Không
- b) Có



86. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có áp dụng công nghệ thông tin để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách thuận lợi nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?

- a) Không
- b) Có

87. Trong 12 tháng gần nhất, tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có cung cấp thông tin về các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát (nếu có) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội không?

- a) Không
- b) Có - trước khai mai 10-20 ngày
- c) Có - trước khai mạc 21 ngày

88. Trong thư mời tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông, cổ đông có được hướng dẫn để đóng góp ý kiến trong thời gian trước ngày tham dự đại hội về (các) vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của Đại Hội Đồng Cổ Đông không?

- a) Không
- b) Có

89. Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có công bố và sử dụng tài liệu họp, biên bản họp, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng tiếng Việt và tiếng Anh?

- a) Không
- b) Có

90. Trong trường hợp doanh nghiệp bắt buộc phải có Kiểm toán độc lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp có công bố đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) là Kiểm toán độc lập?

- a) Không
- b) Có
- c) Không áp dụng do pháp luật Việt Nam không yêu cầu (N/A)

91. Doanh nghiệp có xây dựng và công bố chính sách liên quan đến việc khiếu nại của cổ đông không?

- a) Không
- b) Có

92. Trong 12 tháng gần nhất, đại hội đồng cổ đông có thông qua thù lao hoặc lương thưởng, chi phí, các khoản lợi ích do doanh nghiệp thanh toán cho từng thành viên Hội đồng Quản trị không?

- a) Không
- b) Có

93. Doanh nghiệp có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên?

- a) Không
- b) Có



DÀNH CHO TOÀN THỂ DOANH NGHIỆP

94. Doanh nghiệp có biết những quy định, chính sách nào của nhà nước liên quan đến ESG không?

.....

.....

.....

.....

95. Doanh nghiệp gặp khó khăn gì khi thực hành ESG?

.....

.....

.....

.....

96. Doanh nghiệp có đề xuất gì về chính sách, hỗ trợ giúp cho doanh nghiệp thực hành ESG?

.....

.....

.....

.....

97. Anh/chị biết tới khảo sát này qua kênh nào?

- k) Facebook
- l) Zalo
- m) Email
- n) Cục Phát triển doanh nghiệp / Sở Kế hoạch & Đầu tư giới thiệu
- o) Hiệp hội doanh nghiệp giới thiệu
- p) BQL Khu công nghiệp giới thiệu / Sự kiện tại Khu công nghiệp
- q) Khóa tập huấn/Sự kiện khác do Dự án USAID IPSC tổ chức Báo chí
- r) Truyền hình - TV
- s) Mục khác:

98. Ghi chú hoặc ý kiến khác

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 3. BIỂU ĐỒ BỔ SUNG VỀ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH KINH DOANH BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG)

I. Biểu đồ bổ sung trong trụ cột Môi trường (E)

Thực hiện kiểm toán các báo cáo môi trường

Hơn 60% đáp viên tham gia khảo sát cho biết doanh nghiệp chưa thực hiện kiểm toán báo cáo môi trường, trong khi chỉ 23% doanh nghiệp tự tiến hành kiểm toán. Một tỷ lệ nhỏ doanh nghiệp lựa chọn sử dụng dịch vụ tư vấn và kiểm toán độc lập từ các đơn vị bên ngoài, chủ yếu thuộc khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, nơi có hơn 50% doanh nghiệp thực hiện kiểm toán độc lập cho các báo cáo môi trường. Các lĩnh vực như Khai thác tài nguyên, khoáng sản, Quản lý chất thải, và Năng lượng đang dẫn đầu về tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện kiểm toán báo cáo môi trường, với hơn 50% doanh nghiệp phản hồi đang tích cực tham gia vào hoạt động này.



Biểu đồ 44: Cơ cấu thực hiện kiểm toán các báo cáo môi trường trong 12 tháng gần nhất¹

Tập huấn luyện nội bộ về chính sách môi trường

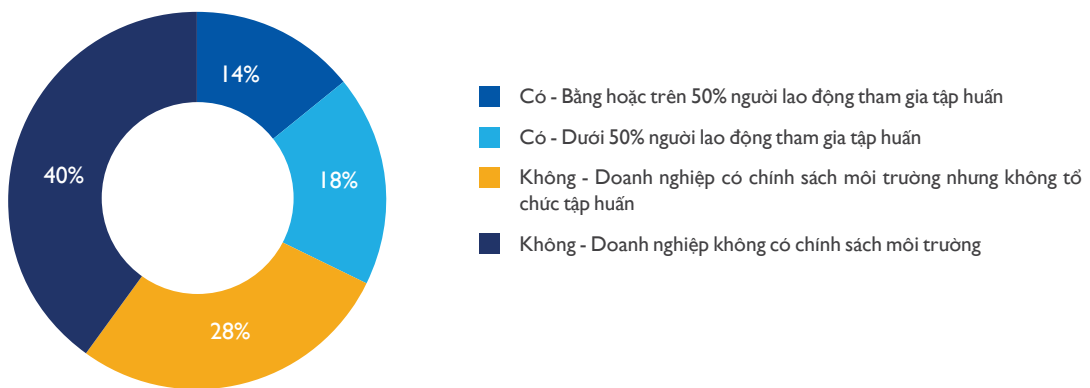
Gần 70% đáp viên cho biết doanh nghiệp chưa tổ chức tập huấn nội bộ về chính sách môi trường, bất kể việc họ có chính sách hay không. Trong số những doanh nghiệp thực hiện tập huấn, phần lớn chỉ thu hút được dưới 50% nhân viên tham gia. Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên nổi bật lên như những điểm sáng trong cả nước với tỷ lệ 37% doanh nghiệp tổ chức tập huấn định kỳ về chính sách môi trường, điều này cho thấy sự nỗ lực đáng ghi nhận trong việc nâng cao nhận thức của người lao động. Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp Đồng bằng sông Hồng và Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung tỏ ra chưa tập trung nhiều trong việc tổ chức hoạt động này.

¹ Câu 13 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có thực hiện kiểm toán các báo cáo môi trường không?



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Xét theo các lĩnh vực, có thể thấy các lĩnh vực có tác động lớn đến môi trường dành nhiều ưu tiên hơn cho hoạt động này. Chẳng hạn, chỉ có khoảng 10% doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin và Truyền thông tiến hành tổ chức tập huấn nội bộ về chính sách môi trường. Trong khi đó, con số này lên tới hơn 80% đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Quản lý chất thải, một trong những lĩnh vực thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định của pháp luật.



Biểu đồ 45: Cơ cấu doanh nghiệp tổ chức tập huấn nội bộ về chính sách môi trường²

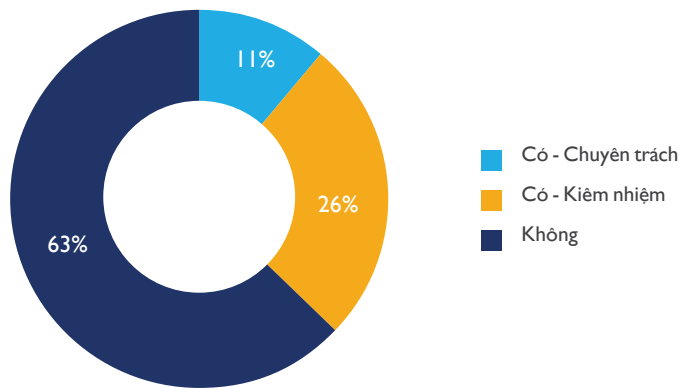
2. Biểu đồ bổ sung trong trụ cột Xã hội (S)

Nhân sự về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp là một trong những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động của doanh nghiệp. Việc phân công nhân sự phụ trách về chủ đề này giúp doanh nghiệp có khả năng quản lý, kiểm soát các rủi ro trong công việc, đồng thời nâng cao năng lực chăm lo đến phúc lợi, đời sống của người lao động, qua đó tạo nên môi trường làm việc tốt nhất, an toàn và thân thiện.

Theo kết quả khảo sát, số ít doanh nghiệp trên cả nước có nhân sự chuyên trách về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, ở mức 11%. Phần lớn doanh nghiệp có nhân sự phụ trách mảng này nhưng chỉ kiêm nhiệm cùng vị trí khác trong công ty, đạt 63% số doanh nghiệp tham gia khảo sát. Còn lại 26% doanh nghiệp hiện tại không có nhân sự mảng này.

² Câu 15 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức tập huấn nội bộ về chính sách môi trường của doanh nghiệp không?

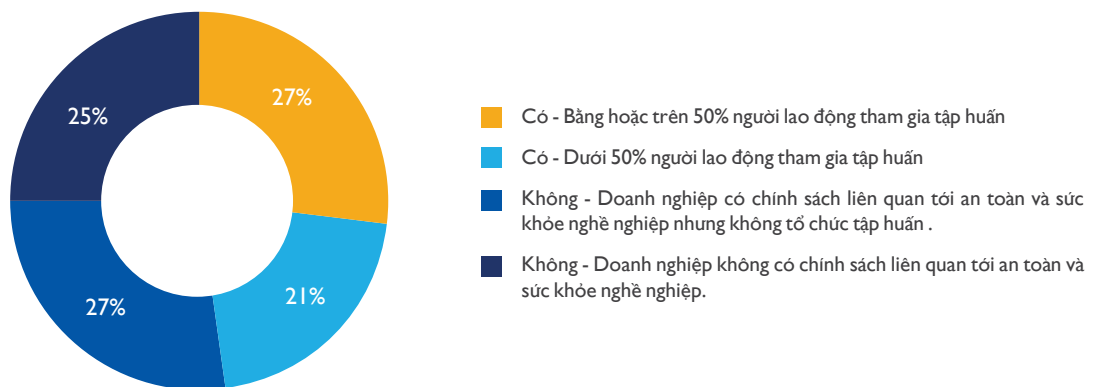


Biểu đồ 46: Phân bố nhân sự về các vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp³

Tổ chức tập huấn nội bộ về các chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Ngoài việc có nhân sự về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, việc đào tạo người lao động cũng rất quan trọng cho việc thực hành ESG của doanh nghiệp, giúp người lao động hiểu rõ và áp dụng chính sách của doanh nghiệp đề ra. Về việc đào tạo, mức thực hành được chia làm bốn cấp độ như Biểu đồ 36.

Kết quả khảo sát cho thấy gần một nửa số lượng doanh nghiệp có tổ chức tập huấn nội bộ về các chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Bên cạnh đó, 27% doanh nghiệp đã đưa ra các chính sách này, tuy nhiên, chưa tổ chức tập huấn cho nhân viên.



Biểu đồ 47: Cơ chế tổ chức tập huấn nội bộ về các chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong 12 tháng gần nhất⁴

³ Câu 17 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có nhân sự phụ trách về các vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp không?

⁴ Câu 18 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tổ chức tập huấn nội bộ về các chính sách liên quan tới an toàn và sức khỏe nghề nghiệp không?

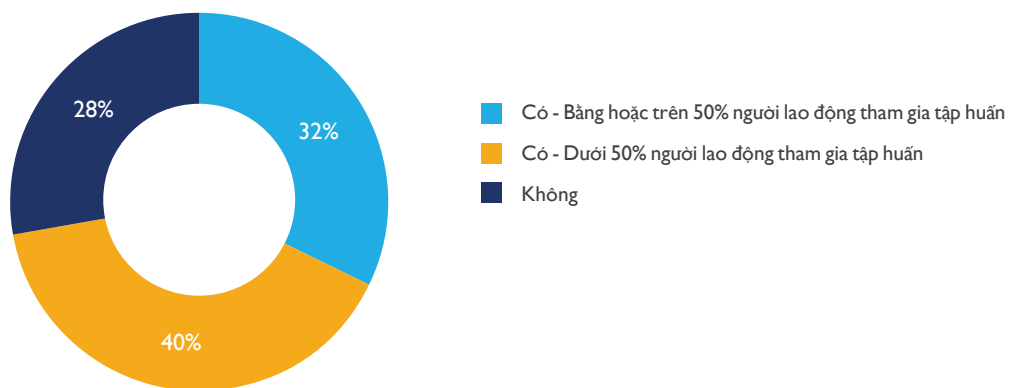


BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động

Bên cạnh vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, các hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động cũng là một trong những vấn đề thuộc trụ cột Xã hội mà các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm. Việc đầu tư vào các hoạt động này giúp người lao động tăng năng suất và hiệu quả làm việc, qua đó doanh nghiệp có thể tăng cường mức độ gắn kết nội bộ và giữ chân nhân tài.

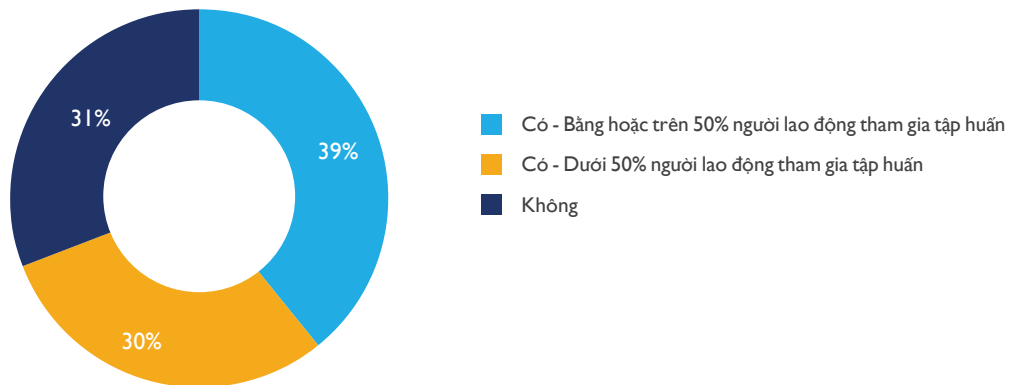
72% các doanh nghiệp tại Việt Nam đã triển khai các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động. Trong đó, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là các khu vực tiêu biểu với hơn 85% doanh nghiệp trong vùng có đào tạo về chuyên môn cho người lao động.



Biểu đồ 48: Cơ chế triển khai các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động

Đào tạo cho người lao động hiểu về quyền lợi của mình

Nhằm chăm lo một cách đầy đủ hơn cho phúc lợi của người lao động, doanh nghiệp cần phổ biến cho người lao động thông tin về các quyền lợi của mình khi làm việc tại doanh nghiệp. Nhìn chung, 69% doanh nghiệp Việt Nam cho biết đã triển khai hoạt động này, được thúc đẩy bởi các doanh nghiệp quy mô lớn và vừa với tỉ lệ triển khai lần lượt là 87% và 86%. Trong khi đó, mới chỉ có 51% các doanh nghiệp nhỏ tiến hành đào tạo cho người lao động hiểu về quyền lợi của mình. Điều này cho thấy các doanh nghiệp nhỏ cần chú ý hơn về vấn đề này, đặc biệt khi doanh nghiệp đặt mục tiêu tăng trưởng và mở rộng số lượng nhân sự trong những năm sắp tới.

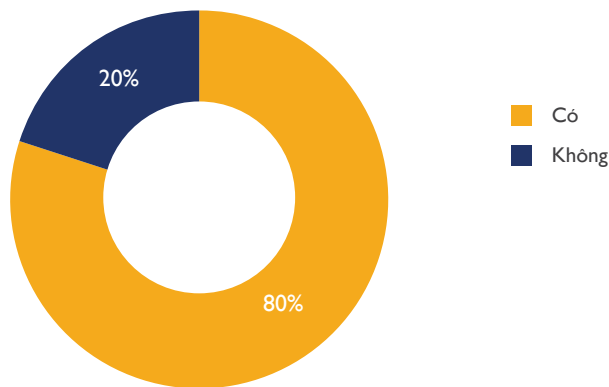


Biểu đồ 49: Cơ chế đào tạo cho người lao động hiểu về quyền lợi của mình khi làm việc tại doanh nghiệp ⁵

⁵ Câu 20 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, doanh nghiệp có tiến hành đào tạo cho người lao động hiểu về quyền lợi của mình khi làm việc tại doanh nghiệp không?

Thông báo thông tin về sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng

Bên cạnh quy trình đảm bảo an toàn, chất lượng sản phẩm, việc minh bạch thông tin về sản phẩm, dịch vụ cũng rất quan trọng với cả doanh nghiệp và khách hàng. Xét trên cả nước, 80% doanh nghiệp cho biết đã thông báo đầy đủ và đúng thông tin về sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng hay không. Con số này chỉ đạt mức 66% với khu vực Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung, trong khi đó, Đồng bằng sông Cửu Long dẫn đầu cả nước với tỷ lệ 90%. Ở các khu vực còn lại, tỷ lệ khá tương đồng với nhau, nằm trong khoảng 83-88%.



Biểu đồ 50: Cơ chế thông báo đầy đủ và đúng thông tin về sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng⁶

3. Biểu đồ bổ sung trong trụ cột Quản trị (G)

Ban hành quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp và việc tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp.

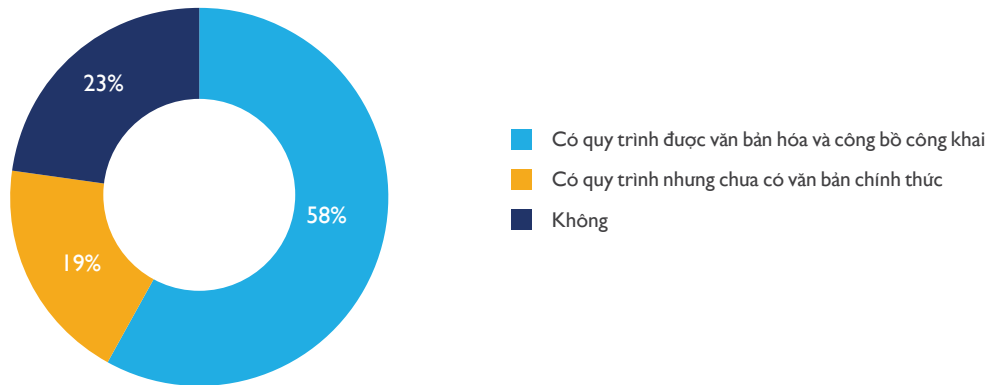
Bên cạnh các thực hành quản trị đã được phân tích ở phần trên của báo cáo, thực hành tốt về khía cạnh quản trị của doanh nghiệp còn được thể hiện qua việc tuân thủ pháp luật và đưa ra các quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro. Trên cả nước, đa số doanh nghiệp làm rất tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp qua việc ban hành quy trình theo dõi và đánh giá, với 58% doanh nghiệp có quy trình tuy chưa có văn bản chính thức, và 19% doanh nghiệp có quy trình được văn bản hóa và công bố công khai.

Điểm nổi bật cho kết quả này là về quy mô doanh nghiệp. Doanh nghiệp lớn và vừa có tỷ lệ doanh nghiệp ban hành quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp khá cao và gần bằng nhau, lần lượt là 88% và 87%. Tuy vậy, doanh nghiệp siêu nhỏ lại thực hành chưa tốt về chủ đề này, với 40% doanh nghiệp không ban hành quy trình theo dõi và đánh giá.

⁶ Câu 23 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có thông báo đầy đủ và đúng thông tin về sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng hay không?



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HÀNH **KINH DOANH BỀN VỮNG** CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THEO KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) NĂM 2024

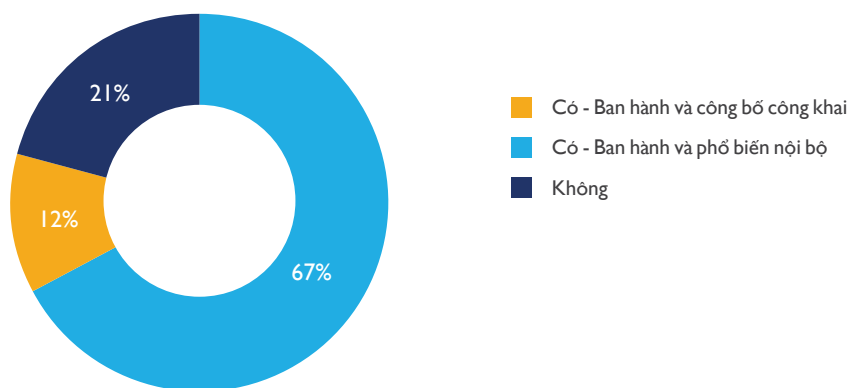


Biểu đồ 51: Cơ chế ban hành quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp và việc tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị hoặc HĐQT hoặc Ban Giám đốc trong 12 tháng gần nhất ⁷

Bộ quy tắc ứng xử/đạo đức

Ngoài công tác quản trị doanh nghiệp, việc xây dựng văn hóa và đạo đức doanh nghiệp chú trọng đến các nguyên tắc kinh doanh bền vững là rất quan trọng cho việc thực hành ESG tốt. Đa số các doanh nghiệp trên cả nước thực hành rất tốt với 89% là có ban hành bộ quy tắc ứng xử/đạo đức, với 12% là ban hành và công bố công khai.

Xét theo quy mô doanh nghiệp, kết quả cho thấy các doanh nghiệp lớn và vừa đang thực hiện rất tốt chủ đề này với tỷ lệ cùng đạt mức 87% cho cả hai nhóm quy mô. Trong đó, 74% doanh nghiệp vừa và 65% doanh nghiệp lớn đã ban hành và phổ biến nội bộ bộ quy tắc ứng xử/đạo đức. Tỷ lệ này tăng lên mức 13% trong nhóm doanh nghiệp vừa và 22% trong nhóm doanh nghiệp lớn khi xét về việc doanh nghiệp đã ban hành và công bố bộ quy tắc ứng xử/đạo đức một cách công khai để các bên liên quan có thể dễ dàng xem xét và tham khảo.



Biểu đồ 52: Cơ chế ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức ⁸

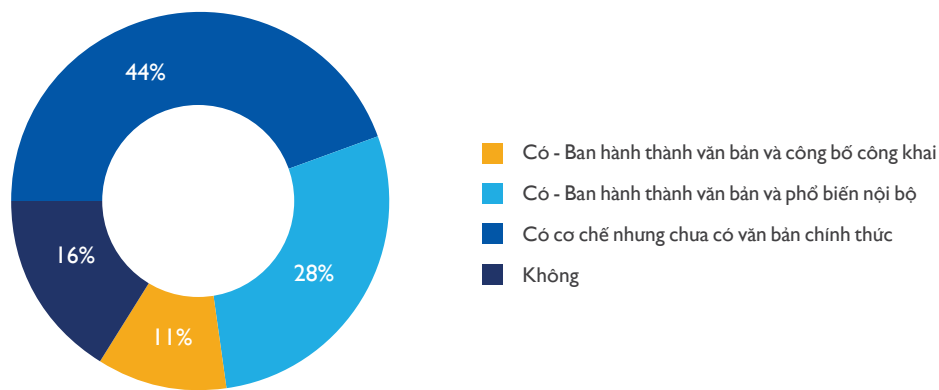
⁷ Câu 25 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Trong 12 tháng gần nhất, HĐQT hoặc HĐTV hoặc Ban Giám đốc có ban hành quy trình theo dõi, đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp và việc tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp không?

⁸ Câu 26 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không?



Cơ chế tiếp nhận tố cáo, khiếu nại, góp ý và giải quyết tố cáo, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp

Về cơ chế tiếp nhận tố cáo, khiếu nại, góp ý và giải quyết tố cáo, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp trên cả nước đang làm rất tốt với 84% doanh nghiệp đã có cơ chế này. Trong đó, 44% doanh nghiệp có cơ chế nhưng chưa ban hành thành văn bản chính thức; 29% doanh nghiệp đã ban hành thành văn bản và phổ biến nội bộ; và 11% doanh nghiệp đạt mức thực hành cao nhất là văn bản hóa và công bố công khai cơ chế này tới công chúng và các bên liên quan.



Biểu đồ 53: Cơ chế tiếp nhận tố cáo, khiếu nại, góp ý và giải quyết tố cáo, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp⁹

⁹ Câu 27 trong bảng khảo sát tại Phụ lục I: Doanh nghiệp có cơ chế tiếp nhận tố cáo, khiếu nại, góp ý và giải quyết tố cáo, khiếu nại, ý kiến từ các bên liên quan về các hoạt động của doanh nghiệp không?

**DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH
KHU VỰC TƯ NHÂN VIỆT NAM (IPSC)**

Tầng 7, Tháp Asia - Số 6 Nhà Thờ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

<http://ipsc.vn/>

**CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

6B Hoàng Diệu, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội

<https://esg.business.gov.vn/>